

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Điện-thoại: 23.187



Phạm - văn - Lạng

Giám - Định Trắc - địa - sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

Thuốc trị HO cao ho QUẢNG AN TIÊN

TRỊ : Ho cảm, ho đàm, ho khan, ho gió, đau cổ khan tiếng, ho nhiều ban đêm mất ngủ. Mọi chứng HO của người lớn nên dùng thuốc ho Quảng An Tiên.

Tổng phát hành : Lý Trác, nhà thuốc Quảng An Hòa
169 Lê văn Duyệt Saigon. (Có bán ở các đại lý Việt Hoa)

Kiểm nhận số 198 ngày 31-7-62

THUỐC TRỊ GAN Quảng An Hòa (số 1)

TRỊ : Đau gan, yếu gan, yếu mật, táo bón, mất ngủ, ngứa, nổi mề đay, nổi mụn ở mặt, ăn chậm tiêu.

Và khi hết bệnh, nên bồi bổ gan, dùng thuốc

BỒ GAN Quảng An Hòa số 2

Tổng phát hành : Nhà thuốc Quảng An Hòa 169 Lê văn Duyệt
Saigon, Lý Trác. (Có bán khắp nơi) Kiểm nhận số : 200 ngày 31-7-62

Thuốc Bồi Thận, Cường Thận Tinh, Quảng An Hòa

TRỊ : Đau thận, suy thận, đau lưng, đái đêm, ù tai, mờ mắt, bài hoả mỗi mốt, di mộng tinh, suy yếu cơ thể, ăn ngủ thất thường. Tổng phát hành : Lý Trác nhà thuốc Quảng an Hòa, 169 Lê v Duyệt Saigon. (Có đề bán ở các đại lý Việt Hoa.

Kiểm nhận số : 196 ngày 31-7-62

PHỔ-THÔNG

TẠP - CHÍ

GOP PHẦN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ-BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CỒ

Giám-đọc, Chủ-bút : Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn : 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ V ★ SỐ 93 ★ 1-12-62

- 1.— Một Hàn-lâm-viện Việt-Nam Nguyễn-Vỹ 7 — 9
- 2.— Tiến tới một nền khi lượng lối tân Võ quang Yến 10 — 17
- 3.— Người dân bà nấu cơm
tháng (truyện ngắn) Đông Trình 18 — 22
- 4.— Trọn đời (thơ) Hồng Liên 23
- 5.— Sự đóng góp của Trung-Hoa vào khoa học và
kỹ thuật học thế-giới Đ. Tuấn Anh 24 — 26
- 6.— Tôi nhớ một người em (thơ) . Nguyễn văn Cồn 27
- 7.— Danh nhân thế-giới : Winston Churchill Tề-Xuyên 28 — 35
- 8.— Miếng ăn... (truyện ngoại quốc) Duy Dân 36 — 43
- 9.— Nhân-vật xuân thu : Sư Khoáng Thiệu Sơn 44 — 49
- 10.— Vào thu (thơ) Phương Duyên 50
- 11.— Tuấn, chàng trai nước Việt Nguyễn-Vỹ 51 — 56

12.— Chuyện lạ kim cổ	Điền Sơn	57 — 62
13.— Đơn côi (thơ)	Hoàng Viễn Phương	63
14.— Minh ơi ! Có phải thuốc dưỡng thai... .	Diệu Huyền	64 — 70
15.— Một tuyến lập truyện ngắn V.N.	Bình Nguyên Lộc	71 — 77
16.— Văn-đề Lữ-Gia trong lịch sử V.N.	Ng. đức Cu g	78 — 85
	Trần-Vinh Anh	
17.— Một giấc mơ hoa	Duyên-Hồng	86 — 91
18.— Tem thư quốc tế	Đinh Điền	92 — 95
19.— Nguồn gốc và phong lục lễ hỏa táng của người Chăm	Parik	96 — 100
20.— Xã giao theo đời sống mới	Tân Phong	101 — 104
21.— Triển lãm Mỹ-thuật Quốc-tế	Châu-Giang	105 — 110
22.— Sách báo mới	Phổ Thông	111 — 112
23.— Lợi ngược (truyện dài)	Nguyễn-Vỹ	113 — 117
24.— Thư bạn đọc	Phổ-Thông	118 — 121
25.— Đáp bạn bốn phương.	Diệu-Huyền	122 — 130

- ★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, tạp-chí PHỔ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai cáo của các tác-giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế.)
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.

Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
Copyright by PHỔ-THÔNG, printed in Việt-Nam.

Xá - luận

một hàn lâm viện

VIỆT
NAM



H IỆN nay các giới trí-thức trong nước đều nhận thấy một Hàn-lâm-viện Việt-nam rất là cần-thiết. Nó phải ở trong hệ-thống dân-tộc phát-triển toàn-diện. Nó phải được coi như có tính-cách quan-trọng cấp-bách, bởi chỉ một cơ-quan có uy-tín chắc-chắn mới có đủ tài năng và thẩm-quyền đề phục-hồi trật-tự và kỷ-luật trên nền-tảng Văn-học quốc-gia.

Không cần chối-cãi rằng chúng ta không được may-mắn ở một nước đã bị thế-giới chính-thức gọi là « chậm-tiến », và Chính-quyền ta cũng thường nhắc đi nhắc lại nhiều lần.

Chậm-tiến về phương-diện kỹ-nghệ, vâng; kinh-tế, vâng; kỹ-thuật khoa-học tối-tân, vâng. Nhưng lẽ nào chậm tiến cả trên phương diện Văn-hóa nữa sao?

Với hai nghìn năm văn-hiến ở sau lưng, lẽ nào qua một nửa Thế-kỷ XX rồi mà trí-óc của Dân-tộc, Ngôn-ngữ, Văn-chương, Tư-tưởng, Nghệ-thuật, hãy còn tẻ-mạt, chưa vươn lên kịp các trào-lưu Quốc-tế?

Đối với văn-hóa và học-thuật của các nước Đông-Nam-Á, là những quốc-gia bạn gần-gụi nhất, thành thật mà nói, nước Việt-nam còn tiến-bộ hơn nhiều, tinh-thần của ta đâu đến đâu kém phát-triển hơn Nhật-bản, Philippines, Thái-lan? Trừ một số dân-tộc Tây-Âu đã vượt lên quá xa, vì họ đã tự-tạo ra những điều-kiện thuận-tiện để tiến-triển từ thời-kỳ Phục-Hưng, 500 năm trước, ngoài ra các dân-tộc Đông-Âu, Bắc-Âu, Nam-mỹ, Trung-Mỹ, Á-Phi, Úc, đã có gì hãnh-diện hơn Việt-nam?

Trên lĩnh-vực văn-hóa, chúng ta không nhận là « chậm tiến » hơn đa số dân-tộc. Nhưng chúng ta cũng không thể tự-đắc rằng đã bước đến một mức huy-hoàng bằng các quốc-gia tiến-bộ.

Ngôn-ngữ, Văn-chương, Tư-tưởng, Nghệ-thuật, của Thế-hệ Việt-nam Hậu-chiến đang mắc-kẹt trong một hiện-trạng bừa-bãi, hỗn-loạn, bê-bối, rất là trầm-trọng. Nếu hiện-tượng vô chính-phủ ấy còn kéo-dài mãi, thì một là vì chúng ta quá tự-phụ tự-đắc, không cần lưu ý đến những đồ-vỡ tinh thần, hai là chúng ta quá thiếu thốn, khô khan, không đủ năng lực để phục-hưng toàn-diện.

Nếu mỗi con người Văn-nghệ đều tự thấy mình không có trách-nhiệm gì cả đối với hiện tại, thì tương-lai sẽ còn những gì? Thế hệ hậu-tiến sẽ đón nhận được gì? Và rồi chính hiện tại thiếu trật-tự này sẽ đến bao giờ mới không còn thiếu trật-tự?

★

Chúng tôi có thể hy-vọng chính-quyền chiếu-cổ đến hiện-tượng ấy không? Một hiện-tượng bệnh-hoạn đang cần gấp một vị thuốc phục hồi.

Vì ở lĩnh-vực Văn-hóa, cũng như trên lĩnh vực kinh-tế, chính trị, cần phải có ổn-định rồi mới có dự-định, dự định rồi mới quyết định mạnh-mẽ được.

N. V.

Kỳ sau tiếp ★ ★ ★



★ BẠNG DUẬT TƯƠNG-TRÌ

Trong quyển « Chiến-quốc-sách » của Lưu-Hưong, đời nhà Hán, có chép một chuyện con cò và con trai :

Nước Triệu sắp đem binh qua đánh nước Yên. Tô-Tần liền sang nói với vua nước Triệu : « Tôi vừa đi ngang qua sông Dịch-Thủy, trông thấy con trai đang há miệng ằm phoi mình trên bãi cát. Một con cò ở đâu bay tới, mổ ngay vào thịt trai. Trai liền khép miệng, cặp chặt lấy mỏ cò. Cò nói : « Hôm nay không mưa, ngày mai không mưa, rồi trai sẽ chết ! » Trai nói : « Hôm nay cò không rút được mỏ, ngày mai cò không rút được mỏ, rồi cò sẽ chết ! ». Hai bên găng nhau, không ai nhịn ai. Bỗng có người đánh cá đi qua, thấy trai, thấy cò, liền bắt cả hai... Nay nước Triệu đánh nước Yên, nước Yên đánh lại. Hai bên sẽ cùng bị h. o binh tôn tướng, tôi sợ rồi đây nước Tần sẽ thừa cơ đem quân sang đánh lấy cả nước Triệu và nước Yên, cũng như cái cảnh bạng duật tương-trì, ngư ông đắc-lợi có khác gì đâu ! »

Vua Triệu nghe Tô-Tần nói, liền giảng hòa với nước Yên vậy.



tiền

tới

một

nền

KHÍ

TỎI

★ VÕ-QUANG-YẾN

VỚI các tiến triển khoa-học trong thuật hàng không trong không-gian, đặc biệt với các vệ-tinh nhân-tạo, môn khí tượng học đã mang một bộ mặt mới. Từ ngày môn khí tượng học ra đời, ngoài các quả bóng thính thoảng rời mặt đất đi thám thính trên cao, người ta chỉ biết nhìn lên trời. Giờ đây, người ta học hỏi cách thay đổi khí-hậu, theo dõi các cơn gió bão, dự đoán nhiều hiện tượng khác trong khí quyển bằng cách xem xét từ ngoài quả đất vào. Vệ-tinh

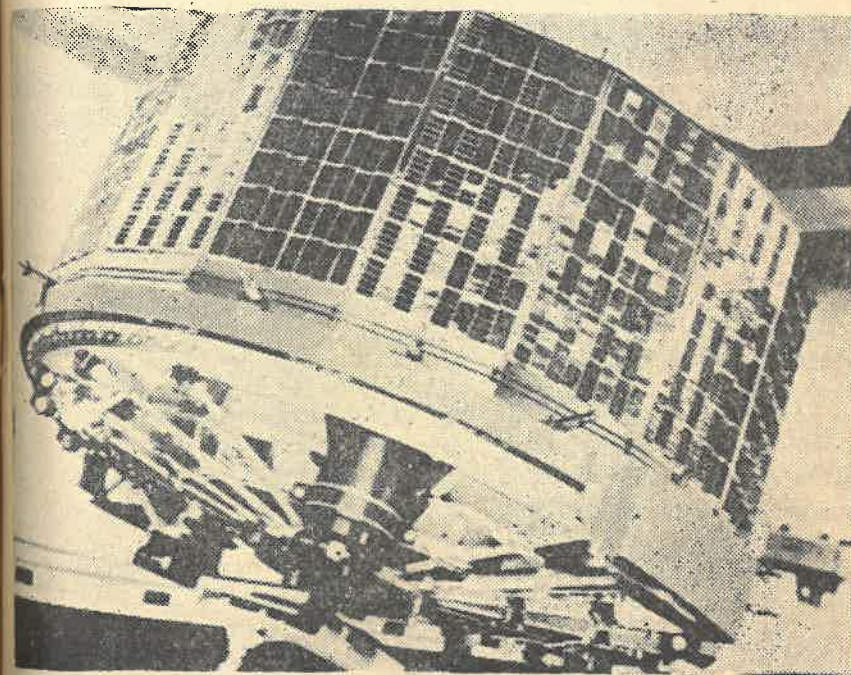
nhân-tạo là phương tiện mới để gây một cuộc cách-mạng trong môn khí-tượng-học.

Cuối năm qua, tại Washington, một nhóm chuyên viên quốc tế về khí tượng học đã nhóm lại để kiểm cách khai thác những kết quả do các vệ tinh khí tượng TIROS lượm lặt được. Hai lĩnh-vực đã được thảo luận

TƯỞNG
TÂN

TIROS III.—Đề ý 9000 tờ nhận ánh sáng mặt trời (pin quang-học).

Ở phía dưới, hai vật kính của các máy chụp hình mở rộng ra hai bên để trực vệ tinh được ổn định. ↓



là hình ảnh các đám mây và các số đo lường những thông lượng do nhiệt độ ở mặt đất, những đám mây và khí quyển tỏa ra. Sở Khí-tượng Hoa-kỳ đã xây cạnh Washington một phòng thí nghiệm về khí tượng vệ tinh: M. S. L. (Meteorologica Satellite Laboratory). Công việc của phòng là chỉ định những khu vực đáng được chú ý trên mặt đất để sau này vệ tinh phải chụp ảnh. Dự định sẽ được chuyển qua Cơ-quan quản trị quốc-gia về môn hàng không trong không gian N. A. S. A. để lập chương trình hành động cho các vệ tinh TIROS tùy theo quỹ đạo của từng chiếc. Các vệ tinh này chụp ảnh theo như đã định và truyền hình về đài Wallops Island trong xứ Virginie. Ở đây, các hình ảnh được in rõ lên giấy và gửi về Washington để sở Khí-tượng khai thác các kết quả.

● CÁC VỆ TINH TIROS LÀ MỘT THÀNH CÔNG RỰC-RỠ

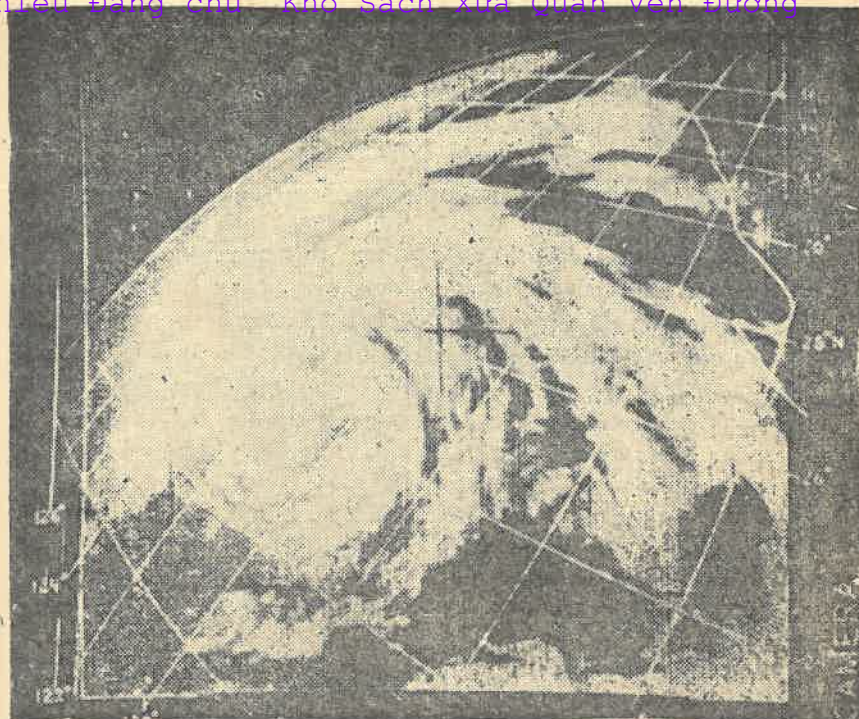
Đến nay, một số vệ tinh TIROS đã được bắn. TIROS là tên viết tắt của các vệ tinh khảo

sát về « vô tuyến truyền hình và hồng ngoại » (Television and Infrared Observation Satellite).

Chiếc vệ tinh đầu tiên, TIROS I, bắt đầu quay từ hôm 1-4-1960. Vệ tinh nặng 122,5 kilô, chạy trên một quỹ đạo hình tròn, tuy hơi méo, đoạn xa mặt đất nhất là 759 cây số, khoảng gần nhất, 435 cây số. Vệ tinh quay xung quanh quả đất mỗi vòng mất 99 phút 15 giây và có thể quay hằng chục năm như vậy, có điều máy móc chỉ chạy được có đến tháng 6 năm ấy, sau khi đã quay 8000 vòng. TIROS I là chiếc vệ tinh trước tiên chụp được một loạt hình liên tiếp của một phần lớn mặt đất. Muốn đạt được mục đích ấy, các nhà chuyên môn Mỹ đã giải quyết được ba vấn đề :

- độ chính xác của quỹ đạo ;
- hướng của vệ tinh đối với quả đất.
- dụng cụ vô tuyến và truyền hình.

Và vấn đề thứ nhất, độ chính xác đã đạt được nhờ nhiều tiến triển trong việc hướng dẫn hỏa tiễn Thor Able đã dùng để bắn các vệ tinh PIONNIER. Quỹ đạo



HÌNH TỪ VỆ TINH GỬI VỀ :

Đây là Thái-bình-dương với ba nhóm nhiễu loạn khí tượng. Những đám mây quây nhau lại thành dải hình xoắn ốc.

của TIROS I chỉ cách xa quỹ đạo định trước có vài chục cây số, nghĩa là chẳng bao lăm. Về hướng vệ tinh, thường có hai phương pháp : hoặc ổn định vệ tinh, nghĩa là dừng cho vệ tinh tự quay trên mình mà bắt vệ tinh phải giữ nguyên một vị trí định trước, hoặc cho vệ tinh một hướng nhất định. Phương pháp thứ nhất không thực hiện được vì cần có một bộ phận

điều khiển rườm rà mà vệ tinh thì lại quá nhỏ, không đủ chỗ chứa. Phương pháp thứ nhì dựa trên nguyên tắc con quay của trẻ con ; trước khi rời hỏa tiễn, vệ tinh được cho tự quay trên mình và tiếp tục quay khi được thả ra một mình ; đối với quả đất thì vệ tinh mỗi lúc một thay đổi hướng, nhưng đối với các hành tinh khác thì luôn giữ một hướng nhất định. Sau cùng,

về mặt dụng cụ, ngoài hai máy chụp hình vật kính khác nhau để có thể chụp ở những khoảng xa khác nhau, TIROS I còn có mang theo một máy vô tuyến nhận tin để nhận lệnh từ quả đất gửi lên, một máy thu thanh để ghi các lệnh đã nhận được để sau này truyền lại cho các máy chụp hình và hai máy vô tuyến phát tin (một máy lo về các dấu hiệu tượng hình đã chụp, một máy lo về vị trí, nhiệt độ vệ tinh,...) Ngoài ra, TIROS I còn có mang theo trên sườn 9000 tờ nhận ánh sáng kiểu pin quang học để cung cấp điện cho vệ tinh, và nhiều hỏa tiễn tí hon để sửa hướng vệ tinh.

● CHỈ MẤT MƯƠI PHÚT ĐỂ KHAI THÁC CÁC HÌNH TỪ VỆ TINH GỬI VỀ

TIROS II được bắn hôm 23-11-1960. Ngoài hai máy chụp hình, chiếc vệ tinh này còn mang theo những máy móc đo lường để đo các bức xạ khuếch tán của mặt trời và các bức xạ nhiệt của quả đất cùng khí quyển. TIROS II chụp khoảng 35.000 cái hình tuy một

trong hai máy chụp bị hỏng từ lúc vệ tinh mới được bắn lên. TIROS III, bắn ngày 12-6-1961, cũng có mang theo những máy đo lường như TIROS II. Một trong hai máy chụp hình bị hỏng sau 12 ngày, cái kia chạy được tốt nhưng đến tháng 11 thì hình bắt đầu lu mờ và máy hết còn dùng được. TIROS IV được bắn hôm 8-2-1962 và 3 chiếc nữa đang được bắn trong lúc này.

Chiếc vệ tinh thứ ba, TIROS III, chạy trên một quỹ đạo gần tròn xung quanh quả đất, cao khoảng 800 cây số, tốc độ 450 cây số/phút. Vệ vệ tinh mất 100 phút mỗi một vòng xung quanh quả đất. Từ một điểm nào trên mặt đất, người ta chỉ thấy được trong khoảng 10 phút. Mỗi một ngày vệ tinh chạy 14 vòng xung quanh quả đất mà đài Wallops chỉ dùng được 8-9 vòng. Theo phương pháp định hướng đã thấy trên kia, TIROS III tự quay trên mình theo tốc độ 8-12 vòng/phút. Để hướng được giữ thật đúng, những hỏa tiễn tí hon mang theo trên sườn luôn được vận dụng. Từ mặt đất, người ta theo dõi được vệ tinh nhờ

14 trạm nhận tin đặt khắp trên hoàn cầu, theo hệ thống Mini-track.

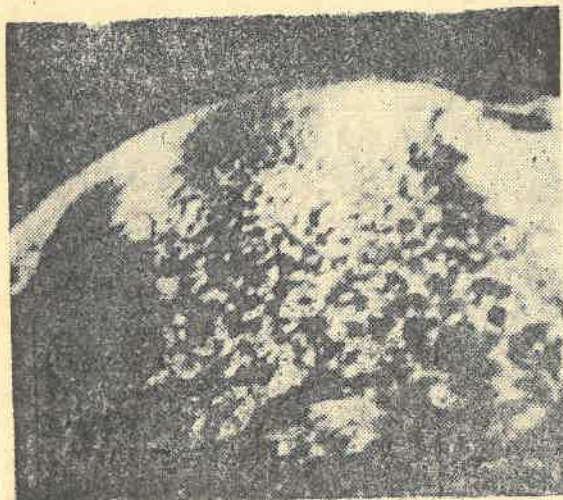
Trong hai máy chụp hình, chiếc thứ nhất, vật kính gốc rộng, có thể chụp được những khoảng rộng 1200 cây số vuông; chiếc thứ nhì, vật kính gốc nhỏ, chỉ chụp được những khoảng rộng 120 cây số vuông. Hai máy này đặt thành góc 120 độ, cứ hai giây thì chụp một hình. Khi truyền lại thì máy phát tin cứ gửi về từng lô 32 hình, cách nhau 30 giây, nghĩa là mất chừng 15 phút cho cả lô. Trên mình vệ tinh, 9000 pin quang học hiến một công suất 20 watt cần dùng để cho các máy chạy.

Ở mặt đất, mỗi một khi hình được chuyển về, người ta theo dõi trên một màn ảnh vô tuyến truyền hình, đồng thời có một băng từ học ghi lại tất cả. Ở Wallops Island, người ta mất độ mười phút để khai thác các hình đã nhận được. Những nhà khí tượng học phân giải tức khắc và lập thành những bản đồ nhiễu loạn do mây gây nên. Sau đấy, các bản đồ chỉ còn việc được đổi thành ám

hiệu để chuyển đi khắp các trạm khí tượng trên hoàn cầu.

● CÁCH MẠNG TRONG MÀN KHÍ TƯỢNG HỌC

Những kết quả đầu tiên của các vệ tinh TIROS thật là đáng được khuyến khích. Nhờ các vệ tinh này, lần đầu tiên người ta giải thích được hình thế các nhiễu loạn khí tượng. Những nhiễu loạn này hợp lại thành từng nhóm (famille) nhờ những hình ảnh người ta đã thấy được rõ ràng. Những đám mây quấn nhau lại thành dải (rue) hình xoắn ốc là biểu hiệu những trận gió lốc ở miền nhiệt đới. Những dải này luôn sắp theo chiều gió. Người ta cũng biết được cách tổ-chức và cấu tạo các dải ấy mà đến nay dù xem xét ở mặt đất hoặc dùng phi cơ thám thính ở cao độ, người ta không làm sao thấy rõ được. Nhờ vệ tinh, người ta định được chẳng hạn vùng quy tụ ở miền nhiệt đới vì thấy rõ những dải mây đứt khúc dài hàng ngàn và rộng hàng trăm cây số. Những đường mưa giông cũng được khám phá ra. Các trận bão đều biết trước được



HÌNH TỪ VỆ TINH GỞI VỀ :

Nhiều loạn trên Thái - bình - dương. Những đám mây gây giông hợp lại từng cuộn đường kính 150 - 200 cây số. Trước khi có vệ tinh, người ta không biết được những hình thể này.



và người ta theo dõi rất dễ dàng, dễ hơn trên các bản đồ khí-tượng xưa nhiều. Từ các kết quả đo lường, người ta định ra được những tương quan giữa các biến thiên của nhiệt độ, giữa các vĩ-độ khác nhau. Đặc-biệt, tương quan giữa cách thông thương của khí quyển và những thông số khí tượng giúp người ta tiên tri được khí hậu của ngày mai.

Một cách tổng quát, các vệ tinh TIROS đã mở rộng con đường cách mạng trong môn khí-tượng-học. Kết quả thật mỹ-mãn và người ta không thể đòi hỏi hơn. Bắt đầu từ cuối năm

này, các vệ-tinh NIMBUS sẽ ra đời thay thế các vệ-tinh TIROS. Các vệ tinh NIMBUS sẽ lớn hơn, mạnh hơn, mang nhiều máy móc hơn và sẽ đem lại nhiều kết quả đầy đủ hơn.

Sau này, vào khoảng 1965, sứ mệnh sẽ được các vệ-tinh AEROS tiếp tục. Các vệ-tinh này sẽ là những vệ-tinh 24 giờ, nghĩa là bay cao khoảng 35.900 cây số, chạy xung quanh quả đất cùng tốc độ quay của quả đất và đối với mặt đất sẽ đứng yên. Nếu NIMBUS bay ngang qua hai cực và chụp hình những vùng ấy, AEROS sẽ chịu trách-nhiệm các vùng xích-đạo, nhiệt đới và

ôn đới. Như vậy cùng cộng-tác với nhau, NIMBUS và AEROS sẽ cho ta biết rõ ràng tình hình khí quyển khắp mặt đất. Thêm vào đây, những dụng cụ đã sẵn

có những năm gần đây : radar, khí cầu, hỏa tiễn vẫn tiếp tục được dùng và cùng các vệ-tinh phụng sự một nền khí tượng tối tàn.

VÕ-QUANG-YẾN

★ TIN THÊM

Sau các TIROS I, II, III, và IV, hai chiếc vệ tinh đồng loại nữa đã được bắn : TIROS V và VI.

Chiếc TIROS V được bắn hôm 19-6-1962. Nếu chiếc TIROS IV may mắn thành công, giúp ích được nhiều, nhất là về những điều kiện khí tượng cần thiết cho cuộc bắn nhà phi hành Carpenter hôm 24-5-1962, chiếc TIROS V tuy lên đến được quỹ đạo cũng trở thành vô ích : trước là quỹ đạo hình thuận quá đẹp (điểm gần mặt đất nhất là 580 và điểm xa mặt đất nhất là 980 cây số), sau là một máy quay phim vô tuyến truyền hình bị hỏng ngay sau khi vệ tinh được phóng ra.

Vì cần biết những điều kiện khí tượng để sửa soạn cuộc bay của Schirra hôm 3-10-1962, người ta đã vội bắn sớm hai tháng chiếc TIROS VI. Theo kế hoạch thì vệ tinh này chỉ xong xuôi vào khoảng tháng 11 mà hôm 18-9-1962 người ta đã bắn lên. Vì thì giờ gấp rút, các nhà chuyên môn không kịp đặt vào vệ tinh những máy đo lường hồng ngoại nên TIROS VI chỉ còn có một công việc là chụp hình. Chạy trên một quỹ đạo gần tròn (680/707 cây số), vệ tinh đã làm tròn sứ mệnh vì đã gửi về những hình ảnh rất tốt.

Hai chiếc TIROS V và VI có một đặc điểm là chạy trên một mặt phẳng làm thành góc 58 độ với đường xích đạo (chứ không phải 48 độ như trước kia) mục đích là để « bao trùm » mặt đất được nhiều hơn. Từ đây đến cuối 1964, các nhà bác học Mỹ dự định cứ sáu tháng thì bắn một vệ tinh TIROS vì đến 1965 các vệ tinh NIMBUS mới ra đời.

người

đàn - bà

nấu

• truyện ngắn

cơm

tháng

★ ĐỒNG - TRÌNH

HẮN gọi thằng bạn cùng phòng đến chỉ cho xem một đoạn trong nhật-ký nói về đứa con gái có cái tên rất tàu: Lý tuyết-Hoa. Thằng bạn reo lên:

— Có phải con bé ở phía trước ty Công-chánh không?

— Chính con bé nhà có lò bánh mì ấy!

— Mà thích bánh mì hay thích nó?

Hắn chầm điếu thuốc thứ hai, cười rất khoái-trá:

— Cả hai. Tình yêu của em cũng dỏ và nóng hổi như bánh mì nhà em!

Thằng bạn vỗ trán như để nhớ lại điều gì rồi bỗng hét lên:

— Không được đâu ông nội ơi! Tao biết Hoa nó có bồ hẳn-hoi!

Hắn vẫn ngậm điếu thuốc trên môi, trả lời rất thân-nhiên:

— Có phải thằng Toàn không? Cái thằng đá banh khét tiếng ở đây ấy chứ gì?

Và hắn cười khanh-khách như một kẻ chiến-thắng:

— Thằng ranh con ấy chỉ có hai bàn chân để đá thì làm sao bằng tao có một vòng tay thật chắc để ôm?

Đến đây, đứa con gái của mẹ chủ nấu cơm tháng thò mặt ra ở khung cửa tò-vò ngăn cách giữa phòng ngủ và phòng ăn. Giọng nàng kênh-kiệu, hơi một chút lả-lơi: «Xin mời các ngài vào xơi cơm».

★

NGƯỜI ĐÀN BÀ NẤU CƠM THÁNG

Bọn hắn từ đâu đến xóm này? Không ai biết. Mẹ chủ nhà nhiều lần bảo chúng nên đến khai-báo với ông Liên-gia-trưởng để khỏi lồi-thôi về vấn-đề an-ninh, nhưng hắn — thằng anh chị nhất trong bọn — cười ha hả: «Khai với báo làm cóc gì! Chúng tôi từ Q.N. vào ở vài tuần thi tú-tài rồi lại xách gói đi ngay. Bà hiểu chưa?» Mẹ gật đầu, dù chưa hiểu ất-giáp gì về bọn chúng cả. Cũng như mẹ đã gật đầu trước đây khi thấy bọn chúng đứng lại trước cửa nhà mẹ, nhìn dán mắt vào cô Tự đang vươn tắm thân đầy-dà lên phơi áo trong sân đề hờ cả một khoảng da bụng trắng, và hỏi rất đều: «Ở đây cho thuê?»

Sau cái gật đầu của người đàn-bà, bọn chúng bốn đứa ủa vào nhà như một cơn gió lốc. Từ hôm đó mẹ lại đi chợ, nấu ăn như hồi còn học-sinh ở trọ, và Tự, cô con gái mẹ cảm thấy nao-nức muốn sống hơn.

Mẹ làm nghề nấu cơm tháng. Tiền lời kiếm được nuôi Tự ăn học và số cơm thừa mỗi bữa nuôi một bầy heo. Cuộc đời mẹ đều-đặn như thế đã hai mươi năm nay từ ngày chồng mẹ chết. Người mẹ mập tròn, tóc đã hoa

râm, lỗ miệng ăn trầu đỏ choét. Trong xóm ai cũng mến mẹ. Mẹ rất tốt bụng và không bao giờ làm mất lòng ai. Nhà mẹ tuy đông người nhưng lúc nào cũng im-lặng. Họ toàn học-sinh nghèo, nhà ở xa đến tỉnh học. Ban ngày đến trường. Đến bữa, im-lặng ngồi vào bàn ăn. Sau bữa cơm, ai nấy tìm về giường của mình nằm xía răng hay đọc báo. Không - khí êm-à như trong một bệnh-viện Thỉnh-thoảng trong bữa cơm có tiếng một cậu học trò ré om lên. Tất cả bỏ đĩa chạy tới. Hắn nói vừa thấy một con sâu ngo-ngoe trong đĩa rau sống. Chuyện chỉ có thể nên mọi người lại trở về chỗ cũ và tiếp-tục ăn. Khách ở đây thật hiền lành dễ-dãi. Cuối bữa, họ rửa lại đĩa rau sống và dọn mẹ lần sau lượm kỹ hơn.

Mỗi năm hễ đến mùa hè là mẹ buồn. Học-sinh ăn cơm tháng lần-lượt về quê. Những chiếc giường bỏ trống làm gian nhà thật vắng-vẻ. Mẹ nhớ tiếng học bài quen thuộc của lũ học-trò mỗi buổi sáng. Mẹ thương chúng như thương con cháu trong nhà. Có nhiều đứa nghèo quá chưa đủ tiền trả, mẹ cho khát đến niên - khóa sau. Một

vài cậu ở nhà quê, nhảu mẹ mang thóc, khoai, đậu xuống đóng thể tiền nôm mụ cũng vui vẻ nhận. Thế nên học sinh ở đây rất mến mụ. Nhiều cậu đỗ đạt đã đi học xa mà thỉnh thoảng vẫn gửi thư về. Lời lẽ chân-thành như với một bà mẹ.

Có điều làm mụ buồn là Tự càng ngày càng hư hỏng đi. Trước kia nàng còn có thể giúp mụ trong việc lượm rau sống hay cho mấy con heo ăn. Nhưng bây giờ, sau khi bị đuổi học vì vô lễ với giáo-sư, Tự trở nên khó tính và hay gắt-gỏng với mụ. Mụ không thể tưởng tượng được có một đứa con ngỗ-nghịch như thế. Mụ buồn lắm và thường ngồi khóc một mình trong bóng tối. Tự thường hành-xách mẹ để lấy tiền. Trước tiên nàng đi nhuộm vàng đầu tóc và may mấy bộ áo quần thật kỳ lạ. Nàng bây giờ chỉ có việc đi xem chiếu bóng và ghiền-gắm tiểu thuyết. Mấy ngày gần đây, khi « có bốn cậu đến ở đề soạn thi tú-tài » trong nhà, Tự bắt đầu dùng đến son và phấn.



Bốn cậu vừa buông đũa xuống là hét ầm lên : « — Nước,

nước ! Cho nước, cô Tự ơi !.. » Chúng ngân dài tiếng « ơi » như người ca-sĩ cải-lương lên một câu vọng cổ. Tự đang xem một cuốn tiểu-thuyết đến đoạn vô cùng gay-cấn nên không thể xếp lại để làm công việc ấy. Mụ chủ nhà phải ngừng tay dọn bàn để xách ấm nước lên. Hẳn — thằng anh chị nhất trong bọn — nhảy tới bắt vôi ầm nức ừng ực. Ba đứa kia giựt chiếc ấm ra khỏi tay nó, dấm thùm thụp vào lưng, hét ầm-ĩ : « Ông nội cái thằng mất vệ-sinh ! Nếu mày mà bị ho lao... » Hẳn buông chiếc ấm ra cười sằng-sặc, phun nước ra cả nhà : « Ông mà ho lao thì một chục đứa con gái bị truyền nhiễm rồi mới đến chúng mày ! » Khi đi qua chỗ Tự ngồi để về phòng ngủ, hẳn nhìn hấp-háy vào chiếc cổ áo quá rộng của nàng, rồi nhảu rằng cười như muốn nói tiếp : « Và em sẽ là đứa con gái thứ mười một ! »

Trong bốn thằng ở trọ nhà mụ để soạn thi Tú-tài chỉ có hẳn được vào vấn đáp. Điều đó cũng làm hẳn ngạc nhiên như khi thấy tên mình trong danh sách học-sinh nhà trường đi thi tú-tài. Suốt năm học, mỗi tuần

hắn dành riêng hai giờ để đến lớp ngồi. Ngoài ra hẳn có mặt « thường trực » trong rạp chiếu bóng, trên « bờ đại-lộ », trong ngõ hẻm, trên bãi biển và trong nhà nhiều đứa con gái. Hôm vào thi, hẳn ngồi bên cạnh một đứa học trò trường công. Thắng coi bộ rất khá, hiền lành và hơi nhát gan. Không thể mà khi thấy hẳn xấn cao tay áo và chỉ cho thấy con dao bấm đeo bên nịt quần, thằng này đã tái mặt đi, không dám che tay trên bài làm của mình nữa ! Tuy « sao y chính bản » của nó nhưng hẳn không tin mình có thể đậu được. Ý nghĩ được vào vấn đáp không nôn nao bằng được cô con gái của mụ chủ nhà yêu ! Bây giờ thì cả hai đã nằm trong tầm tay.

Hẳn đưa luôn Tự vào phòng đi vấn đáp. Vào môn lý-hóa giáo sư hỏi một câu về từ trường giòng điện. Hẳn nhìn xuống Tự ngồi ở bàn chót và mỉm cười với nàng. Hẳn muốn hỏi lại vị giám khảo : « Từ trường giòng điện có giống từ trường của những đứa con gái đẹp không ? » Nhưng ông đã đuổi hẳn ra khỏi phòng và ghi một gạch thẳng vào ô cho điểm. Trong một phút hiền

được sự thật bi đát sẽ xảy ra, hẳn có cảm tưởng đầu vừa rơi xuống, máu từ cổ phọt ra thành vôi.

Cuối giờ thi hẳn nắm tay đứa con gái ra về. Mồ-hôi nhóp nhép thắm ướt trên lưng. Vị mặn và nồng như máu. Qua một quán giải khát, hẳn kéo Tự vào :

— Cô hàng đâu ? Cho một ly cà-phê đá ! Thật nhiều đá vào để tôi ướp lạnh người tôi yêu ! Đứa con gái nhìn hẳn bằng hai con mắt có đuôi.

— Đá tan hết rồi, uống đi chứ. Tự nói.

Trong quán lúc đó vắng người, hẳn lại ngồi sâu vào một góc nên thân-nhiên mức từng muỗng cà-phê đổ vào miệng Tự. Tự chum miệng lại cười làm chiếc muỗng vấp phải bờ môi, cà-phê sánh ra cả ngực. Hẳn lau chỗ áo bị ướt cho nàng và bảo nên mở miệng to hơn. Nếu không, hẳn sẽ dùng kềm cạy răng nàng như người ta vẫn làm để đồ nước tiểu cho một người bị kinh-phong ! Đứa con gái cười rú lên như bị thọc lét.

Hai đứa đi dưới nắng. Mùi brillantine hăng-hắc trên đầu và bộ áo quần hơn một tuần chưa

giặt làm hần ngọt-ngọt. Hần rẽ vào một ngõ hẹp để về nhà trọ:

— Buồn nôn quá, Tự ơi!

Đứa con gái ngạc-nhiên quay lại:

— Cái gì? Cuộc đời hay trường thi?

— Mùi brillantine và áo quần nhớp!

Buổi trưa hần không ăn cơm. Mụ chủ nhà hỏi: « Chắc cậu ăn trên tiệm rồi chứ gì? » Không trả lời, hần đi thẳng ra giếng vốc nước rửa mặt. Hơi mát thấm vào da thịt làm hần thoải-mái. Khi qua chỗ Tự ngồi xem tiểu-thuyết để về phòng ngủ, hần đứng lại nói nhỏ vào tai nàng: « Và em là đứa con gái thứ mười một! » Tự không hiểu gì, mỉm cười với hần. Hai đứa nắm tay nhau bước vào gian phòng có khung cửa tò-vò nhìn qua phòng ăn.

Người đàn bà nấu cơm tháng đang trộn cơm cho heo ăn ở nhà ngoài. Mụ không thể ngờ được trong kia hần đang ôm con gái mụ trong vòng tay và nói anh yêu em.

Bây giờ đứa con gái đứng trước một khúc quanh: đi theo hần hay ở lại với mẹ? Ở lại với mẹ thì thật đáng chán, Tự nghĩ. Những chiếc giường trống

không khi mùa hè đến. Tiếng bầy heo cắn chuồng mỗi bữa cho ăn muộn. Những đứa học trò nhà quê hiền-lành im-lặng bước đi cúi đầu. Thỉnh-thoảng một đứa ré lên khi thấy con sâu trong đĩa rau sống. Thật tầm thường, nhàm chán.

Thế là Tự đi theo hần. Buổi sáng khi sắp xong hành-lý, hần nói với đứa con gái:

— Em phải mang theo cái gì chứ? Như áo quần, nữ-trang của em và mẹ em chẳng hạn! Tự ngần-ngại một chút rồi bước nhẹ vào phòng mẹ tìm chùm chìa khóa để dưới gối.



Mùa tự-trường trở về. Khoảng trống đứa con gái hư hỏng bỏ lại trong người đàn-bà nấu cơm tháng đã được những cậu học trò nhà quê hiền-lành, im lặng lấp đầy. Từ đó mụ không còn ngồi khóc một mình trong bóng tối. Tiếng bầy lợn cắn chuồng mỗi bữa cho ăn muộn, tiếng học bài quen thuộc thân-mến những buổi mai... Tất cả đã giúp mụ quên.

DÔNG-TRÌNH

Có phải yêu đương thắm cuộc đời,
Sao lòng em mãi thấy đơn côi?
Chiều buồn cây lá rưng rưng lệ,
Cứ để lòng em thương nhớ ai?

Vương-vân duyên tằm một kiếp tơ,
Từ lần gặp gỡ đến bây giờ.
Là thời hoa bướm về muôn nẻo
Để lịm tâm-hồn dệt giấc mơ.

Rạo-rức tình thơ nhạc Diệu-Huyền...
Coi như bến đã cắm xong thuyền.
Em về xây vội lầu hoa mộng,
Hiển cả xuân xanh trộn ước nguyện.

Mơ đón Anh về giữa giấc hoa,
Cuộc đời đang trôi khúc hoan ca.
Sao Anh vẫn khép mùa tạo ngộ?
Chưa mở song đào đón nắng qua?

Hiu-hắt phương trời bóng liễu xanh.
Sương rơi thồn thức lệ tàn canh,
Em đi tìm những vì sao sáng,
Chỉ để đêm buồn vắng bóng Anh!

Cho đậu Anh chưa hứa một lời,
Dầu chưa giai-ngộ đã chia phôi,
Dầu cho sương gió mờ nhân ảnh,
Em vẫn yêu Anh đến trọn đời!

Nhưng nay đã hết một lần yêu!
Sầu lệ đôi mươi đã thấm nhiều!
Đất lạnh vùi sâu người gái nhỏ,
Âm-thầm hoang mộ nét cô-liêu!

sự đóng góp của Trung - Hoa vào Khoa-học và Kỹ- thuật-học THẾ - GIỚI

★ Đ. TUẤN-ANH

THEO J. Needham, một nhà sinh lý hóa học người Anh đã nghiên cứu trên 20 năm các tài-liệu từ trước chưa

khai thác của Lao phái, đề viết về khoa học và văn-minh Trung hoa, (1) thì những phát minh đầu tiên thường thường do người Trung-hoa cổ thời chứ không phải do người Tây phương hay người Hiện đại, như có sử gia khoa học đã lầm tưởng.

Ngoài la bàn, thuốc súng, chữ in, giấy (2) mà chúng ta biết, người Trung-hoa còn có những phát minh hay những thành tựu khác đáng kể liên quan đến khoa-học và kỹ thuật học.

Các tài liệu nói trên cho ta thấy chính Chu-tử là người đầu tiên nhận thấy các hóa thạch. Ông nói rằng sự kiện tìm thấy các thú vật bằng đá trên chóp núi, chứng tỏ là trước kia núi ở dưới đáy biển và như vậy, giả thuyết (hypothèse) đã được áp dụng tại Trung-hoa từ năm 1050 sau T. L. trong khi đó ở Tây phương phải chờ đến khi có Leonard de Vinci.

Tình trạng bi đát của khoa giải phẫu ở Trung-hoa vào thế

(1) *Science and Civilisation in China*. Bộ này đã ra được 4 quyển.

(2) NGUYỄN TRIỆU.— *La bàn, thuốc súng, chữ in*, Phê-Thông số 50.

SỰ ĐÓNG GÓP CỦA TRUNG HOA..

kỷ trước, đã gây ra cảm-tưởng là khoa này đã luôn luôn trễ nãi. Nhưng không phải vậy. Khi ta nhìn các bảng tạng phủ ở thế kỷ thứ 7, thứ 8 hay thứ 9 sau T.L. của người Trung-hoa thì ta thấy là khoa này tương-đối tiến-bộ, và theo các bậc thầy về khoa giải-phẫu thì thật ra các bảng của người Trung hoa về thân thể con người, là nguồn gốc của cái « loạt năm bảng » nổi danh (série de 5 tables). Loạt năm bảng này là một trong những truyền thống quan trọng nhất của lịch sử khoa giải phẫu tại Tây-phương. Các bảng của Trung hoa về khoa giải phẫu luôn luôn có liên lạc với một quyển sách y khoa pháp định (médecine légale) là quyển *Chỉ dẫn của pháp quan* (Guide du magistrat) có từ thế kỷ thứ 9 hay thứ 10, và cuốn sách y khoa pháp định này hơn hẳn các sách ra đời ở Âu châu vào một thời kỳ sau hơn nhiều.

Thường thường người ta cho sự chủng đậu không phải gốc ở Á-châu, nhưng thực ra phương pháp này được ghi chép lần đầu trong lời tường thuật một giấc mơ của một tu nữ đạo Lão. Có lẽ tuân theo

một nguyên tắc về phép thuật giao cảm, vị tu nữ này đã lấy mủ bệnh đậu đem cấy lên màng mỏng trong mũi. Phương pháp này còn được người Mông-cô dùng, tuy nó nguy hiểm vì có thể gây ra bệnh dịch, nhưng nó làm cho miễn nhiễm.

Trường hợp các bệnh do thiếu chất bổ dưỡng cũng vậy. Người ta tin là sự hiểu biết các bệnh ấy bằng kinh-nghịem cũng như sự hiểu biết về các sinh tố, thuộc về thời đại của chúng ta. Nhưng nếu sự hiểu biết ấy có nghĩa là biết bệnh nào có thể chỉ trị bằng khoa tiết thực, thì người Trung-hoa đã biết nhiều. Trong quyển sách nhan đề « Vài bệnh có thể chỉ trị bằng khoa tiết thực » Husse-Hurk; thời nhà Nguyên, đã tả hai hình thức của bệnh phù thũng, cũng như các món ăn có thể làm người bệnh khỏe mạnh bình thường trong vài giờ. Người Trung-hoa đã dùng rồi từ nhiều thế kỷ trong khi tại Âu châu thời Paracelse (thế kỷ thứ 16) còn đang tranh luận về việc thử đem dùng vào y khoa các khoán vật như thủy ngân, ăn-ti-moa-nờ, bismuth, v.v... thay vì chỉ dùng có cây cỏ.

Trong nhiều lãnh vực khác,

sự cố gắng của người Trung hoa rất đặc biệt, vào các thời kỳ đầu tiên. Vào lúc người Normands xâm chiếm nước Anh và trong thời đại La-mã, lối năm 80 sau T.L., người Trung-hoa đã biết đo lường có phương pháp mực nước mưa rơi rồi, và nhà toán học Trương-Hưng phát minh ra máy ghi địa chấn đầu tiên. Sự mô tả máy này rất lý thú, bởi vì theo như hình ảnh thì máy được chế tạo cách nào để nếu động đất xảy ra, là một quả đồng sẽ từ miệng một con thú bằng đồng, rơi vào một cái chậu đặt ở dưới. Và vì thế người ta kè rằng tại triều đã biết các cuộc động đất vài tháng trước khi người đưa thư đem tin đến. Cũng vào lối thời kỳ này, chúng ta có sự mô tả của nhiều máy móc tài tình khác nữa như : một cỗ xe không thay đổi hướng mặc dầu người ta cho nó chạy về hướng nào khác, và một cỗ xe khác có thể ví như đồng hồ taxi vì nó nổi trống mỗi khi đi được một dặm. Máy này hẳn là đã giúp ích nhiều trong việc đo đạc địa đồ của Trung-hoa.

Ngày nay, chúng ta quen thấy đào giếng sâu ba bốn ngàn dặm để lấy dầu hôi hay muối, nhưng về điểm này nữa không ai đi trước người Trung-hoa được. Tại đây có những đề-khoáng-tầng (dépôt) muối có thể liên

quan đến các đề-khoáng-tầng dầu hôi. Nhu cầu lớn lao về muối của những vùng xa biển đã khiến người Trung-hoa đào những giếng sâu ba ngàn dặm. Người ta đã tìm được một viên gạch khắc mô tả một cái giếng kiểu ấy có lối năm 100 sau T.L., và phương pháp được đem dùng để đào giếng đến độ sâu ấy (có khi phải mất đến 20 năm) là phương pháp dùng bởi những người tìm dầu hôi đầu tiên ở California, trước khi kỹ-thuật kim thời phát triển. Có thể vài người trong những thợ thuyền Trung-hoa sang Mỹ làm đường xe lửa, biết phương pháp này và đã du nhập vào đất Mỹ.

Các tiên khoa-học (pré-sciences) và các phát minh kỹ thuật vừa đề cập trên của người Trung-hoa cổ thời, cho ta thấy đúng thật đến độ nào họ đã đóng góp vào khoa học và kỹ-thuật học của thế giới. Nhưng tại sao khoa-học của họ đã đứng ỳ trên phương diện kinh-nghiệm mà không khai sinh ra nền khoa-học và kỹ-thuật học hiện đại như văn minh Âu-châu ? Tại sao họ không có cuộc các mạng kỹ-nghệ nào xảy ra tại Trung-hoa ? Đó là một trong những vấn đề lớn lao của lịch-sử, xã-hội so-sánh vậy, và chúng ta sẽ tìm hiểu trong dịp khác.

Đ. TUẤN-ANH

tôi nhớ một người em

★ NGUYỄN-VĂN CỎN
(Paris — 1962)

Hôm nay tôi nhớ một người,
Người em vừa độ hai mươi tuổi đầu.
Đêm nay em nghĩ chân đâu ?
Bên rừng u-ám, bên cầu đầm sương ?
Trên vai mang nặng sầu thương,
Ngày đêm lặn dật trên đường hoang vu,
Đồng không, cửa bể mịt-mù,
Ra đi lòng chẳng oán thù chi ai.

Em là em của tôi,
Như chân tay chẳng rời,
Cùng chung dòng máu mẹ,
Cùng một tiếng ru hời.
Hôm nay chiến địa cách vơi,
Biết bao sầu lạnh bên người thư sinh !
Than ôi ! đang tuổi học hành,
Sách đèn đề tủi, ngày xanh đề hoài !
Rừng khuya đờn-dợn ốc người,
Bóng ma ần hiện đứng ngồi dưới trăng,
Rùng mình sương lạnh như băng,
Gió đùa từng trận nghe rừng thở than.
Thương em bao nỗi gian nan,
Con chim nhỏ nhỏ lạc đàn trong sương.
Còn đâu cha mẹ chiều nương ?
Anh em đoàn tụ yêu thương vui cười ?
Tắc riêng chưa sót bởi hồi,
Nhớ em nhớ cả bao người như em.

Ai sẵn sóc đến em ?
Ai an ủi lòng em ?
Mẹ ngày ngày nhắc nhở,
Mắt ứa lệ chờ em.
Đêm nay gió khóc bên thềm,
Bao giờ máu chảy ruột mềm có nhau ?
Bao giờ lấp hết thâm sầu ?
Đề toàn dân hát những câu thanh-bình !

Danh-Nhân Thế-Giới

Triển-bản Thế-Kỷ Hai-Mươi

8.— Winston CHURCHILL

(Tiếp theo P.T. 92)

Khi ở Cuba trở về nước, Churchill xin vào cơ binh kỵ mã thứ 4 để có thể sang ngay Ấn-Độ, thỏa mãn óc ưa thích xứ lạ phương xa.

Lúc ấy Đế-quốc Anh đang thịnh-vượng, nhà binh không phải bận rộn cho lắm. Quân-sĩ chỉ tại ngũ 7 tháng mỗi năm, còn 5 tháng được nghỉ phép (vào mùa đông). Các sĩ-quan Anh ở ngoại-quốc được về nước nghỉ. Thật là cuộc đời thần-tiên!

Tánh ưa hoạt động, Churchill không thể an phận với một nếp sống như thế, không thích hợp với tuổi thanh niên đầy máu nóng trong tim. Năm 1897 ông được tin tướng Bindon Blood là bạn của gia-

đình ông, được cầm binh «dẹp loạn» ở miền Bắc Ấn. Ông bèn xin phép được đi theo. Tướng Blood, trở trêu thay, lại chỉ nhận Churchill làm phóng viên chiến-tranh chứ không coi là một sĩ-quan chiến đấu.

Churchill điều đình với báo *Daily Telegraph* để bán phóng sự với giá 5 Anh-kim một cột-báo.

Ra mặt trận, ông đi sát bên quân-sĩ, can-đảm xông pha nơi chiến trường, khiến tướng Blood phải chú ý và khen ngợi trong các bản phúc trình gởi lên thượng-cấp. Ông còn thành-công hơn nữa trong phạm-vi ký-giả; các bài báo của ông được đồng nghiệp ca-tụng và một tờ báo lớn ở Luân-Đôn không tiếc lời khen ngợi: «Tác-giả những bài báo ấy tỏ ra thông-minh và khôn-khéo. Tuổi trẻ như ông ít ai sánh kịp.» Churchill còn xuất bản một cuốn sách nêu lên

DANH NHÂN THẾ GIỚI



những vấn-đề quân sự tề-nhị và đưa ra những giải pháp thích nghi, làm ngạc nhiên các tướng, tá trong bộ tham-mưu. Một tờ báo bình phẩm cuốn sách này đã nói một giọng hài hước: Đây là những ý-kiến thiết-thực của một anh lính giúp cho thượng cấp của anh.

Cuốn sách ấy đem lại cho tác-giả một số huê-lợi bằng 2 năm lương trong quân-ngũ. Churchill sung-sướng thấy nghề văn và nghề võ có thể đi đôi với nhau.

Năm 1898, ông được dịp tham-chiến thật sự là điều mong ước của ông bấy lâu nay để được nếm trải những xúc động rừng rợn bên cạnh Tử-Thần. Ông được gia nhập đạo binh gởi qua Soudan, dẹp cuộc nổi dậy của dân-chúng vùng Omdurman. Bộ-đội của

ông được đánh xáp lá cà trong một trận thư hùng, đánh bằng gươm giáo, chứ không dùng súng đạn: những chiến-sĩ ngã gục xuống vũng máu sau khi bị đôi phượng đâm thủng ruột, lòi gan, những con ngựa bị trọng thương hí lên vang động, rồi lỏng chạy nước lớn, xéo cả lên chiến-sĩ nằm ngổn ngang chiến-địa, bao nhiêu tài-liệu sống đã giúp cho ông viết những trạng phóng-sự linh-động; báo *Morning Post* chịu trả thù-lao cho ông tăng hơn tờ báo trước, với giá 15 Anh-kim một bài.

Có điều ông không nói trong thiên phóng sự và đã được một sĩ-quan đồng đội của ông sau này thuật lại là một việc hy-sanh, can-đảm và hi-hữu của ông nơi mặt trận. Hôm ấy, một sĩ-quan bị thương, cần một

★ TÊ-XUYỀN

miếng da người bằng đồng tiền thoi, để thắp vào chỗ bị thương; Churchill bèn xin hiến mình cho vị bác-sĩ: ông

ngồi ung dung hút xì-gà, dơ cánh tay cho nhà giải-phẫu lóc một miếng. Hiện nay ông còn vết sẹo.

● BƯỚC VÀO TRƯỜNG CHÁNH-TRỊ, SONG THẤT BẠI

SAU cuộc chiến-tranh ở Soudan, Churchill hồi hương, thầy đã có nhiều hứng thú với nghề viết báo. Ông xin giải-ngũ để chuyên chú về ngòi bút có nhiều tương-lai hơn. Theo lời khuyên của một người bạn, ông bước vào trường chánh-trị và gia-nhập đảng Bảo-thủ.

Churchill diễn thuyết lần đầu tiên ở Bath trong một buổi nhóm của đảng. Năm 1899 ra tranh cử ở Ohdham, một trung-tâm kỹ-nghệ miền Bắc, ông thất bại và đảng Bảo-thủ mất 2 ghế ở miền này. Người ta đổ thừa cho Churchill đã đi sai đường lối của đảng trong các buổi diễn văn tranh-cử.

Bị thất bại với chánh giới khi mới bước chân vào, Churchill trở lại nghề viết báo, vì một dịp may đến liền cơ-hội cho ông: trận giặc

Boers xảy ra ở Phi-Châu. Ông nhận làm phóng viên chiến-tranh cho báo *Morning Post* với số lương tháng 250 Anh-kim. Một bước tiến mạnh trong nghề. Ông mừng thăm khi dần thân vào một cuộc phiêu-lưu sẽ xây-dựng tiếng tăm lừng lẫy cho ông trong một giai-đoạn mới.

Ra tiền-tuyên để sẵn tin viết phóng sự, Churchill bỗng gặp một người bạn cũ đã cùng ông phục-vụ trong bộ-đội ở Ấn-độ; đại-úy Haldane, người bạn cũ, cho ông hay mình sắp phải đi dọ thám ở lãnh-thổ quân địch và đi bằng xe lửa bọc thép. Churchill chộp lấy cơ-hội:

— Anh để cho tôi cùng đi với. Tôi có dịp làm công-tác cho báo tôi.

Xe lửa tới cách tỉnh Est-court vài cây số thì đường sắt bị phá hoại, xe trật bánh,

hai toa xe bị lật làm cho một số lính bị thương. Churchill may sao bình-an vô sự. Nhưng hết nạn này đến nạn kia: một toán lính kỵ mã của quân thù đã từ trên núi kéo xuống bắt tù-binh; trong đó có Churchill.

Bị dẫn đi, Churchill đề ý nhả rõ mặt người chỉ-huy vụ phá hoại này và 6 năm sau ông lại nhận diện được bộ mặt trong một trường-hợp đặc biệt. Sáu năm sau, ông giữ chức thứ-trưởng thuộc địa thì « tên phá-hoại xe lửa » đã thành ông tướng Botha, một chánh-khách của thuộc-địa Anh tại Phi-châu (sau này được cử làm Thủ-tướng Liên-hiệp Nam-Phi).

Mấy lời giới-thiệu theo nghi lễ, rồi tướng Botha hỏi:

— Ngài có nhận ra tôi không?

— Có... Tôi nhớ rõ cái ngày phá-hoại chuyến xe lửa này mà...

Mấy năm sau, Botha thường đến thăm Churchill và trong hồi thề chiến thứ nhất hai ông cộng tác thân mật với nhau. Đó là chuyện về sau.

Trở lại hồi Churchill bị bắt, ông bị coi là tù binh, đưa về thủ-đô của quân thù. Vài ngày sau ông vượt ngục thoát thân. Sự may mắn giúp ông vừa ra khỏi nơi giam cầm thì gặp liền một chuyến xe lửa đậu tại ga; ông trèo vào trong một toa chờ hàng hóa rồi được đưa tới một nơi cách đây 500 cây số, thuộc lãnh-thổ của Bồ-đào-nha ở Đông-Phi. Tòa lãnh-sự Anh đến nhận lãnh Churchill rồi giúp phương-tiện cho ông về nước.

● VÀO ĐƯỢC NGHỊ-TRƯỜNG

SAU cuộc vượt ngục lừng lẫy này, Churchill được công chúng nhắc đến như một vị anh-hùng dân-tộc. Các chuyện vui, lạ mà ông thuật trong thiên phóng sự của ông đăng báo *Morning Post* đã đưa tên

tuổi ông vào trí nhớ cả triệu độc-giả của tờ báo.

Cửa ngõ thành công mở rộng đón tiếp ông. Năm 1900, ông ra tranh cử và bước được vào nghị-trường, bắt đầu làm chánh-trị.

Về 60 năm trước đây, chức nghị-sĩ chỉ có danh mà ít có lợi. Churchill phải tìm nguồn lợi ở những hoạt động khác. Sẵn tài hùng biện mà kẻ thù cũng như bạn ông tại Nghị-viện đều thêm thưởng ao-ước, ông đi các đô thị Anh, Mỹ, diễn-thuyết, có thu tiền vào cửa. Tại Anh, buổi diễn-thuyết nào cũng thấy đông nghẹt thính-giả. Ai cũng công nhận không diễn-giả nào có giọng nói quả quyết với một sức tin-tưởng vững chắc, một sự truyền cảm mãnh-liệt bằng Churchill.

Do một loạt diễn-thuyết ở Anh và Mỹ, ông có một số tiền lớn để chi-dụng vào các hoạt-động chánh-trị.

Tuy là người của đảng Bảo-thủ, song ông nghị Churchill luôn luôn giữ lập trường độc lập, trung thành với tư-tưởng riêng. Có lần ông can-đảm công-kích ngân-sách bộ Quốc-phòng với những lý-luận đánh thép như một vị tướng am tường quân sự; ông còn chủ-trương phải có những điều-kiện rộng rãi với đôi phương khi quân Boers thất trận ở Nam Phi-châu. Trong có một

tháng vào nghị-trường mà ông đã bị tất cả các thủ lãnh đảng Bảo-thủ thù ghét. Rồi một hôm tất cả các nghị-sĩ đảng này, tức là những đồng chí của ông, đứng cả lên, bước ra ngoài phòng nhóm trong khi ông đang hùng-hồn can-thiệp vào một vấn-đề, với tất cả lòng nhiệt thành của ông. Họ ra tới cửa rồi, ai cũng quay lại trở mỗi khinh-bĩ trước khi bước ra ngoài.

Việc xung-đột này không gây tai hại gì cho Churchill mà tăng uy-tín cho ông là khác. Từ hôm ấy, tiếng tăm của ông thêm lừng lẫy.

Ông bỏ đảng Bảo-thủ để nhập đảng Tự-do ra tranh-cử năm 1906. Sự đặc-cử của ông làm cho đảng Tự-do tiền được một bước khá dài, và đưa ông lên ghế Thứ-trưởng bộ thuộc-địa vào năm ông mới có 31 tuổi.

Chính trong thời kỳ tranh cử này, ông gặp một trở lực mà ông vẫn thắng được. Trở lực ấy là phong-trào vận-động của phụ nữ đòi quyền bầu phiếu như nam-giới. Ứng-cử viên Churchill thắng thán chống lại nguyện-vọng của

phụ-nữ. Cuộc vận-động của phụ-nữ kéo dài mãi đến năm 1928 mới có kết quả.

Trong những năm đầu cuộc Thê-chiến thứ-nhất, Churchill là « chánh khách bị oán ghét nhất trong nước », theo lời một nhà chép sử đã viết về ông. Tại các chức Thứ-trưởng Thuộc-địa, Tổng-trưởng Thương-mại rồi Tổng-trưởng Nội-vụ, ông luôn luôn chủ trương những biện pháp rộng rãi : luật làm việc 8 giờ mỗi ngày, thi hành cho công nhân làm mỏ, luật cho người già hưởng hưu-bổn, luật về thuế lợi tức. Ông đã phản đối một ngân sách chống chiến tranh

và chủ-trương một ngân sách quốc-phòng phong phú.

Lúc còn nông nổi, ông là một chiến sĩ hòa bình, nhưng lúc trọng tuổi thấy rõ tình hình thế-giới cân bằng, ông không ngần ngại đổi ý kiến và đề nghị võ trang triệt để. Làm việc rất nhiều, mỗi ngày ông ở lại văn phòng đến một giờ rất trễ, ông còn năng đi kinh-lý để kiểm soát tại chỗ các biện pháp của chánh-phủ ban hành.

Sau cuộc Thê chiến thứ nhất, các người chép sử đều công nhận rằng nước Anh đã đứng vững được là nhờ Churchill.

● HĂNG-SAY HOẠT-ĐỘNG

TRONG cuộc chiến-tranh 1914-18, ông đã có một lời đoán từ năm 1911 gần như lời tiên-tri vì trúng hết chỗ nói.

Năm 1911 ấy các tướng lãnh Anh bàn luận thời cuộc và cho rằng nếu có cuộc tấn công của Đức, quân đội Pháp sẽ đủ sức phản công từ ngày thứ 9 tới ngày thứ 13, rồi đánh bật quân thù ra khỏi

lãnh thổ. Churchill phản đối luận cứ ấy và đoán rằng đến ngày thứ 20, quân-đội Pháp vẫn còn rút lui và chỉ có thể phản-công vào ngày thứ 40 là sớm lắm.

Quả nhiên, ba năm sau, khi nước Pháp bị Đức tấn công, quân đội Pháp rút lui cho tới ngày thứ 21 và trận La Marne diễn ra bắt đầu từ ngày thứ 41.

(Trận La Marne đã cứu nước Pháp và chặn đứng được cuộc tấn công).

Hồi sắp xảy ra chiến tranh, Thủ tướng Asquith nhận thức được nguy cơ cho nước Anh, đã giao bộ Hải-quân cho Churchill. Ông nói: « Chúng ta chỉ còn có những hạm đội của chúng ta là lực-lượng đáng kể ».

Churchill hồi-hả nhận lời và lo liền việc cải-tổ hải-quân, tăng cường hỏa lực các hạm-đội. Một việc làm quan trọng nhất của ông là đặt hải-quân vào tình trạng động-viên hồi mùa hạ 1914, mặc dầu Nội các không tán thành và lệnh động viên không được Anh-hoàng phê chuẩn. Ông cứ làm dần tới.

Việc này lại như là một việc tiên tri nữa. Vì cuộc động-viên hải-quân vừa thi-hành xong, các chiến-hạm sẵn sàng chiến đấu, hỏa lực đầy đủ, thì 3 hôm sau, nước Anh tuyên-chiến với Đức. Không bao giờ thấy nước nào chuẩn bị được quân lực đứng vào lúc cần dùng như thế.

Trong khi chỉ-huy hải-quân,

Churchill thường có những hành động quá độc-lập, không hỏi ý-kiến Thủ-tướng của ông nên có người tự hỏi: « Chẳng biết ai làm Thủ-tướng? Ông Asquith hay ông Churchill? » Do đó, có sự xích-mích giữa hai người song vì sự làm việc đắc lực và tài năng xuất chúng của Churchill mà Thủ-tướng Asquith thấy mình còn cần đến Churchill nhiều lắm.

Đền khi quân Bỉ và Pháp lâm nguy ở trận Anvers, Churchill xin phép ra hấn mặt trận để nâng cao tinh thần của quân đội Đồng-minh. Ông tới Anvers với một con ngựa, và ở nơi súng nổ, đạn bay, ông đã dũng-dạc diễn thuyết kêu gọi lòng can-đảm của binh-sĩ Pháp, Bỉ.

Sau vụ này, ông trở về Anh, đề-nghị với Thủ-tướng Asquith giao toàn quyền cho ông chỉ-huy đạo binh Anh đang chiến đấu ở lục-địa Âu-châu. Thủ-tướng lấy lời lẽ khôn khéo từ chối, song trong sổ tay của ông, ông ghi ghép vài cảm-tưởng trong khi Churchill muốn làm Tổng Tư-lệnh quân lực: « Anh ta mới là thiếu-

úy thì làm sao mà chỉ huy 2 vị tướng và các vị tá trong đạo binh Anh đang chiến đấu... »

Sau, dư-luận và các giới chánh trị tố cáo Churchill đã đề nghị những biện pháp cực đoan làm thương tổn cho quân lực Anh một cách vô ích, ông bèn xin từ chức và yêu cầu được đích thân ra mặt trận chiến đấu. Thủ-tướng Asquith cũng vị tình ông đã có công trạng nên giao cho ông chỉ-huy một liên-đội với chức Đại-tá. Lãnh nhiệm-vụ mới này, Churchill tuyên bố với bộ tham-mưu của ông bằng giọng hài-hước: « Nào anh em! Chúng ta đi tấn công những con rận nào! »

Liên đội của ông gồm

những lính xứ Ê-Côt; các vị chỉ huy dưới quyền của ông, lúc đầu tỏ ra bất phục vì ông là một sĩ-quan trước kia mới có lon thiếu-úy.

Churchill biết cách chinh phục nhân-tâm bằng nhiều mảnh lời. Ông thân-thiện với các cộng sự-viên trực tiếp của ông, mời họ đến ăn cùng bàn. Ông còn dò hỏi biết rõ được gia cảnh và nếp sống của từng người rồi trong khi ăn uống ông kể ra vanh vách, như những bạn thân thiết từ lâu.

Các vị tá lúc đầu bất phục một chỉ-huy-trưởng mới có lon thiếu-úy sau đòi luận điệu và tự hào được phục vụ dưới quyền một vị cựu Tổng-trưởng. (kỳ sau hết)



★ VIỆT VÀ ANH

Có một ông Mỹ biết vài ba tiếng Việt, ra đường gặp một cô gái Việt biết vô vẻ vài tiếng Mỹ.

Ông Mỹ:

— Ê... Cô...!

Cô gái:

— O... K...

LÊ-QUANG-TÍCH

(Quảng-ngãi)

m i ế n g ă n . .

★ CEVDET KUDRET (Thổ-nhĩ-Kỳ)

● FILIZ KARABEY dịch ra Anh-văn

● DUY-DÂN dịch ra Việt-văn

Cevdet Kudret, sinh năm 1907 tại Istanbul (Thổ-nhĩ-kỳ). Thân sinh ra ông chết trong hồi Đại-chiến thứ 2, được mẹ nuôi cho ăn học. Ông dạy văn chương tại nhiều trường và cũng làm nghề luật-sư.

Trước tiên nổi tiếng về thơ và kịch. Trong hai mươi năm qua, ông sáng tác rất nhiều, phần lớn là loại tiểu thuyết tưởng tượng.



G HÁNG giếng, trời đòi sang màu tro xám hung dữ. Ít người bước ra khỏi nhà. Đường phố, nhất là những con đường nhỏ, thật vắng tanh. Những nơi mát mẻ như dưới bóng cây, sân

chùa, giếng nước cũng không thấy một bóng người.

Thường ngày, giếng nước bao giờ cũng có vài người đến lấy nước. Trưa đó, một đứa trẻ chạy hấp tấp từ giếng về loan tin với người hàng phố :

« Lão Dursun chết rồi ».

Dursun là bộ mặt quen thuộc của giầy phố này. Lão chừng 50 tuổi, có vành râu đen, làm nghề gánh nước thuê mà nuôi đủ 1 vợ và 2 con. Gia sản của lão chỉ là một cái đèn gánh và 2 chiếc thùng. Sáng, sáng, lão gánh đôi thùng lên vai cất tiếng rao :

« Nước này ! Ai mua nước. »

MIẾNG ĂN

Tiếng rao trầm trầm của lão vọng đến đầu kia phố. Ai cần nước thì gọi lại mua.

« Dursun, cho tôi một gánh ... hai gánh »... Thế rồi lão Dursun quảy đôi thùng trên vai suốt ngày. Mỗi gánh lão kiếm được 3 xu, lối kiếm cơm như vậy giống như đào giếng bằng cái kim chỉ được từng hột, từng hột một. Nếu gia đình lão chỉ nhờ có mình lão thì đâu có đủ nuôi 4 miệng ăn, nhưng nhờ Trời Phật, vợ Lão — cụ Gulnaz — một tuần được 3 hay 4 lần gọi đi giặt mướn. Trong cái may mắn hạn chế đó cụ có thể đỡ cho chồng một miếng ăn. Có khi gian lận lật-vật thì đâu có tội tình gì... như xài thêm ít nước, chỉ đòi ba thùng, cụ cũng giúp chồng kiếm thêm 3 xu.

Bây giờ thì hết rồi. Ngay sau đó, nguyên nhân cái chết của Lão Dursun được mọi người biết rõ. Số là sau khi lão móc còi thùng đầy nước nhấc lên vai thì bị trượt chân không lấy lại được thăng bằng, thế là Lão ngã, đầu vấp vào tảng đá. Có ai ngờ Lão chết một cách đột ngột như vậy ? Cứ nhìn Lão người ta tưởng là đá phải mềm hơn. Và trong sự đùng chạm đó thì đá phải rạn nứt. Nhưng chính Lão

à ? Lão mà bị vỡ sọ à ? Dầu một người cứng cáp, dẻo dai đến đâu thì cũng chết, chết một cách bất ngờ như vậy.

Khi Gulnaz nghe tin chồng, cụ lạnh cứng cả người. Phải chăng đây là sự trừng phạt về cái tội gian dối của cụ ? Không ! Không trời đâu có độc ác như vậy. Cái chết đó là một tai nạn. Đã có người thấy : chồng cụ sảy chân ngã chết. Bất cứ ai cũng có thể bị ngã như vậy mà chết. Người ta, cũng có kẻ chết bất đắc kỳ tử như vậy, nhưng ít nhất còn để lại chút đỉnh cho gia đình, đằng này cái gia sản lão để lại chỉ có đôi thùng và quang gánh.

Cụ Gulnaz biết làm sao bây giờ ? Cụ nghĩ đi nghĩ lại nhưng cuối cùng chẳng làm sao được. Để đầu gì cô đơn mà nuôi dưỡng nổi 2 đứa con, thằng bé lên năm, thằng nhớn lên sáu. Làm sao mà nuôi nổi chúng với cái công việc dọn thuê, giặt mướn vài lần một tuần ? Cụ nhớ lại số nước xài thêm, bây giờ cụ cũng không thể nhờ cậy đến nước nữa. Trong phút chốc mọi việc đã thay đổi. Bây giờ có xài thêm hay tiện tận nước của chủ thì cũng chẳng nghĩa lý gì nữa. Nếu cụ có thể tìm ra một lối thoát thì cụ bỏ cả nghề giặt mướn cho xong. Nước,

trước đây mẹ vẫn quý mến trong bao nhiêu năm nay bỗng chốc mẹ thấy ghét lạ — trong màu nước lóng lánh, mẹ thấy chứa chất sự man trá, trong tiếng róc rách nghe có tiếng oán thù — Mẹ không còn muốn nhìn và nghe đến nó nữa.

Khi trong gia đình có người chết thì không ai còn nghĩ đến việc nấu nướng. Điều đầu tiên mà mọi người quên lãng là ăn uống. Quên có khi đến 36 tiếng đồng hồ và nhiều lắm là 48 tiếng; nhưng ngay sau khi nghe nhói nhói nơi dạ dày, chân tay rủ rượi, thì có người đã nhắc: «Này, phải kiếm gì ăn chứ» và như vậy, ăn uống đã đem lại cho họ cái nếp sống bình thường.

Theo tục Hồi-Giáo, người láng giềng phải mang thức ăn trong mấy ngày đầu cho gia đình người xầu số. Bữa ăn đầu tiên của mẹ Gulnaz là của một gia đình ở căn nhà quét vôi trắng ở góc phố mang đến. Đứng đằng xa người ta cũng có thể nhận ra đó là một gia đình khá giả. Trưa hôm đó, sau khi lão Dursun chết, đứa tớ gái căn nhà trắng mang đến một mâm đầy và rung chuông. Trên mâm có thịt gà nấu miến, ít miếng thịt, nước sốt, bánh fomat, và kẹo.

Nói cho đúng hôm đó không ai muốn ăn nhưng ngay sau khi

nhắc cái lồng bàn lên thì cả gia đình thấy dịu bớt nỗi khổ. Lặng lẽ mọi người đến ngồi vào bàn. Có lẽ là vì trước đây mẹ con mẹ chưa được một bữa ăn thịnh soạn như thế, mà cũng có lẽ vì nỗi đau khổ đã làm cho cảm giác mẹ con mẹ thêm sắc bén, nhưng điều có thật là mọi người đều nhận thấy bữa ăn thật đặc biệt ngon lành. Nuốt trôi được bữa đầu, mẹ con mẹ nhận thấy cái công việc ngồi vào bàn, ăn cho đến hết đề khỏi đói là một cái việc đương nhiên. Hôm sau, lại có người láng giềng khác mang đến bữa ăn tiếp. Thật ra, mấy bữa ăn sau này không có bữa nào ngon lành và đ.ư.ả bằng cái mâm đầy của căn nhà quét vôi trắng, nhưng tất cả đều ngon xấp bội bữa ăn do mẹ nấu lấy. Nếu chỉ cái tình trạng này kéo dài, thì mẹ con mẹ Gulnaz cũng dễ chịu đựng nỗi khổ của họ cho đến mãn đời. Nhưng khi người ta không mang mâm thức ăn tới nữa, và than — mà họ phải mua, từng cân một — cũng hết rồi, thì mẹ con mẹ bắt đầu nhận ra rằng nỗi khổ của họ thật khó chịu đựng.

Trong ngày đầu tiên này, mẹ con mẹ nén lòng chờ mãi đến tận trưa, nghe ngóng từng bước chân đi ngoài đường, hy-vọng được thấy

lại hình dáng cái mâm đầy phủ khăn trắng, nhưng chỉ thấy người qua đường đi lại như thường nhật với hai tay không, buông thõng. Đến tận trưa, mẹ con mẹ mới biết chắc rằng không còn ai mang cơm đến nữa. Như vậy họ phải tự nấu lấy như trước. Nhưng mẹ con mẹ đã quen ăn ngon nên thấy khó nuốt nổi những đĩa khoai ran qua-loa với một chút mỡ. Mà rồi cũng quen đi. Trong nhà, vẫn còn chút đỉnh đề ăn qua loa trong ba, bốn ngày tiếp: vài củ hành, nấm đậu khô bỏ sốt. Rồi cũng đến một ngày mà chai, hủ, thúng, mùng đều trút sạch, và ngày đó là ngày đầu tiên mà mẹ con mẹ đề bụng đói đi ngủ. Ngày sau cũng vậy. Đến quá trưa, thằng bé đã bắt đầu kêu:

«Má ơi! Con nghe đau trong bụng». Mẹ nó trả lời: «Ráng chịu, các con. Ráng chịu một tý!»

Lúc bấy giờ cả nhà đã thấy dạ dày như nhỏ teo lại; đứng dậy là thấy choáng váng, chỉ muốn nằm dài ra. Và như trong giấc mộng, trước mắt bao nhiêu là hình xanh đỏ quay cuồng, có cả những lỗ sâu, hũng tai nghe ù ù tiếng nói yếu dần.

Ngày hôm sau, mẹ Gulnaz chỉ ước mong có người gọi đi làm.

Biết đâu được rồi chẳng sẽ có tin: «Nhấn dùm mẹ Gulnaz hôm nay đến giặt hộ dùm nhé». Vâng, mẹ Gulnaz trước đây thì không muốn thấy lại cái thau giặt thì bây giờ lại trông cho có người gọi đi làm. Nhưng người hàng phố lại nghĩ nếu gọi mẹ đi làm là không biết trọng cái đau thương của kẻ khác. Họ nói với nhau: «Khô sở, mẹ ấy chắc bây giờ đang bị nỗi buồn dày xéo tâm can, không còn lòng dạ đâu mà làm việc».

Sáng hôm đó, cả nhà mẹ không ai buồn nhồm giầy, hình ảnh bữa ăn cứ lớn vờn trước mắt. Thằng bé thỉnh thoảng lại nói: «Con thấy bánh — Mẹ! Mẹ! nhìn này (hắn dơ tay quờ quạng giữa không như đề bắt lấy miếng bánh) bánh — mềm mại quá — thơm quá

Thằng nhớn lại thấy kẹo. Ngốc quá — Khi kẹo tràn mâm thì không biết — lại ngốc quá khi họ đưa cho thì mình lại ăn hết lập tức. Nếu nó được thêm một lần nữa thôi thì tất nó biết lắm: nó ăn thông thả, nghiền ngấm từng miếng một. Mẹ Gulnaz nằm trên giường lắng nghe bọn con mẹ lăm răm, mẹ cắn môi đề khỏi bật thành tiếng khóc, nước trào ra ngoài mi và chảy xuống thái dương. Bên ngoài cuộc sống vẫn như thường ngày. Mẹ nghe

kip và biết rõ từng việc một của cuộc sống nơi giầy phố này mà gia-đình mẹ đã sống hằng bao nhiêu năm.

Tiếng cánh cửa đóng lại, cậu Cevat đi học, cậu có. tạt đây mạnh cái cửa. Nếu là anh cậu, Suleyman, thì cánh cửa lại khép nhẹ. Bây giờ là tiếng lê gót của mẹ què, mẹ thằng San, làm bồi tàu. Lại có nhiều tiếng chân nữa. Lần này là ông phó cạo Efendi ở đầu cuối phố chính. Người đi sau là Hasan, cháu cụ Agha, anh ta là thư ký nhà máy đèn. Anh ta sẽ dọn đi khỏi khu phố này sau khi cưới một cô vợ ngoan ngoãn. Người đi đây là thầy giáo Hanim. Rồi đến Fey-sullah làm nghề thợ giầy. Cénil lão thu thuế chợ. Và đây là anh bánh mì thường ghé nhà ông Rifky. Ngày nào anh bánh mì cũng đi qua đây vào lúc này với hai giỏ bánh đầy buộc hai bên mình ngựa, tiếng cọt-kết của hai giỏ nghe rõ từ xa.

Chính thằng lớn nghe trước tiên tiếng cọt-kết đó và ngoảnh lại nhìn em nó. Sau đó thằng bé cũng nhận ra và hai đứa nhìn nhau. Thằng bé thì thầm: « Bánh ! Bánh ! »

Tiếng cọt-kết đi tới gần hơn.

Mẹ Gulnaz uể oải ngồi dậy và choàng áo lên mình, bước ra. Mẹ định tâm mua chịu hai chiếc, rồi trả tiền sau khi có việc làm. Mẹ đặt tay vào chốt cửa, lắng tai nghe. Tiếng vó ngựa đến gần như dậm nát hết can-đảm của mẹ. Cuối cùng tiếng vó chỉ còn nghe thoang - thoảng, mẹ đầy toan cánh cửa. Gulnaz, mắt mở to, nhìn chừng chừng vào giỏ bánh đi qua. Giỏ bánh lớn đến che khuất cả mình con ngựa bạch, xệ xuống gần sát vào mặt đất. Cả hai giỏ đều đầy ăm ắp. Bánh bột mì nguyên chất xốp và mới nướng, được sờ vào chắc khoái lắm. Một mùi thơm bốc lên mũi, chui lọt vào cuống họng, mẹ Gulnaz nuốt ực một cái. Nhưng, trước khi mẹ kịp nói thành tiếng thì anh hàng bánh thúc ngựa « Giddy Yap ! » Mẹ mất hết can đảm, đứng lặng cầm nhìn hình dáng 2 giỏ bánh nổi bật lên giữa khung cửa. Miếng ăn, cái ân đức của Trời Phật đã đi ngang qua nhà mẹ, nhưng mẹ không thể vươn tay ra để lấy một chiếc. Con ngựa chậm rãi bước đi, đuôi dài vung vẩy như chiếc khăn tay. « Chào ! Chào bà Gulnaz. »

Mẹ đóng ập cửa lại và đi vào. Mẹ không dám nhìn vào những

cặp mắt của hai đứa con đang chờ đợi hy-vọng. Mẹ không biết dấu hai bàn tay trống rỗng của mẹ vào đâu ; đột nhiên mẹ cảm thấy xấu hổ vì hai bàn tay không. Trong nhà im lặng, con mẹ ngoảnh mặt ra chỗ khác ; thằng nhớn nhắm đôi mắt lại để khỏi phải nhìn thấy hai bàn tay trống rỗng của mẹ nó. Mẹ Gulnaz bước lại nơi tấm nệm đặt trên sàn nhà và nhẹ-nhàng gieo mình xuống, lặng lẽ như một cái bóng, hai bàn tay thu kín dưới vạt áo. Mẹ co rúm mình lại như muốn cho tan biến đi. Nhìn mẹ như một đồng giẻ rách mướp. Không khí trong nhà trở nên nặng nề hơn, im lặng kéo dài. Từ nửa tiếng đồng hồ nay không ai muốn nhấc tay động chân. Cuối cùng, vẫn lại thằng bé phá tan cái yên lặng đó. Nó van lên :

— Má ơi ! Má ơi !

— Má đây, con !

— Con không chịu nổi nữa rồi. Có cái gì khó chịu trong bụng này !

— Ồ, bé cưng

— Nay, trong bụng con có cái gì nhức nhích này.

— Đói bụng đấy con ạ ! Má cũng thấy như vậy. Đừng nhón lên. Không phải cái gì đâu. Ruột con nó cựa quậy đấy.

— Con chết mất, chết mất !

Thằng nhớn mở to mắt mà nhìn em nó, mẹ Gulnaz nhìn hai con. Thằng bé nằm im lặng, mắt nó mờ đi, môi khô và trắng bệch, má hóp xuống, da vàng nhợt nhạt. Mẹ Gulnaz vẫy thằng bé, nó đứng dậy và hai mẹ con bước sang phòng bên. Mẹ nói nhỏ với nó : « Con phải đi ra hàng chạp phô, mua ít gạo, bột, khoai. Nói với họ mình trả tiền sau. »

Bước ra đường, chiếc áo mỏng của hân không đủ ấm, hai chân yếu đi, phải dựa vào tường mới bước nổi. Đến đồi Cerrahpasha nó bước vào cửa hàng chạp phô có lò sưởi ấm cúng. Nó nhường cho mọi người mua xong, để hy vọng có thể nói riêng với ông chủ và cũng để thưởng thức cái ấm cúng lâu hơn một chút. Sau khi mọi người ra về, nó bước lại gần lò sưởi bảo mua một cân gạo, cân khoai, cân bột. Nó làm bộ bỏ tay vào túi như đang sắp lấy tiền. Rồi giả vờ như bỏ quên, làm vẻ bức bối và nói : « Ồ, cháu quên tiền ở nhà. Cháu làm biếng trở về. Ông làm ơn ghi sổ rồi ngày mai cháu trở lại trả sau (?) » Lão chủ tiệm quá hiểu cái mưu mô của thằng nhỏ, nhìn hân qua cặp kiếng

mắt và nói : « Mày gầy vậy ! Có tiền ở nhà thì không gầy như vậy ». Lão đặt gói hàng sang một bên và nói : « Hãy mang tiền đến rồi lấy hàng sau ». Hấn trả lời « được » với cái vẻ bối rối của một đứa nói dối bị lộ tẩy : « Tôi sẽ mang lại ». Nói xong hấn hấp tấp bước ra.

Sau khi thằng nhỏ đi rồi, lão chủ tiệm quay sang nói với vợ : « Gia đình khốn khổ, rồi đây mẹ con hấn sống bằng cách gì ? »

Vợ lão gật đầu : « Phải, tội nghiệp quá ». Thằng nhỏ bước ra đường, cái lạnh lúc này mới thật là khó chịu hơn trước khi hấn bước vào hàng chạp pho.

Đầu góc phố, khói bếp đang tỏa ra trên căn nhà quét vôi trắng. Sung sướng cho những kẻ sống trong đó. Hấn không thấy ghen tỵ mà chỉ cảm phục vì những người đó đã cho hấn ăn một bữa ngon lành nhất trong đời hấn.

Hấn bước nhanh về nhà hai hàm răng run cầm cập. Vào nhà hấn không nói một tiếng, hai bàn tay không, đủ để nói dùm hấn rồi.

Trước những cặp mắt đầy thắc mắc, hấn cởi áo bỏ đi nằm. Chiếc giường vẫn chưa tan hết hơi ấm, nhưng nó rên : « Lạnh

lắm ! Lạnh lắm ». Một chiếc chăn chẳng ra phủ lên người nó đang run rẩy. Mụ Gulnaz nhặt được bất cứ cái gì là trùm thêm lên, thấp hình đứa con mụ run rẩy nhô lên nhô xuống. Con sốt cứ thế kéo dài trong hai tiếng đồng hồ. Sau đó lại nóng, hấn kiệt sức và nằm dài ra bất động, mắt nó nhìn trừng vào khoảng không.

Mụ Gulnaz kéo chăn ra và áp hai bàn tay lạnh vào trán nóng hổi của đứa con mụ.

Mụ bước đi bước lại trong nhà cho đến chiều, lòng đầy thất vọng không biết làm thế nào bây giờ, mụ nhìn hết tường, trần nhà rồi đồ đạc.

Đột nhiên mụ biết rằng mẹ con mụ chẳng còn phải chịu đói trong bao lâu nữa.

Mặt trời vừa lặn. Chăn tung ra khỏi người con bệnh, dồn thành một đồng đen ngòm trên sàn nhà. Nhìn vào đồng chăn, mụ tìm ra được một ý kiến hợp lý : Có ai chịu đòi cho mình để lấy chút tiền độ bữa. Mụ nhớ lại trước đây có người nào nói đến nhà mua đồ cũ, nhưng giờ này đã đóng cửa rồi. Bây giờ chỉ còn biết chờ đến mai.

Tìm được lối thoát tạm bợ, lòng mụ thanh thản, ghé lại ngồi cạnh thằng nhớn.

Con sốt của hấn lại bắt đầu. Mụ ngồi nhìn con im lặng. Thằng bé bị cơn đói dẫn vật ngủ không nổi, mắt trăn trăn nhìn anh đang run-rẩy trong cơn sốt. Con bệnh nói lảm nhảm, má nóng bừng, mắt mở to nhìn trừng vào trần nhà, nhưng không còn thấy gì nữa. Thằng bé theo dõi từng cử chỉ của anh nó. Khi anh nó lại bắt đầu nói lảm nhảm thì thằng bé nhòm ngó.

nói khe khẽ ; vừa đủ cho mẹ nó nghe :

— Má ơi! Anh ấy có chết không ?

Nghe nói, người mụ run lên như chạm phải một cơn gió lạnh buốt, nhìn con với cặp mắt đầy sợ-hãi : « Tại sao con hỏi vậy ? »

Thấy mẹ nhìn, thằng bé im trong chốc lát rồi ghé sát tai nói nhỏ nhỏ vừa đủ cho mẹ nó nghe :

— Vì cái nhà trắng lại mang cơn đến cho chúng mình.

DUY-DÂN dịch



★ OAN ÔNG ĐỊA

Mỗi tuần, vào ngày thứ sáu, tôi đều dẫn nhà tôi đến bến xe An-dông để đi xe về quê thăm bà nhạc tôi ốm nặng. Chuyến xe chạy rồi thì 10 phút sau, em gái tôi đi chuyển xe ở quê lên, cũng đỗ bến và em tôi lên là để giúp dùm việc nhà và coi sóc các cháu trong lúc nhà tôi đi vắng.

Đến ngày chúa nhật thì ngược lại, tôi ra bến xe đưa em tôi về quê thì 10 phút sau, tôi lại đón nhà tôi ở quê lên.

Một hôm, xe em tôi vừa rời khỏi bến và tôi đang đứng chờ chuyển xe nhà tôi lên thì một cậu lơ-la-cà đến gần, cười ranh mãnh và rí vào tai tôi :

— Cái điệu đòi món như vậy hay đa ! Nhưng rồi có ngày cũng bị bà-xã thộp cổ chứ không phải chơi đầu ông ơ !



SƯ KHOÁNG

★ THIẾU-SƠN

SƯ Khoáng tự Tử-Giả là người học-trò thông-minh nhút ở nước Tấn. Lúc nhỏ học âm-luật thường bực mình vì nổi không chuyên-nhút mới phàn-nàn rằng : « Nghề không tinh là tại bụng nghĩ nhiều thứ. Bụng nghĩ-nhiều thứ là bị con mắt hay nhìn ». Ông bèn lấy lá gai đốt mù mắt đi để chuyên tâm học nhạc, bởi vậy rất tinh về

âm-luật, nghe tiếng chim kêu cũng biết được tốt hay xấu. Tấn-Bình-Công dùng ông làm quan Thái-Sư coi về nhạc.

Nghe nói Vua Sở mới cất một cái cung rất lớn, ở giữa lại xây một cái đài rất cao lấy tên là cung Hoa-Chương và đài Tam-Hưu, Tấn-Bình-Công cũng cho xây cất một cung gọi là cung Tê-kỳ ở mé sông phần đất Khúc-Ốc. Cung Tê-Kỳ cực-kỳ nguy-nga tráng-lệ nhưng đã được xây cất bằng mồ-hôi nước mắt của người dân. Dân nước Tấn ta thán và phẫn-uất vô cùng.

Tấn-Bình-Công mời các nước chư-hầu tới dự lễ lạc-thành. Các nước được thiệp mời đều cười thầm nhưng cũng buộc lòng gửi sứ tới vì Tấn-quốc hiện giữ ngôi bá-chủ. Hai Vua nước Trịnh và nước Vệ thân hành tới dự.

Vệ-Linh-Công đi vừa tới sông Bốc-Thủy thì trời tối, bèn ở nơi quán-dịch nghỉ một đêm. Đêm đó ông không ngủ được. bỗng nghe có tiếng đàn âm-diệu dịu-dàng làm cho ông ngây-ngất say-mê. Ông kêu nhạc-sư Quyên bảo học cho được bản đàn đó để dạy cho ông nghe. Sư Quyên xin ở lại một đêm nữa và ghi âm được bản đàn mới đó.

NHÂN VẬT XUÂN THU

Đi đến nước Tấn được Tấn-Công tiếp đãi ân-cần và mời vào cung Tê-Kỳ uống rượu. Rượu đã ngà ngà. Bình-Công mới hỏi : « Tôi đã nghe đồn ở nước Vệ có sư Quyên giỏi đàn và chế được nhiều bản đàn mới, vậy có theo qua đây không ? » Vệ-hầu thưa có. Linh-Công cho mời Sư Quyên lên đài rồi cho đặt Sư Khoáng đến. Bình-Công cho hai người ngồi ghế gần nhau rồi yêu-cầu Sư Quyên cho nghe một bản đàn mới nhứt của nhạc sư. Thị-Vệ dâng cây đàn thất-huyền. Sư Quyên thuật lại bản đàn mới ghi được ở dọc đường và xin trình bày bản đó. Ông lên dây tử-tế rồi đàn, nhưng mới được nửa bản thì Sư-Khoáng liền khoát tay chặn lại mà thưa rằng : « Bản này là bản đàn vong quốc, chẳng nên nghe. » Tấn-Bình-Công hỏi : « Sao Khanh biết dạng ? » Sư Khoáng thưa : « Cuối đời nhà Ân có ông thầy đàn tên Diên, đàn bản này cho vua Trụ nghe. Vua Trụ nghe đàn quên mọi việc chính là bản này. Sau Võ-Vương phạt Trụ. Trụ chết rồi, Sư Diên ôm đàn nhảy xuống sông Bộc-Thủy mà chết. Từ đó hễ có người nào đi qua

đây biết nghe đàn và ham nghe đàn thì đều được Sư Diên hiện lên đàn cho nghe. Nay Sư Quyên nói được nghe bản này ở dọc đường thì chắc chắn là tại sông Bộc-Thủy chẳng sai. » Nghe Sư Khoáng phân-biệt rành rẽ, Vệ-Linh-Công đem lòng kính-phục và coi ông như bậc tổ nghề đàn. Tấn-Bình-Công nói : « Việc đó là ở đời trước, nay đàn lại nghe chơi có hệ gì ? Ta ham nghe bản đàn mới, vậy sư Quyên hãy đàn ta nghe hết trọn bài. »

Sư Quyên đàn tiếp, giọng đàn như khóc, như than. Hai chúa khoái chí hỏi Sư Khoáng : « Bản đàn này tên bản chi ? » Khoáng thưa : « Đây là bản *Thanh Thương* ». Tấn-Công nói : « Thanh-Thương nghe buồn lắm. » Sư Khoáng tâu : « Buồn chưa bằng bản *Thanh Trung*. » Tấn-Công đòi nghe bản Thanh-Trung nhưng Sư Khoáng can Vua không nên nghe vì theo ông thì hồi trước các đấng Đế-Vương có đức lớn mới nghe dạng.

Nhưng Bình-Công ép quá nên Sư Khoáng buộc lòng phải chiều ý. Ông đàn một bản thì thấy một bầy hạc lông đen ở hướng Nam bay đến đậu trước cửa

Cung, cả thầy đếm được 8 con. Đạo lại lần thứ hai thì bầy hạc bay xuống trước sân phân ra hai hàng hai bên. Đạo lại lần thứ ba thì bầy hạc ngóng cổ, dương cánh múa và kêu rập ràng nghe như điệu cung thương. Hai chúa vỗ tay vui mừng, đình thần hoan-hô nhiệt-liệt.

Tấn Bình-Công lấy chén ngọc, rót rượu thưởng tài Sư Khoáng mà hỏi: « Còn bản nào hay hơn bản Thanh-trung nữa không? »

Sư Khoáng tâu: « Còn bản nữa gọi là *Thanh Giốc*. »

Bình-Công lại biểu đàn cho nghe, lần này Sư-Khoáng can Vua một cách cương - quyết hơn vì đây là một bản đàn mà vua Hoàng-Đế đã dùng để qui-tụ quỷ thần. Đức của các lớp vua sau càng ngày càng bớt thì không còn ai dám đàn tới bản Thanh-giốc nữa vì sẽ chọc giận quỷ-thần mà mang họa. Tấn-Bình-Công nói: « Ta tuổi cũng đã lớn rồi, nghe dạng bản Thanh giốc dầu có thác cũng chẳng tiếc chi, xin Sư Khoáng đừng sợ ta chết mà không đàn. » Sư Khoáng liệu chối-từ không được buộc lòng phải vâng lời. Mới đàn một lớp thì đã thấy mây ở hướng Tây vùn-vù đen kịt. Khắp

một lớp nữa thì giông-gió nổi dậy làm cho màn sáo đứt tung, ngói trên lầu tốc xuống, nghe một tiếng sấm rất lớn, mưa ào xuống, nước nổi lên mấy tấc, quân hầu ướt loi ngoi. Tấn-hầu và Vệ-hầu hoảng-hốt chạy vào cung trốn. Một hồi lâu gió tan, mưa tạnh, hộ vệ mới phò hai chúa xuống đài



Đêm hôm đó, Tấn-Bình-Công thọ bệnh, trái tim hồi-hộp, nằm chiêm bao thấy một con vật hình tròn như cái bánh xe, lộp cộp bò vào cung, bò đến đâu thì nước nổi lên đến đó. Coi kỹ thì con vật này có ba chún và giống như một con rùa. Tấn-Bình-Công kinh hãi la lên một tiếng lớn rồi giết mình thức dậy. Quần-thần không ai giải đáp được cơn ác-mộng của nhà vua làm cho ông càng thắc mắc và bệnh lại tăng thêm. Vệ Linh-Công bỏi nghe đàn nên cũng đau và xin cáo-từ về nước.

Vừa lúc đó thì Chúa Trịnh tới nhưng cũng lật đật ra về vì vua Tấn ngộ bệnh.

Quan đại-phu theo hộ-vệ Chúa Trịnh được mời ở lại vì ông có tiếng là nhà bác-học.

Ông tên là Công-tôn-Kiên tự là Tử-Sản. Được hỏi về giấc chiêm bao của Bình-Công thì Tử-Sản giải đáp như sau: « Tôi có nghe con rùa ba chún này là hiện thân của ông Cồn. Xưa ông Cồn trị thủy thất-bại bị vua Thuần giết tại núi Võ-sơn và chặt hết một chún nên hóa ra con rùa này ở vực Võ-Uyên. Nay nhà Châu suy-nhược, chánh-linh về tay minh-chủ thì minh-chủ cũng nên thay thế Thiên-Tử mà cúng-tế quỷ-thần. »

Vua Tấn cho người sửa-sang lễ vật cúng-tế ông Cồn và cảm thấy bệnh-tình thuyên-giảm được đôi chút. Nhưng trước khi về nước chính Tử-Sản có nói riêng với một vị đại-thần nước Tấn những lời này: — « Tôi bịa chuyện nói cho Tấn-hầu bớt lo. Nhưng nếu ông không thương dân mà bắt chước những lối xa xỉ của vua Sở thì bộ tâm đã hư rồi, bệnh sẽ trở lại và không phương cứu-chữa ».

Đương lúc đó thì ở hạt Ngụy Du luôn trong 3 ngày mỗi buổi sáng người ta đều nghe thấy tiếng người nói chuyện dưới núi nhưng khi tới gần thì không thấy người mà chỉ thấy những khối đá phát ra tiếng người mà

nói chuyện với nhau. Tin này đồn tới kinh đô, thấu tai vua, Bình-Công cho triệu Sư-Khoáng tới hỏi thì ông tâu: — « Đá đâu có nói được, ấy là quỷ thần nương đó để nói. Chúa Công xây cung, làm đền, dân đã hao công, tổn của thì tích oán càng nhiều. Dân oán thì thần không yên, sanh ra chuyện quái này, chắc vì sự ấy. »

Bình-Công nghe nói cứ ngồi làm thỉnh. Sư Khoáng bèn nói riêng với một vị đại-thần: « Thần đã giận, dân lại oán, chắc chúa-công không sống lâu được. »

Quả nhiên cách một tháng sau bệnh Bình-Công trở nặng, ông nằm luôn cho tới chết.



Những chuyện trên đây có vẻ hoang-đường vì loài người hồi đó, trước đây 25 thế-kỷ, còn mê-tín, dị-đoan, tin có quỷ-thần và tôn-thờ ngẫu-tượng. Nhưng đặc-biệt là thần với người đều chung sống hòa-hợp, thông-cảm lẫn nhau và xây dựng cho nhau.

Sư Diên hiện lên đạo bản *Thanh-Thương* là vì biết Vệ-hầu và Sư Quyên đều đáng mặt tri-âm đồng-diệu.

Sư Khoáng do-dự không muốn đàn bản *Thanh-Trung* vì biết rằng Vua Tấn thiếu đức-độ không xứng-đáng được nghe.

Nhưng Thanh-Trung chỉ là một bản đàn đề qui-tự bày hạc và khiến chúng nó múa nhảy nhịp-nhàng. Đến như *Thanh-Giốc* thì phải là chân mạng đế-vương mới nghe được vì quỉ-thần đâu có thể hạ-mình phục-vụ những kẻ thất-đức bất-nhơn như Bình-Công. Bởi thế nên quỉ-thần đã xuất-hiện trong cơn thịnh-nộ làm mưa, làm bão đề cảnh-cáo nhà Vua. Quỉ-thần còn xuất-hiện trong giấc chiêm bao, ở những tảng đá đề bắt buộc ông phải nhìn-nhận những tội-lỗi của mình.

Sư Khoáng là một nhạc-sư nhưng cũng là người trung-gian đề nói lại cho vua nghe những ý muốn của quỉ-thần. Quỉ-thần chê nhà vua thiếu đức và khuyên ông phải thương dân, phải tiết-kiệm sức-lực và tiền-của của dân, bớt xa-xỉ, bớt kiêu-căng, phải tu-thân đề trị-quốc và bình thiên-hạ.

Vậy thì quỉ-thần chính là đại-diện chơn-chánh của dân, đã nói ra những nỗi bất-bình và

những nguyện-vọng của nhân-dân nước Tấn.

Nhưng Bình-Vương u-mê và ngoan-cổ không sớm tỉnh-ngộ nên mới phải chấm dứt cuộc đời. Nếu ông tỉnh-ngộ sớm hơn chút nữa, thành-khôn sửa chữa những sai lầm, lấy lại lòng tín-nhiệm của dân và được dân thương yêu lại thì lòng ông sẽ cởi mở nhẹ nhàng, tự-nhiên hết bệnh. Quỉ-thần đâu có giết ông. Quỉ-thần chỉ phê-bình, cảnh cáo và muốn xây-dựng cho ông.

Sư-Khoáng hơn Sư Quyên một bậc vì Sư Quyên chỉ dùng âm-nhạc đề tiêu-khiến Vệ-hầu. Còn Sư-Khoáng còn muốn dùng âm-nhạc đề xây dựng Bình-Công. Sư-Khoáng không muốn cho nhà vua nghe những bản đàn vong-quốc và còn chê nhà vua thiếu đức-độ, không xứng-đáng được nghe những bản tuyệt-kỳ.

Người ta có thể phàn-nản sao ông không cương-quyết cự-tuyệt dùng đánh bản *Thanh-giốc* đề chọc giận quỉ-thần và đề cho vua Tấn mang họa.

Thật sự thì Sư-Khoáng cũng chưa biết rõ quỉ-thần sẽ giận giữ ra làm sao, ông chỉ khuyên

vua không nên nghe vì không có đức-độ của bậc đế-vương thì người nghe sẽ mang lụy vào mình.

Vậy thì Bình-Công cũng cần được nghe đề thấy rõ sự cảnh-cáo của quỉ-thần đề kiểm-điểm bản-thân mà sửa chữa.

Nếu ông sửa chữa kịp thời thì ông đâu có chết.

Thà ông đề cho quỉ-thần trừng phạt còn hơn là đề cho nhân-dân sẽ quá phần-nộ mà tự làm công-việc trừng-phạt đó.

Sư-Khoáng dùng nhạc dạy vua tuy không thành-công nhưng đã sở-đắc và đáng được truyền-tụng.

Ông là một thiên-tài nhưng chính ông cũng đã dày công khổ-luyện. Ông đã tự làm đôi cặp mắt đề lỏ tai thêm thính và cõi lòng được yên-đặng chuyên-

tâm học-tập. Ngón đàn của ông làm cho người phải say mê, chìm phải nhảy múa, quỉ-thần phải xuất-hiện.

Thật là quỉ khóc, thần sầu. Nhưng hay hơn hết là ông đã nghe được tiếng lòng của người dân và hướng kẻ cầm-quyền ăn ở cho phải đạo đối với Trời-với Đất, với Người.

Đầu không biết có Trời Đất mà chỉ biết có Người thì Trời Đất cũng tha-thứ được. Nhưng biết có Trời Đất mà không biết có Người thì đầu tế-lễ trọng-hậu cách mấy quỉ-thần cũng không tha.

Sư-Khoáng chẳng những là một vị nhạc-sư. Ông còn là một nhà đạo-học, một nhà chánh-trị.

THIỆU-SƠN



★ DANH NGÔN

Tôi rất ghét sách, chúng chỉ dạy nói những điều mà người ta không biết gì cả.

(Je hais les livres, ils n'apprennent qu'à parler de ce qu'on ne sait pas).

J. J. ROUSSEAU

★ PHƯƠNG - DUYÊN
(Saigon)

Hôm nay chị trở về.
Trời sắp vào thu nữa.
Mưa buồn như hơi thở,
Du chị vào cơn mê!

Em ơi! Hoa phượng nở
Hồng xanh suốt tháng hè
Những tờ thư bỏ ngỏ
Gió thổi dài lê thê!

Bây giờ em ở đâu?
Có thương nhớ nào nề
Nửa đêm nghe lá đổ
Gục vùi đầu vô me!

Đây phương trời cách trở,
Chiều trông nắng vàng hoe.
Tìm em trong bờ ngõ,
Trong tiếng cười chị nghe!

Nay em không trở về,
Trời sắp vào thu nữa...
Mưa buồn như hơi thở
Du chị vào cơn mê!



(liếp theo P.T. 92)

★ NGUYỄN-VỸ

Tuy thế, tại «lắc-léo-mè-dòng lô» (1) vẫn lo học-hành yên-ôn, và tính-nết vẫn ngoan-ngoãn giữa một xã-hội đầy ngập ảnh-hưởng Pháp, mà từ quan đến dân đều một loạt cúi đầu tuân theo «Nhà-nước Bảo-hộ». Từ Bắc chí Nam, tuy 3 miền sống trong ba chế-độ và hoàn-cảnh chính-trị khác nhau, nhưng trên bình-diện tâm-lý xã-hội chung, đại thể vẫn là một xã-hội trưởng-giả nửa tân, nửa cựu, nửa An-Nam, nửa Tây, riêng-biệt hẳn và dưới một tầng thấp-kém đối với các lớp «trưởng-giả thuộc-địa» của người Tây.

Mọi người đều an thường thủ phận, và hầu như thỏa-mãn trong cảnh sống thái-bình, mà các cụ nhà Nho gọi là «Quốc

thái dân-an» dưới quyền đô-hộ của «Quan Thầy Đại-Pháp».

Kỳ nghỉ hè 1924, trò Tuấn về ở chơi nhà Bà Ngoại trong một làng ở gần giã Trường-Sơn. Một buổi chiều, mặt trời gần lặn, bỗng có một ông Tây đóng lon Quan-Một cỡi con ngựa-ô, với bốn người «Lính-tập» đi chực, (lính khố-xanh) từ ở đồn Huyện cách đó 10 cây số, đi thanh-tra trong các làng gần núi. Quan-Một ghé ở đêm lại nhà ông Xã. Nửa giờ sau cả làng đều biết tin.

«L'élève - maison - l'eau», (học trò nhà nước) là một câu khôi-hài do người thời bấy giờ đặt ra để chế-nhạo những người mới bập-bẹ tiếng Pháp,

Trẻ con hàng xóm chạy trốn hết. Vài ba đứa ẵm em, thân-thề trần truồng, bần-thiếu, mũi dài lòng-thòng, còn chơi ngoài đường, cha mẹ chúng nó liền gọi chúng nó vào nhà và rầy la, không cho chúng bước ra khỏi ngõ. Họ sợ ông « Quan Tây ». Trò Tuấn quen tánh tò-mò, mặc áo cụt, mang guốc, đến nhà ông Xã để xem ông Tây làm gì. Các ông hương chức cũng đến đông đủ để chào « Quan Một ». Ông Quan ăn bánh mì và cá-hộp, của ông đem theo trong một cái sac, rồi uống một tô nước trà tươi do dân làng nấu. Bà xã và cô con gái nhỏ của bà thì vội-vả làm thịt ba con gà mái và dọn một bữa cơm thịnh-soạn, có hai đĩa cá, ba đĩa thịt, một bánh tráng, với hai chai rượu, đãi bốn « bác lính ». Họ ăn uống say sưa, ở nhà giữa, đòi hỏi đủ thứ, trong lúc ông Xã khăn đen áo dài, trải chiếu chiếu hoa trên tấm ván gỗ trước bàn thờ ông bà, đề mời « Quan-lớn » nằm nghỉ. Đêm ấy, ông Xã và cả gia đình ông phải trải chiếu nằm ngủ trên đất nhà bếp, nhường mấy tấm phản và chiếc giường tre kê ngoài hè cho bốn bác lính tập nằm.

Vào khoảng 9 giờ đêm, có lẽ tại trời nóng nực quá ông Tây ngủ không được, ông cỡi con ngựa-ô đi lang-thang trên các bờ ruộng. Ông đi một mình, không có một người lính nào đi theo hộ-vệ cả. Trời sáng trăng, ông đi quanh khắp các đường làng, dưới bóng các bụi tre, ông đi tới đâu, chó sủa tới đó, rồi dần dần tiếng chó sủa vang dậy khắp cả xóm trên xóm dưới. Chó An-nam cũng biết đánh hơi người ngoại-quốc hay sao, mà Tuấn ngồi ngoài ngõ hóng gió, nghe tiếng chó sủa náo-dộng nhất ở xóm nào là biết ông Tây cỡi ngựa đi qua xóm ấy. Khi ông cỡi ngựa ngang qua ngõ nhà bà Ngoại của Tuấn, con chó Vện trong sân nhảy vồ ra sủa. bị ông Tây cầm roi cá-đuối quất một cú thật mạnh trúng ngay lưng chó. Con Vện kêu « ăng ! ăng ! » mấy tiếng, vừa chạy vô bụi sủa ra càng giận dữ hơn. Tuấn cũng phẫn-uất đứng dậy nói một câu tiếng Pháp :

— Vous avez fait du mal à mon chien, monsieur ! (ông đánh con chó của tôi đau-điếng đấy, thưa ông !)

Ông Quan-Một quay lại ngó Tuấn, rồi gò cương ngựa, hỏi cậu bé :

— Tiens ! Tu parles français ? (ạ, mầy nói tiếng Pháp ?)

Tuấn đáp :

— J'en sais à peine quelques mots. (tôi chỉ biết tầm-tạm đôi ba tiếng).

Ông Tây xuống ngựa, cột ngựa vào một góc cây rồi đến gần Tuấn. Tuấn nhìn kỹ thấy khuôn mặt của ông Tây còn trẻ và na-ná giống An-nam. Tuy nước da trắng, tóc quăn, nhưng đặc-biệt cái mũi không cao, trông con mắt đen, và tóc cũng hơi đen-đen. Tuấn ngạc-nhiên vì tất cả những người Pháp mà Tuấn biết, độ vài chục người, kể cả các giáo-sư đều mũi cao, tóc hoe, mắt thau, hoặc xanh, hoặc đục-ngầu. Và lại, giọng nói của ông Tây Quan-Một cũng không thật là Tây lắm.

Ông hỏi, Tuấn trả lời, bằng tiếng Pháp. Một lúc sau, có lẽ ông thích nói chuyện với một thằng học-trò ở nhà quê nói được tiếng Tây chút ít, ông cao-hứng bảo nó, (dĩ-nhiên là ông nói tiếng Pháp, nhưng đây xin chép lại bằng tiếng Việt) :

— Mẹ tao cũng là người An-

nam-mít, nhưng bà không phải là một nhaque.

Tuấn không hiểu nghĩa chữ « *nhaque* », và hơi thắc-mắc sao tiếng Pháp lại có một chữ lạ-lùng như thế. Thấy Tuấn trở mặt ngó, ông cười hỏi :

— Mầy có hiểu một « *nhaque* » là cái gì không ?

— Thưa không, tôi chưa thấy chữ ấy bao giờ cả.

— Mầy có một quyển Tự-Điền Larousse ?

— Thưa có.

— Thế thì mầy thử tra trong Larousse xem ! Mầy có tìm hết cả quyển Larousse cũng sẽ không thấy chữ ấy đâu ! *Nhaque* là *nhà-quê*.

Ông Quan-Một nói tiếp :

— Tao, tao cũng nói tiếng An-nam-mít giỏi lắm, nhưng tao không nói, bởi vì đó là tiếng nói của những người *nhaque*. (Ông đọc theo giọng Tây là : *gnaque*).

Trong lúc ông nói chuyện với Tuấn, con chó Vện cứ chạy ra chạy vào sủa mãi. Nó sủa oang-oang lên, hình như muốn đuổi ông Tây đi phút cho rảnh. Ông Quan-Một cười, chỉ nó :

— Ngay như con chó của mầy, nó cũng là một con chó *nhaque*. Chó Tây đẹp hơn, và

lễ-phép hơn ! (... Les chiens français sont plus jolis et plus... polis)

Tuần mắc-cở, hết muốn nói chuyện với ông Quan-Một. Bây giờ Tuần đã biết rõ ông là Tây-lai, cha Pháp, mẹ An-nam, nhưng ông lại khinh-miệt người An-Nam quá đời ! Ông cho tất cả người An-nam đều là «nhaque», chỉ trừ ra mẹ ông.

Tuần hỏi lại, cũng bằng tiếng Pháp :

— Thưa ông, mẹ ông là người An-nam-mít mà bà có ghét người «nhaque» không ?

— Mẹ tao không phải là *nhaque*. Bà là con gái một vị Đại-thần ở Triều-đình An-nam. Nếu tao muốn, tao có thể làm một ông Quan lớn An-nam-mít, nhưng tao thích làm ông Quan Tây hơn. Mày cũng vậy, mày đi học sau này mày thi đỗ, mày cũng sẽ là một ông Quan nho-nhỏ của Nhà-nước Đại-Pháp Bảo-hộ.

Tuần cười bảo :

— Nếu tôi thi đỗ sau này, tôi sẽ không làm quan.

— Vậy thì mày sẽ làm gì ?

— Tôi sẽ làm thằng *nhaque*.

Ông Quan-Một nghiêm nét mặt, tỏ vẻ giận, và mắng Tuần :

— Imbécile ! (Mày ngốc !)

Tuần trả lời :

— Que voulez-vous ! Mon père est nhaque, ma mère est nhaque, j'aimerais rester nhaque quand même je serais un licencié ou un docteur-ès-Lettres.

(Ông nghĩ coi ! Cha tôi là nhà quê, mẹ tôi là nhà quê, thì tôi cũng sẽ thích là nhà quê mặc dầu chừng đó tôi sẽ là cử-nhân hay Tiến-sĩ Văn-chương Pháp).

— Mày còn nhỏ quá, mày chưa biết gì hết. Nhưng mày nên biết rằng ở Nam-kỳ, tất cả những người An-nam-mít học ở Paris về, đỗ các bằng-cấp Đại-học Pháp đều vô dân Tây hết.

— Mỗi người có mỗi ý thích riêng. Tôi còn nhỏ tuổi, tôi thích học chữ Pháp, tôi rất yêu các Thi-sĩ, Văn-sĩ Pháp, các nhà Bác-học Pháp, các bậc Anh-hùng Pháp, nhưng tôi vẫn yêu nước An-nam hơn, tôi thích người An-nam-mít hơn, mặc dầu họ là *nhaque*.

Tôi bực mình vì con chó Vện, nó cứ sủa hoài. Bây giờ nó lại đến đứng dựa vào chân tôi và nhìn ông Tây Quan-một mà sủa

mãi, sủa mãi. Tôi cười nói với ông Quan-một :

— Thưa Quan Một, xin ông cho phép tôi đem con chó vào nhà cho nó ngủ, kéo nó cứ sủa hoài. Kính chào ông.

Khi ông Quan Một lên ngựa đi và trò Tuần cũng quay trở vào nhà, đã 11 giờ khuya, thì Tuần thấy bà Ngoại ngồi nấp sau hàng rào nghe lỏm chuyện của cháu mình đối đáp với Quan Một. Nhưng không phải một mình bà Ngoại Tuần, còn lù-lù từ sau các bụi rậm đứng lên chín mười người đàn ông đàn bà lối xóm đi ngả sau đến đấy rình nghe tự hồi nào.

Tất cả đều trầm-trồ khen Tuần :

— Chà ! Thằng Tuần nói tiếng Tây với ông Quan Một, nghe hay quá, hì !

Rồi họ xúm lại hỏi :

— Ông Quan Một nói chuyện gì vậy, Tuần ?

Tuần cười, đáp :

— Ông nói chuyện ba-lăng-nhăng chơi cho vui, chứ có gì đâu !

Nhưng ba tháng sau, đúng một tháng sau ngày nhập trường,

một buổi sáng thứ hai, hồi 10 giờ, anh cai trường vào lớp đưa một tấm giấy cho ông giáo-sư, ông-giáo xem xong bảo Tuần lên văn phòng ông Đốc. Ông trường mắt ngó Tuần :

— Mày là một thằng có đầu óc xấu (un mauvais esprit).

Tuần ngờ-ngác chưa hiểu gì, thì ông «Đĩa-réc-tơ», một nhà mô-phạm Pháp rất nghiêm-khắc, nói tiếp :

— Trong kỳ Nghỉ-hè, mày nói chuyện gì với ông F..., trong khi ông đi kinh-lý trong làng mày ?

Tuần sợ hãi, ấp-úng không trả lời được. Vì Tuần không ngờ câu chuyện phiếm đối đáp với ông Tây-lai Quan-Một trong đêm hè ở trước cổng nhà bà Ngoại, đã lọt đến tai ông «Đĩa-réc-tơ». Chắc là ông Quan-Một không bằng lòng một vài lời nói của Tuần, và viết thư mết với ông Đốc chẳng ?

Ông Xà đã có cho Tuần biết trước rằng, qua đêm nói chuyện với Tuần, sáng hôm sau ông Quan-Một có hỏi ông Xà về «đứa học-trò nói được tiếng Tây đó là ai ?» Ông Xà có nói rõ

cả tên họ, học trường nào, và ông Quan Một có ghi trong một quyển sổ mà ông đem theo để biên chép những điều ông nghe thấy trong các hương thôn.

Tuần bị ông «Đĩa» mắng

cho một trận nên thân...

Kỳ sau : 1924.—

— Thầy giáo yêu học trò.

— Học trò yêu học trò.

★ Bỏ chính một thiếu sót và sai lầm.

Phổ-Thông số 90, mục «Tuần, chàng trai nước Việt», trang 78, cột 1:

Lúc cưới K.N. cô gái của ông chủ khách-sạn Bon-Air (không phải Hôtel Terminus), Hoàng-tử Lào S. không còn là sinh-viên nữa, mà đã làm việc tại sở Công-chánh Nha-trang và ở trọ tại Hôtel Bon-Air. Đám cưới năm 1938.

Xin cảm ơn Trịnh-Tiên và mấy bạn ở Nha-trang đã bỏ-chính giùm.

N. V.



★ DUYÊN GIÀ

Sau buổi trình diễn văn nghệ, tài tử trứ danh Pháp Maurice Chevalier vào hội trường thăm một nghệ sĩ bạn và gặp hơn 20 cô vũ-nữ đẹp như tiên, xinh như mộng.

Maurice vừa thở ài, vừa nói:

— Chà! tiếc rằng tôi không được thêm 20 tuổi nữa!

Người bạn liền cười mặt ngạc nhiên:

— Anh năm nay 76 tuổi đứng ra là anh phải tiếc không được lùi lại 20 năm nữa mới phải chứ!

Maurice cười dí dỏm:

— Không, tôi nói thật đấy. Nếu tôi được thêm 20 nữa thì mấy cô này không làm tôi rung động như bây giờ, anh ạ.

Thật đúng Maurice Chevalier là tài tử ăn nói có duyên nhất. Đã già «khú đế» mà vẫn còn duyên như thường!



★ ĐIỀN-SƠN

● LỖI TUYỂN TƯỚNG ĐẶC-BIỆT CỦA VUA AKBAR

Ngày xưa, khi kiểm cung chưa bị xem là lạc-hậu, lỗi thời thì ở nước nào, triều-đại nào cũng vậy, những người được phong lên hàng tướng tá để điều động binh mã, phải là những người thao lược gồm tài, nào là kiểm cung thông thạo, lâu lâu binh thư đồ trận để đủ sức dàn binh bố trận, đua tài đấu sức nơi chiến địa. Binh-hùng-tướng cũng phải giỏi thì mới mong đem về cho đất nước một màu cờ rực-rỡ cao sang trong niềm vui chiến thắng huy-hoàng.

Ở nước ẤN-ĐỘ dưới triều đại vua AKBAR (1542-1602) là một ông vua nổi tiếng khỏe mạnh và khôn ngoan hơn hết thảy các vị vua của ẤN-ĐỘ, nhà Vua có một lỗi tuyển lựa tướng tài đặc biệt là vời các tay anh

hùng, hào kiệt, kiếm khách bốn phương quy tụ về kinh đô để đua tài thử sức nơi đấu trường, mượn kiểm cung làm đề tài xác thực để chọn kẻ anh hào, nhưng trước tiên họ phải qua một cuộc thử thách, trước là họ phải đua tài chơi «GỖN» (khúc côn cầu) với nhà Vua. Nhà Vua lấy mình làm cầu thủ gao cội vì tài chơi khúc côn cầu của nhà Vua xuất



sắc lăm. Ai tỏ ra yếu ớt về môn đánh cầu này sẽ bị loại hẳn không được dự thí các cuộc đua tài về cung kiếm.

Người nào thắng mọi thử thách sẽ được phong làm nguyên-soái, các kẻ khác sẽ được hưởng những chức võ tướng thấp hơn.

Đến khi thi đua, thì khi màn đêm đã ôm choàng muôn cảnh vật, nhà Vua cùng một vài đấu thủ tiến ra sân cỏ.

Quả cầu làm bằng gỗ, được quấn chặt bên ngoài một lớp vải khá dày tằm ướt dầu. Khi quả cầu được đốt cháy, nhà Vua cùng một đấu thủ lên yên, giục mã cùng tranh giành quả cầu đang rực cháy trong đêm tăm tối mịt mù.

Họ tranh thủ từng giây phút, cố gắng thắng đấu thủ trước khi quả cầu phụt tắt ánh lửa.

Ngày nay, sau khi tìm hiểu và suy xét kỹ-lưỡng, các sử gia ẤN-ĐỘ đã bảo rằng AKBAR là một vị vua khôn ngoan nhất là vì dùng cuộc chơi khúc côn cầu ấy để đo lường tài nghệ nhanh nhẹn của các đấu sĩ một cách dễ dàng.

Khi ngựa thấy lửa thì hoảng sợ, nhảy lồng lên hay bỏ chạy, không dám xáp lại gần cho nên nếu kẻ có tài thì đủ sức kềm giữ ngựa và điều khiển như ý muốn, cho ngựa chạy bám sát bên quả cầu đang phụt cháy, có thể mới diu được quả cầu, tấn công đối thủ trong chớp nhoáng khi cầu còn ánh lửa.

Nhà Vua nghĩ rằng khi giao tranh cùng quân thù nơi chiến địa, mặc dầu ngựa hung hăng, lồng lộng trong biển lửa, người làm tướng cũng có thể dùng tài sức và sự nhanh nhẹn để đánh tan được địch, phá được thành quách, chiếm được đất đai trong phút chốc.

Quả thật, các tướng tá thời ấy đã đem về cho tổ quốc ẤN-ĐỘ nhiều chiến-công oanh-liệt.

● CHIẾC VÁY CỨU NGUY

Chúng ta ai cũng tin rằng con người ta sống chết đều có số mạng. Dù là xông pha nơi chiến địa, trước đầu tên mũi đạn,



cảnh sống chết bấp bênh như ngọn đèn trước gió, nhưng khi chưa có tên trong sổ đoạn trường của tử thần thì vẫn không sao cả.

Sau đây là câu chuyện mà lịch sử còn ghi chép rành rẽ để chứng minh cho sự suy luận của chúng ta trên đây là đúng.

Ông ROBERT STRANGE (1721-1792) người TÔ-CÁCH-LAN là một điêu khắc sư kiêm họa-sĩ lừng danh đã thoát chết trong một cuộc rượt bắt nguy kịch nhờ ông ta trốn trong chiếc váy đàn bà.

Ông ROBERT đã gia nhập vào đoàn quân TÔ-CÁCH-LAN

do BONNIE PRINCE CHARLIE điều khiển, theo lời yêu cầu của người yêu là nàng ISABEL LUMISDEN, một giai nhân tuyệt sắc thời bấy giờ.

Nhưng sau khi quân đội TÔ-CÁCH-LAN kéo toàn lực lượng đi đánh trận CULLODEN (ngày 16-4-1746) thì ông ROBERT bị quân lính của Vua GEORGE đệ II truy-nã gắt gao để giết cho bằng được, vì ông bị gán tội là quân phản loạn. Ông tức tốc chạy về EDINBURGH là nơi nàng ISABEL đang cư ngụ.

Trong khi nàng ISABEL đang ngồi trò chuyện cùng mấy người bạn trong phòng khách thì ông ROBERT chạy hối hả vào và nói nhanh : « Chúng nó đang rượt theo sau, hãy cứu anh ».

Biết rằng đầu trốn đâu cũng không thoát chết được, nàng ISABEL nhanh trí liền bảo ông ROBERT hãy chui vào trốn trong chiếc váy nàng đang bận (hồi bấy giờ phụ-nữ đều bận váy rộng thùng thình (xem hình)).

Vài phút sau, đám quân-sĩ của Vua GEORGE đệ II xông vào nhà và nói rằng : — « Thừa bà,

chính mắt chúng tôi thấy một kẻ phiến loạn chạy vào nhà này, bà hãy chỉ chỗ nó trốn, bèn không bà sẽ bị liên can.»

Nàng ISABEL bình tĩnh đáp : «Tôi chả thấy có ai vào đây cả, nếu chẳng tin mời các ông cứ tự tiện lục soát khắp nhà!»

Không chậm trễ một giây phút nào, đám quân-sĩ kia liền chia thành nhiều tốp đi lục loại khắp các phòng không sót một chỗ nào và chỉ trừ chiếc váy nàng thì chúng không có quyền sờ lên xem, nên ông ROBERT đã tránh thoát lưới gươm tàn bạo của đám lính ấy.

Từ đấy, ông ROBERT ở luôn trong nhà nàng ISABEL, không dám chường mặt ra ngoài và kết hôn cùng nàng năm 1747 đến khi Vua GEORGE đệ III lên ngôi trị vì, cũng nhờ ngài có sự phán đoán rộng rãi nên ngài đã không kết tội ROBERT mà lại còn phong cho chức HIỆP-SĨ, nâng gia-đình ông lên hàng quý tộc năm 1787 nghĩa là 40 năm sau ngày đen tối, gian nguy nhất trong đời ông như đã nói trên.

● BÌNH CẨM HOA QUÁI-GỖ

Hoa và Xuân phải chăng từ muôn kiếp đã có nợ tao phùng. Hoa báo hiệu cho mùa xuân rực-rỡ và Xuân là mùa của trăm hoa đua nở. Hoa đã có thiên chức tô điểm cho mùa Xuân thêm huy-hoàng lộng-lẫy. Cho nên vào dịp Xuân, mấy ai lại hờ hững với hoa mà không vin vài cành cắm vào cái bình bằng thủy-tinh, bằng lọ sứ hay bằng chất plastic để trang-hoàng nhà cửa, làm tăng vẻ hoan lạc tươi sáng của ngày xuân ?



Nhưng các bạn đâu biết vua ABBAD ET MOTADDID cai trị xứ SEVILLE (băng hà ngày 28-2-1069) cũng biết thưởng thức hương sắc hoa xuân, nhưng có

một điều, nhà vua ấy lại cắm hoa vào một cái rất bình quái gở, là cái sọ của vua giặc bị vua ABBAD giết tại trận trong một cuộc giao tranh ác-liệt.

Vì say máu chiến thắng, nhà vua đã truyền lệnh cho quân sĩ chặt đầu vua giặc, lột da và chùi rửa sạch sẽ để làm bình cắm hoa cho Ngài.

Thế rồi ngay mùa xuân năm ấy, trên chiếc bàn sơn son thếp vàng ở phòng khách nhà Vua, chiếc độc bình cắm hoa quái gở bằng sọ của vua giặc được đem ra chưng tại đấy.

Ngày ngày, nhìn bình hoa, nhà vua lại vui cười hân hoan nhớ đến chiến công oanh-liệt của ngài, và đầu kẻ thù kia nay đã trở thành một món đồ giải trí cho ngài.

Thật kinh khủng thay cho kẻ bạo tàn, mang trong người một giòng máu đã man, chỉ biết vui đùa, sung-sướng trên cái chết chóc đau thương của kẻ khác !

● MỘT NGHỆ-SĨ ĐỘC NHẤT

Ngày xuân là ngày đẹp đẽ nhất trong năm, nên các văn nhân thi-sĩ thường hay khai bút viết những bài thơ, bài văn ca tụng chúa xuân, nhưng đã mấy ai có tính lập dị như ông ANNE LOUIS GIRODET (1767-1824)

là một họa sĩ bậc nhất của Pháp quốc ở thế kỷ thứ 18.

Tuy ông cũng giống như các nghệ sĩ khác là thích sáng tác về đêm khi mọi cảnh vật đều chìm sâu vào yên lặng, nhưng hằng đêm hễ đến giờ vẽ thì ông lại đội lên đầu một cái nón (mũ) rộng vành, bên trên ông gắn 40 ngọn đèn cầy. Ngoài ra ông không thắp một ngọn đèn gì khác chỉ nhờ ánh sáng của 40 ngọn nến kia để vẽ mà thôi. Đó cũng là một ý thích lập dị của ông GIRODET, người nghệ sĩ nổi danh.

Những tác-phẩm của ông đều được mọi người hâm mộ, nhờ thế tên tuổi ông nổi như cồn.

Sau khi ông qua đời, gia-đình ông đem cái nón này bán đấu giá thì được giá rất cao ; ngoài sức tưởng tượng của ta vì có nhiều người ái mộ tài nghệ của ông muốn mua cho bằng được di-vật độc đáo ấy. Ngày nay



trong viện bảo tàng Pháp còn lưu trữ nhiều bức tranh của nhà danh họa GIRODET.

● DỊP MAY HIẾM CÓ

Vua NADIR SHAR (1688-1747) cai trị nước Ba-Tur, đã trị tội một người « NHÌN TRỘM » bằng cách phong cho người ấy lên chức giám thị, coi sóc các bà hoàng trong cung cấm. Đây là một câu chuyện hi-hữu nhất vì một kẻ có tội mà không bị trừng phạt nặng nề lại được ban thưởng đặc ân. Người ấy tên PANNOUCHI, một dân ẤN-ĐỘ nghèo đói, và câu chuyện đã xảy ra gần NAR, ẤN-ĐỘ trong khi quân BA-TU đi xâm lấn lãnh thổ.

Ông PANNOUCHI hoảng sợ khi thấy đoàn quân tàn bạo của NADIR đang ò-ạt tiến đến, đoàn quân này đã từng gieo rắc biết bao cảnh đau thương tang tóc, khiến ai nghe đến cũng phải khiếp đảm kinh hồn. Ông liền vội vã leo lên cây trăn và định bụng rằng khi quân lính kia đi khỏi mới trụt xuống, nhưng ngờ đâu, khi đến đây thì hoàng hôn đã từ từ buông rũ, nên các bà hoàng muốn nghỉ đêm dưới gốc cây cổ thụ này. Thế rồi trong đêm đó ông PANNOUCHI lại được mục-kích rõ-ràng tất cả các hành động của các bà hoàng,

kẻ đứng người ngồi, các bà nằm nghiêng ngửa, đùa cợt lơ-lãng với nhà Vua.

Nhưng rồi sự hiện diện của ông PANNOUCHI bị phát-giác là có một bà hoàng đưa mắt nhìn lên cây, và kinh ngạc la to lên khiến vua NADIR phải giạt mình nhੌm dậy và cũng vì tiếng la ấy làm cho ông PANNOUCHI hoảng sợ, tay chân run lập cập té lăn xuống đất, rồi không kễ sá gì đến sự đau đớn bởi té nặng, ông ta vội lồm cồm bò dậy, sụp lạy dưới chân nhà Vua, kễ lễ sự tình và khốc lóc xin tha tội chết.

Đứng trước câu chuyện tức cười này, thay vì giận dữ, đáng bầm xương xẻo thịt kẻ đã nhìn trộm những cảnh vàng lá ngọc của Vua, trái lại nhà Vua không nổi giận, còn nở một nụ cười hiền lành trên khuôn mặt khắc khổ, bạo tàn.

Không hiểu suy nghĩ thế nào mà nhà Vua lại phong cho ông PANNOUCHI chức giám-thị, chăm sóc và giáo huấn 33 bà cung-phi, gìn giữ ngọc ngà, châu báu và toàn quyền trên hết thấy những người nô-lệ.

Đột nhiên thế là ông PANNOUCHI trở nên giàu có và oai quyền, đã từ chỗ chết bước lên nấc thang danh vọng trong chốn lát.

DIỄN SƠN

đơn cỏi

H L — HOÀI-VIỄN-PHƯƠNG

(Đất Vinh, 10-11 62)

*Trên đại lộ có những đêm trường hoang vắng
Tôi âm-thầm thơ-thần bước chân đi
Tôi cứ đi, nhưng chẳng biết để tìm gì ?
Mà trên khắp nẻo đường tôi đi mãi.*

*Chân nối tiếp bước ngập sầu niềm tê-ái,
Buồn cô đơn đà chiếm trọn mãnh linh hồn
Tôi thần-thờ như xác chết chửa kịp chôn
Chân đã mỏi, sao vẫn còn đi mãi ?*

*Tôi muốn bước, bước không bao giờ dừng lại
Đi tìm gì và đến tận nơi đâu ?
Tại làm sao tôi vẫn mãi âu-sầu ?
Mà không nhìn thẳng, đi thẳng vào hiện tại.*

*Vì mơ-mộng tôi chần chờ hay ái-ngại ?
Bước chân tôi sao cứ mãi ngập ngừng
Đã bao lần tôi trở gót quay lưng
Đề chạy trốn ngày mai, vì : tôi sợ !*

*Rồi tôi cũng thần-thờ ngoài đại-lộ
Cũng lang-thang lê gót khắp nẻo đường
Cũng âm thầm, sầu mộng, cũng đau thương,
Đề biết có bao giờ tôi dừng bước.*

MÌNH ƠI !

CÓ PHẢI THUỐC

DƯỠNG - THAI

NÀY ĐÃ GÂY RA

MÁY NGHÌN

QUÁI - THAI

TRÊN THẾ - GIỚI

?

Ở VIỆT - NAM CÓ BÁN
THUỐC NÀY KHÔNG ?



MÌNH ƠI, người ta đồn có những người đàn bà có thai uống thuốc dưỡng thai **Thalidomide**, hay là **Contergan**, bị sinh ra quái thai, có đúng không, Minh ?

— Đúng.

— Tại sao có thể như thế được ? Ai chế ra thuốc ấy ? Chế từ hồi nào ? ở đâu ? Sao lại thuốc dưỡng thai mà uống vào lại sinh ra quái thai ? Ở Việt-Nam có bán thứ thuốc đó không ?

— Em hỏi gì mà dồn-dập một tá câu hỏi, làm sao anh trả lời cho kịp ?

— Thì Minh trả lời lần-lượt từng câu cho em.

— Em hỏi câu nào, anh trả lời câu ấy cơ.

— Thôi, em không chơi với Minh nữa đâu ! Minh không chịu em một tý nào hết trơn hết trọi.

— Thì em hỏi đi.

— Em đã hỏi rồi.

— Anh đã trả lời rồi.

— Minh lại bắt chước vị Bồ-tát Ananda trả lời vua Mέλinda phải không ? Em không nói chuyện triết-lý đâu, nhen ! Em hỏi về Y-học, Minh trả lời về Y-học cho em chứ !

— Cứ hỏi. Muốn hỏi gì thì hỏi. Đây xin sẵn sàng trả lời.

— Em không biết câu gì thì em hỏi câu ấy chứ bộ.

— Thì anh biết được chút gì, anh cũng trả lời chút ấy chứ bộ.

— Em hỏi : có phải thuốc dưỡng thai **Contergan** uống vào sinh ra quái-thai không ?

— Anh xin trả lời : phải.

— Em xin hỏi : ai bào-chế ra thuốc ấy ?

— Anh xin trả lời : một nhóm dược - sư người Đức của Viện Bào - chế dược phẩm **Chemie Gruenenthal**.

— Ở đâu ?

— Ở Aix - la - Chapelle, bên nước Đức.

— Thuốc ấy sản - xuất từ năm nào ?

— Cuối năm 1957.

— Có phải thật thuốc 'dưỡng thai' không ?

— **Contergan**, hay là **Thalidomide**, không phải hoàn-toàn là một loại thuốc dưỡng thai. Lúc nguyên-thủy, theo các trắc-nghiệm của những dược-sư bào-chế ra nó, từ năm 1934, và phổ-biến trong các giấy quảng-cáo thuốc thì nó là một thần dược có những công-hiệu sau đây : đàn-bà có thai

uống nó trong mấy tháng đầu, trong người rất khỏe-khoản, ăn ngon, ngủ ngon, không nôn-ợ, không mệt-nhọc, tránh được các chứng « ốm nghén », và bồi-bổ cả sức khỏe lẫn tinh-thần. Học-trò chăm học đề đi thi, uống nó thức đêm học không mệt, chỉ uống mỗi đêm vài viên là thấy tinh-thần sáng suốt, trí-óc minh-mẫn, sức-khỏe khang-khien. Trái lại, người bệnh mất ngủ, uống nó vào lại ngủ ngon, một giấc ngủ yên-tĩnh, bổ dưỡng, sáng dậy khỏe khoản, tinh-thần thơ-thới. Làm việc thái quá bằng chân tay hay trí óc, thường bị đau đầu, chóng mặt, uống nó là hết đau liền. Công hiệu của **Con ergan** cũng như sâm, như nhung. Đó là theo lời quảng-cáo của các hãng bào-chế. Vì thế nên khi thuốc **Contergan** ra đời, nó được tiêu thụ khắp thế-giới (trừ Pháp và Huê-kỳ) và bán rất chạy. Bởi nó là thứ thuốc bổ nên mua nó không cần phải có toa của Bác-sĩ, và các dược sĩ các nước dựa theo công-thức của thuốc **Thalidomide** của Đức mà sáng-chế ra các thứ thuốc khác, tuy là khác tên nhưng vẫn là theo công thức của **Thalidomide**, của **Contergan**, danh hiệu chính-thức của nó bằng tiếng Đức. Bên Anh gọi nó là **Distaval**, ở Belgique gọi nó là **Sofltenon**,

ở Canada là **Talimol**, hoặc **Kevadon**, v.v... các viện bào-chế mỗi nước đặt riêng cho nó mỗi tên, nhưng tất cả đều là **Thalidomide** mà tên thật là **Contergan**. Ở bên Anh, viện Bào-chế **Distillers (Biochemicals) Company Ltd** lấy công-thức của **Contergan** mà chế ra loại **Thalidomide Distaval**, gọi tiêu thụ hàng triệu hộp ở khắp các quốc-gia Liên-hiệp-Anh, ở India, Australia, Singapor, Malaya... và cho cả thanh-niên và nhi-đồng dùng để chữa đủ các chứng bệnh về thần-kinh, về não, gân, dạ-dày, v.v...

— Mình ơi, nếu thế thì các loại thuốc **Thalidomide** có công hiệu linh-nghiem thật-sự, sao lại gây ra quái thai được ?

— Chính vì nó là một vị thuốc linh nghiệm nên đa-số phụ-nữ có thai ở khắp nơi mua uống, thấy khỏi được các chứng nôn ợ, mệt-mỏi, nhức đầu, chóng mặt, và được tinh thần khoan-khoái. Nhưng, không ngờ đến khi họ sinh nở thì đứa hài-nhi ra đời lại là một quái thai !

— Quái-thai thế nào, hả Mình ?

— Hầu hết là những đứa trẻ không có chân tay, hoặc chỉ có một chân, một tay, hoặc không có mũi, hoặc...

— Thôi, Mình ! Thôi, Mình ! đừng nói nữa, em sợ lắm.

— Suốt 5 năm, từ 1957 đến nay, thế-giới đã có trên 5 000 quái-thai ra đời vì ảnh-hưởng của loại thuốc **Thalidomide**. Và hiện giờ vẫn còn, vì có một số các nhà dược-sư cứ tiếp-tục bào-chế ra loại thuốc ấy mà đặt tên khác, không ai biết, cứ tưởng là thuốc dưỡng-thai. Suốt 5 năm nay, các vị y-sĩ đề ý và ngạc-nhiên nhận thấy số quái-thai cứ mỗi ngày một tăng. Lúc đầu, họ tưởng rằng có lẽ tại vì Nga và Mỹ thử bom nguyên-tử nhiều quá, rồi phóng-xạ nguyên-tử gây ra những quái-thai. Nhưng sự nghi-ngờ ấy không vững vì ở Pháp và ở Huê-kỳ (là hai nước không có bán thuốc **Thalidomide**) không có quái-thai. Nếu đổ tội cho phóng-xạ nguyên-tử thì đáng lẽ Huê-kỳ phải có quái-thai nhiều hơn cả chứ. Năm 1960, nhiều y-sĩ ở nước Suède đã bắt đầu nghi-ngờ thuốc **Thalidomide** và đã gửi thư trình-bày cho các Y-sĩ Đức biết đề đề phòng. Cuối năm 1960 Bác-sĩ Hoff, người Đức ở Frankfurt, cũng đã cảnh cáo trong một Hội-nghị Y-khoa Đức, về hậu quả không ngờ của thuốc **Contergan**. Dần dần, khắp các nơi trên Thế-giới, Nhật-bản, Trung-hoa, Hong-kong, Ấn-độ, Nam-Mỹ, Canada... Số trẻ con sinh ra thiếu chân tay, hoặc mình người mà đầu heo, hoặc mất mũi,

sứt tại, v.v... càng ngày càng nhiều. Năm 1961, trong 100.000 đứa trẻ sơ-sinh, đã có 500 quái-thai, đều là những đứa trẻ mà người mẹ có uống thuốc **Contergan** trong khi thai-nghén. Liền đó, Bác-sĩ **W. Lenz**, ở bệnh-viện Hamburg, tìm cách chặn đứng cái nguy-hại khủng khiếp do các loại thuốc **Thalidomide** gây ra. Ngày 27 11-1961 do lời tố-cáo của Bác-sĩ Lenz, viện Bào-chế Đức « **Chemie Gruenenthal** » lập tức gửi thông-cáo cho các Bác-sĩ, yêu cầu dừng cho các phụ-nữ có thai dùng thuốc **Contergan** nữa. Ngày 2-12-1961, viện Bào-chế Anh « **Distillers (Biochemicals) Company Ltd** » cũng ngưng sản-xuất thuốc **Distaval**. Ngày 16-12-1961, Bác-sĩ **W. G. Mc Bride**, ở Hurstville (Úc-châu) đăng một bài dài trong báo Y-khoa **The Lancet** của Anh-quốc, kết án các loại thuốc **Thalidomide**.

Bác-sĩ Lenz cũng có đăng một bài trong tạp-chí **The Lancet**, ra ngày 8-1-1962, có đoạn quả-quyết: « ... Tôi đã khám-xét 300 người mẹ có uống thuốc **Contergan**, nhận thấy rằng những bà nào dùng thuốc ấy trong thời gian mới có thai từ 4 tuần đến 8 tuần đều sinh ra quái thai. Từ 1959, riêng ở Tây Đức, có trên 3000 **Bébs Contergan** .. Nghĩa là trên

3000 quái-thai do thuốc Thalidomide **Contergan** gây ra. (Thalidomide, là danh - từ nói chung). Tháng 6-1962, chính-phủ Italy (Ý) cấm hẳn các loại thuốc Thalidomide. Ở Pháp, năm 1960, Bộ Y-tế đã cho phép một viện bào-chế sản-xuất thuốc Thalidomide nhưng may mắn vì thiếu điều kiện kỹ-thuật viện ấy chưa bào-chế kịp và bây giờ bỏ luôn. Ở Mỹ nhờ Bác-sĩ **Kelsey** ở cơ-quan « Food and Drug Administration », kịp thời cấm hẳn các loại thuốc Thalidomide không nhập-cảng được vào Huê-kỳ, nên tránh được thảm-kịch quái-thai. Đó là cái phước lớn cho xứ Huê - kỳ, vì người dân bà Mỹ chuyên môn tiêu thụ các loại thuốc tân-kỳ về việc thai nghén, nếu có thuốc ấy thì chắc chắn số quái thai Mỹ sẽ nhiều hơn hết thảy trên thế giới ! Hiện nay tại các nước tiến-bộ, người ta nghi-ngờ nhiều loại thuốc mới, vì trong đó có những chất hóa-học mà nếu nghiên-cứu không kỹ, có thể có lợi cho những phần tử nào của cơ-thể mà có hại cho những phần tử khác, hoặc những cơ-thể khác. Cái hại mà bây giờ người ta đã khám phá ra được trong các loại thuốc Thalidomide là trong đó có một chất hóa-học làm tiêu tan những thớ xương non mới thành, do đó cái bào thai trở nên dị-hình dị-tướng. Vụ kiện ở Liège làm sôi nổi dư luận quốc-tế trong

mấy tháng nay, chính là một vụ điển hình bày tỏ rõ-rệt cái nguy-hại của thuốc Thalidomide.

— Ờ, Mình nói về vụ đó cho em nghe đi. Có phải có người mẹ nghe lời Bác-sĩ, giết đứa con quái thai mới ra đời, rồi bị đưa ra Tòa phải không ?

— Ừ, Người sản-phụ, và cả gia-đình bà, cả Bác-sĩ, đều bị bắt hết. Người mẹ là một thiếu phụ còn trẻ đẹp, tên là **Suzanne Vandeputte**, ở thành phố Liège, nước Belgique (Bỉ). Bà chính là một sản phụ có dùng thuốc dưỡng thai **Contergan**.

Trong thời-kỳ thai-nghén, nhờ uống thuốc **Contergan** mà nàng rất khoẻ mạnh, không ốm - yếu mệt



Bà Vandeputte

nhọc gì cả. Đúng 9 tháng 10 ngày, ngày 25-5-1962 vừa rồi, nàng đến nhà hộ-sinh, nét mặt vui tươi, với hy-vọng sẽ sinh ra một đứa con kháu-khỉnh.

Nằm trên giường, nàng nhắm mắt nghe tiếng ơ-ơ ra chào đời của một đứa con gái... Nhưng lúc nàng mở mắt ra để nhìn con, thì... một cô Y-tá mỉm cười bảo : « Thưa, còn tắm rửa cho em, chốc nữa sẽ đem em vào ».

Nàng đặt tên con gái là Corinne, nhưng chờ mãi không thấy con. Ở phòng bên cạnh, có chồng nàng, mẹ ruột nàng, chị nàng, và bác-sĩ **Casters** đang ngồi im-lặng trước một quái-thai : Corinne không có hai cánh tay, chỉ có hai bàn tay dính vào hai vai, còn hai chân thì cụt ngắn, gần như không có. Khi Suzanne biết được, nàng buồn khóc, kêu la thảm-thiết.

Ngày 29-5 nàng về nhà, và có cuộc hội nghị gia-đình, tất cả đều đồng-ý, kể cả Bác-sĩ **Casters**, là thà giết chết cái quái thai ấy, còn hơn là nuôi cho nó lớn lên sẽ tội nghiệp cho nó mà thôi. Thiếu phụ bỏ thuốc ngủ vào chai sữa cho Corinne bú. Nó bú rồi vào luôn trong giấc ngủ ngàn thu. Do giám đốc bệnh-viện là B.S. Wueerts tố-cáo, thiếu phụ Suzanne Vandeputte và toàn thể gia-đình của nàng, cả bác-sĩ **Casters**, đều bị nhà chức trách bắt về tội giết hài-nhi.

Vụ này gây ra một dư-luận quốc-tế cực-kỳ sôi-nổi. Khắp thế-



Bác-sĩ **CASTERS**, người đã chủ trương thủ tiêu quái thai, vừa được tòa xử trắng án

giới có hàng vạn, hàng triệu điện-tín và thư, đơn, yêu-cầu Tòa án Liège hãy tha tội cho gia-đình Suzanne và Bác-sĩ **Casters**.

— Rồi Tòa án có tha không, Mình ?

— Sự thật, có hai luồng dư-luận khác nhau : Các nhà Luật-học, Xã-hội-học, Luân-lý học và đại đa-số quần-chúng đồng thanh xin tha tội. Còn các nhà Gia-tô-giáo nhất định đòi kết án

— Kết-cuộc, Tòa xử sao ?

— Vừa rồi, Tòa xử trắng án. Hầu hết dân chúng, cả dân-bà, dân ông, thanh thiếu niên, thiếu nữ, đều nhiệt-liệt hoan-hô các vị

Quan Tòa. Nhưng Tòa Thánh Vatican phản-đối.

— Tại sao Đức Giáo-Hoàng phản-đối ?

— Tại vì ông cho rằng đây chỉ là một vụ cổ sát, mẹ giết con, trái với nhân-đạo, và trái với Luật Công-giáo.

— Còn tại sao dư luận công-chúng lại hoan-hô Quan Tòa đã tha bổng cho người mẹ, tại sao Quan-tòa cũng đồng ý rằng giết chết một quái-thai là một hành-vi nhân-đạo ?

— Hẳn đi rồi. Bởi vì quái-thai đâu phải là người nữa. Đó chỉ là một hình người quái-gở, nếu có sống thì chỉ sống đau khổ và nhục-nhã mà thôi.

— Mình ơ !

— Thôi, từ này giờ em cứ hỏi anh hoài. Để bây giờ anh hỏi em một câu với chứ !

— Mình hỏi đi, em xin trả lời.

— Anh hỏi em nếu em là người Belgique em sẽ tán thành hành-động của Suzanne Vandeputte không ? Hay em kết tội ?

— Em sẽ tha tội cho nàng, và trái lại, em sẽ đòi bắt giam những người đã chế ra các thứ thuốc Thalidomide và đẩy ra ngoài biển bắt ở đây chịu tội khổ sai chung thân. Còn Mình, thì sao ?

— Anh, thì anh cũng tha cho người đàn bà vô tội, anh tha cả người bào chế ra thứ thuốc kia.

Trái lại, anh sẽ bắt giam ông Tổng Trưởng Bộ Y-tế, vì tại ông làm chúa tể trong Y-giới, ông có trách nhiệm kiểm-soát tất các loại thuốc, mới hay cũ, để bảo vệ sức khỏe của dân. Để một thứ thuốc dưỡng thai sát hại hàng vạn trẻ con, để sinh ra hàng mấy nghìn quái-thai trên khắp thế giới, thì đó chính là trách nhiệm của ông Tổng-trưởng Y-tế. Phải bắt ông đi ngồi tù.

— Mình nói nghe được. Nè Mình, ở Việt-Nam có bán các loại thuốc *Thalidomide*, như *Contergan* không ?

— Khó mà biết chắc được, vì theo thường lệ, một số được-sư ưa dùng công-thức các thuốc hay của ngoại-quốc để chế ra các loại thuốc *lô-can*. Trừ một số thuốc được các được-sư tài giỏi chế ra theo lương tâm và trách nhiệm nhà nghề, còn thì cũng có những thứ thuốc khác, thuốc uống cũng như thuốc chích, do một vài Bác sĩ bất lương và được-sĩ con buôn đã chế ra, để lừa bịp dân chúng, cốt bán chạy chứ không hề đến sức khỏe của đồng bào. Bọn ấy vẫn làm gi-u công khai.

— Mình ơ !

— Thôi hôm nay tại mình nói chuyện đã nhiều rồi. Anh đi tắm...

— Rồi sao nữa ?

— Rồi hết chuyện chớ sao !

Diệu-Huyền

VÀI Ý NGHĨ VỀ MỘT t u y ê n t à p

TRUYỆN NGẮN VIỆT - NAM

★ BÌNH-NGUYỄN-LỘC



CÁCH đây mười năm, văn-hữu Nguyễn ngu-ĩ và kẻ viết bài này có hợp sức để làm một tuyển tập truyện ngắn, lấy tên là « 20 truyện ngắn V.N. hay nhất từ cổ chí kim ».

Cái nhan quá dài ấy, không thể rút ngắn lại được, mà khỏi mất bớt nghĩa, văn - hữu Nguyễn-Ngu-ĩ có đề-nghị bỏ bớt « từ cổ chí kim », nhưng bị nhơn lại không bằng lòng vì phải xác định thời-gian, hoặc hay nhất từ lúc có chữ quốc-ngữ đồ về trước, hay đồ về sau, hoặc hay nhất thời hậu chiến gì cũng phải nói rõ, cái « hay nhất » gọn lỏn, không có nghĩa gì cả.

Chúng tôi phân công như thế này: Con một sách Nguyễn-Ngu-ĩ tìm tài liệu, kẻ cả chuyện cổ trong « Truyền-Kỳ mạn-lục » nữa, còn bị nhân thì vì lười nên lãnh phần tuyển chọn.

Nhưng rồi bị nhân bỏ cuộc vì có những tác-giả đã qua đời không biết con cháu họ ở đâu mà tìm để xin phép; lại có những tác giả kẹt ở bên kia lằn mức, không rõ xuất-bản có tiện hay không.

Đã trót tìm tài liệu, văn hữu Nguyễn-Ngu-ĩ hẹn sẽ tiếp tục công việc, tức là sẽ tuyển chọn theo ý của anh.

Mười năm đã qua, không biết anh ấy đã bước được mấy bước rồi.

Vài năm trước đây, nhà văn Nhật-Linh lại cũng chuẩn bị một quyển tương tự như thế, không biết lấy tên là gì. Nhưng rồi ông ấy cũng im hơi.

Thỉnh linh năm nay, nàng giai-nhân ngủ trong rừng một trăm năm bỗng bừng thức dậy.

Trước hết có thi - hữu Xuân - Việt xung phong. Kề đến là nữ văn-hữu Thu-Vân.

Nhưng hai người (nói cho đúng là hai cơ-quan, hai tổ-chức) làm cho thiên hạ náo nao hơn hết là *Văn-hóa-vụ* thuộc Tổng nha T.T. và K.H. (bộ Công-dân-vụ) và *hội Bút Việt*.

Hai cơ-quan, tổ-chức này có nhiều phương tiện hơn các cá nhân lẻ tẻ, để thực-hiện một tuyển tập xứng đáng.

Nhưng thiên-hạ lại đoán rằng một nhà xuất-bản kia sẽ về đến mức trước tiên.

Có một điểm ngộ-nghĩnh này là tất cả đều định dịch tuyển tập ấy ra ngoại-ngữ (trừ nhà xuất-bản nói trên).

Điều ấy chứng tỏ rằng họ làm việc với mục-dịch phổ-biến văn-chương Việt-Nam ra ngoại-quốc.

Nếu quả như thế thì đó là một công-việc quốc-gia đại sự rồi, chứ không phải là hoạt động cá nhân nữa, và người nào có ý-kiến, cần thử trình bày, một trăm lời dở cũng được một lời hay, và nếu các nhà làm tuyển-tập mà chịu đề tâm tới một vài ý-kiến xây dựng hiềm hoi còn đứng vững được của họ, thì tuyển tập nói trên có thể trình ra với nước ngoài một gương mặt gần giống mặt thật của văn chương Việt-Nam.

Bỉ-nhan, vì thương mền công việc bỏ dở, muốn thử đề trình vài ý nghĩ mà không buồn nói cái câu sáo ngữ « không nệ tài sơ trí thiên ».

Nói ra lời khiêm-tôn giả ấy, chỉ bị thức-giả cười chê mà thôi.

Đưa ra một vài ý-kiến nhỏ mọn không phải là kỳ-công gì mà hãnh-diện, người ta cũng biết như thế cho mình, nên khỏi phải giả vờ khiêm-tôn.

Còn có nói sai đi nữa, cũng

chẳng ai bắt tội bất tình gì mà lo.



Mấy năm trước, bên Pháp có xuất bản những tuyển tập truyện ngắn lấy tên là « Những truyện ngắn hay nhất thế-giới ».

Nhiều đọc giả Việt-Nam đã phản nản rằng họ bị. Nếu nhan sách mà dài hơn, thì chắc không ai nói ra nói vào gì được. Chẳng hạn như : « Những truyện ngắn hay nhất thế-giới trong cuộc thi của báo X. vào năm Y. » (có nói trong các bài tựa).

Thêm có vài tiếng xác định ở sau mà hai cái nhan trên mang hai ý nghĩa khác nhau một trời một vực.

Nhan thứ nhì nói xa sự thật, trong khi nhan thứ nhất úp mở, « mập-mờ đánh lộn con đen ».

Nhan thứ nhì hạn chế giá trị của quyển sách vì những truyện trong đó chỉ là những truyện hay nhất thế-giới của một năm nào đó thôi (năm có cuộc thi). Trước đó và sau đó, còn hằng vạn truyện ngắn « hay nhất thế giới »

nữa và có lẽ hay hơn truyện của tập ấy một trời một vực.

Hơn thế, có những nhà văn có tài mà không chịu dự vào cuộc thi ấy thì xét cho đúng ra những truyện trong các tuyển tập nói trên cũng không được quyền mang danh là « hay nhất thế giới » của một năm, vì hay nhất làm sao được trong khi có những truyện khác hay hơn mà không dự thi !

Thầy rõ là tên sách rất quan trọng. Nó giúp người đọc khỏi lăm lăm, nó tránh cho người làm sách khỏi mang tiếng « bị » lăm khi mang tiếng oan ; họ có thiện chí nhưng chỉ vì không chánh danh nên gặp ngộ nhận thôi.

Vậy tập « truyện ngắn hay nhất Việt-Nam » của ta là hay nhất từ thời nào đến thời nào, từ cổ chí kim hay từ thời có quốc-ngữ đến ngày nay, tưởng quý-vị làm sách cũng nên ghi rõ ra ở nhan sách mà đừng sợ cái nhan ấy quá dài.

Trên đây là yếu tố quan-trọng thứ nhất trong việc làm một quyển sách loại ấy. Và có

chánh danh, có xác-định thời gian như thế, người tuyển-trạch mới có căn-bản mà làm việc, nếu không, ông ấy sẽ bối rối lắm không biết phải bắt đầu từ Nguyễn-Dữ hay từ Phạm Duy-Tồn.

Chỉ còn một yếu tố quan-trọng đáng nói đến nữa mà thôi. Đó là tiêu chuẩn tuyển-trạch.

Có rất nhiều tiêu-chuẩn làm việc mà người làm sách không có quyền tự-do muốn lựa tiêu chuẩn nào tùy ý họ, chẳng hạn như chọn theo ý thích riêng của mình, bởi vì quý vị ấy là sứ giả văn-hóa của dân-tộc Việt-Nam rồi chứ không phải là sản-xuất một món hàng nội hóa cho thị trường trong nước nữa.

Người sứ giả không có quyền làm lẩn mà phương-hại cho thể-thống quốc-gia. Tuy nói thế chứ ai lại phải làm ! Nhưng vị sứ giả ấy chỉ có quyền làm cái làm của dân-tộc thôi, chứ không phải của cá-nhân của ông. Nói thế không phải đòi hỏi vị ấy phải trưng cầu dân-ý về bản liệt

kê các truyện mà vị ấy chọn đâu.

Cái làm dân-tộc là cái làm chung của đa số người trong giới và đa số người của giới thường-thức sành.

Chọn truyện khó khăn hết sức. Quyền « 20 truyện ngắn hay nhất Hoa-Kỳ » do nhà xuất-bản Pierre Seghers ấn hành năm 1957 và do một nhà phê-bình tên tuổi, ông Alain Bosquet chọn truyện, không làm hài lòng ai cả, nhất là người Mỹ, mặc dầu những truyện in trong quyển sách ấy đều toàn là truyện rất hay.

Bởi vì rất hay và hay nhất khác nhau xa lắm.

Hay nhất hàm ý nghĩa đại-diện, đại diện cho một tác-giả nào mà cũng đại diện cho một quốc-gia nào nữa.

Xin đừng cử một thí dụ cụ thể. Nhà làm sách đã chọn truyện « Người lãnh tụ » của John Steinbeck (1). Truyện

(1) Trong cuộc phỏng-vấn về truyện ngắn hay nhất thế-giới, kẻ viết bài này cũng đã chọn một truyện của John Steinbeck, nhưng mà là truyện « Johnny, người gấu ».

kể cái tật của một ông lão đã sông qua thời Tây-Tiền của dân tộc Hoa-Kỳ, và chính ông ta đã cầm đầu một đoàn người phiêu-lưu mạo-hiêm.

Về sau ông ta nhớ mãi cuộc phiêu-lưu ấy như là sáu xứ, nhớ vì hình-diện được làm một lãnh-tụ nhỏ trong một thời. Ông ta cứ kể luôn mồm chuyện Tây-Tiền và chuyện « Mọi da đỏ » khiến ai cũng nhàm tai nên một khi kia ông ta bị người rẻ mắng là cứ nói lái-nhái mãi một câu chuyện. Ông ta buồn vô hạn, và nhẫn-nại chịu số phận ».

Ý-nghĩa của câu chuyện rất hay, nhưng tác-giả không làm người đọc cảm động đúng mức trước nỗi buồn của con người bị một ý-định ám-ảnh rồi bị chinh.

Truyện trên đây có hay nhưэт Hoa-Kỳ hay không, ý-kiến của đọc-giả các nước và cả nước Mỹ nữa, thật là phân chia (2).

Chúng tôi tin chắc rằng một nhà chọn truyện khác hơn ông Alain Bosquet sẽ chọn một truyện khác, nghĩa là mỗi người mỗi khác ý, nhưng

trong đó chỉ có một người làm đúng thôi, và, ta nên cố làm cái người độc nhất đó.

Cũng cứ trong phạm-vi chọn truyện, còn một điểm nữa, một điểm cuối cùng cần trình bày.

Có một quan-niệm văn-ngệ mà một ông bạn ở Văa-hóa-vụ đã gọi một cách ngộ-ngĩnh là « Bệnh nội-dung ».

Người ta phê-bình văn-ngệ, và tuyển lựa văn-ngệ-phẩm mà chỉ kể đến phần nội dung của tác phẩm, chứ không đem xía tới phần nghệ-thuật, kỹ-thuật.

Đành rằng một văn-ngệ-phẩm có nội dung sâu sắc, lành mạnh, xác định thì quý lắm, nhưng trước hết, nó phải là văn-ngệ-phẩm cái đã, chứ nếu không, nó là một thiên khái-luận về tư-tưởng mật.

Người của khối gọi là khối tự-do, rất chú-trọng đến nghệ thuật. Họ cho nội dung và nghệ-thuật quan-trọng như

(2) Chúng tôi sẽ dịch truyện này và truyện « Johnny, người gấu » để bạn đọc Việt-Nam so-sánh.

nhau, nếu không thiên hẳn về nghệ-thuật.

Như thế, nếu ta mắc «bệnh nội dung» ta sẽ trình bày một quyển sách mà họ sẽ chê. Người chọn chuyện, tuy không cần biết làm văn, không cần có viết văn, phải sành thưởng thức văn-ngệ, mà sành thưởng-thức văn-ngệ là một chuyện khó ghê hồn, khó hơn cả làm văn nghệ nữa : người làm văn nghệ giỏi chỉ cần giỏi một khía là đủ rồi, chớ như người sành thưởng-thức văn-ngệ, phải mở rộng lòng mình để đón tiếp mọi khía lòng của muôn người văn-ngệ khác nhau.

Ai cũng ngỡ mình biết thưởng-thức cả, nhưng sự thật không phải như thế. Có những nhà phê-bình đặt ra khuôn-khổ hằn hời rồi bắt người ta phải theo.

Nếu tư-tưởng tương đối dễ phân biệt đâu là đúng ; đâu là sai (?) thì nghệ-thuật mong lung quá, mà tiêu-chuẩn nào cũng mong-manh cả.

Muốn biết thưởng-thức nghệ-thuật, tâm hồn phải phong-phú hơn cả tâm hồn

của người làm văn-ngệ nữa.

Thường-thức văn-ngệ rất khó vì vẻ đẹp của văn-ngệ muôn màu nghìn sắc, mà cũng vì lắm khi nó không có màu. Cái mới chết ! Bài thơ «Tương biệt dạ» của thi sĩ Huyền-Kiều không có lấy một từ thơ mới lạ, không có lấy một lời thơ độc đáo, nhưng đó là một bài thơ bất hủ vì vẻ đẹp bàng-bạc trong đó không làm sao mà phân-tách ra được cả.

Người sành thưởng-thức văn-ngệ phải biết phân-biệt cái đẹp vô hình qua những giọng chữ không dấu.

Xin nhắc thêm một tiểu tiết nữa là người tuyển chuyện phải đọc tất cả truyện ngắn từ cổ chí kim, nếu không, không thể nào khỏi sai lầm quan-trọng.

Tuyển tập nói trên phải được ký tên hẳn hoi, tên người chọn truyện (cả thể giới đều làm thế) vì việc chọn chuyện quan-trọng hết sức, người chọn có trách-nhiệm và có vinh-diệu y như là các tác-giả.

Tuyển tập sẽ được đọc giả đánh giá, không cần cứ trên tên của các tác-giả, mà trên tên của

người tuyển-tập, bởi vì một tác giả danh tiếng có thể có vài truyện rất xoàng.

Một tuyển-tập khuyết-danh người chọn chuyện sẽ có giá-trị ngang hàng một văn-ngệ phẩm không ký tên tác giả ?

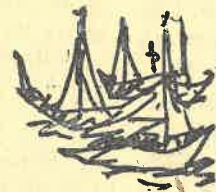
Nếu làm việc tập-thể, nghĩ cũng nên nhớ qua điều này là đa số không phải luôn luôn không lầm. Bỏ thăm biểu quyết một sự chọn lựa không vững bằng cứ thảo-luận mãi cho đến khi nào đa số thiên về một cuộc phân tách sâu sắc nhất của ai đó.

Bỏ thăm vội-vàng chỉ đưa

ra được một kết quả sai lạc, vì ý riêng của mỗi cá nhân còn mạnh mẽ quá, còn giữ vững lắm lẫn của họ, chớ chưa được.

Ai cũng ao-ước tuyển-tập nói trên ra đời, và ai cũng lo sợ bị ngoại-quốc hiểu không đúng ta. Vậy xin quý vị làm sách xúc tiến công việc để cho xong càng sớm chừng nào hay chừng này, và nhất là thận-trọng kéo nước ngoài sẽ tiếp-tục nói là ta không có gì đáng kể.

BÌNH-NGUYỄN-LỘC
(Saigon 1962)



★ CÓ LẠ GÌ ĐÂU ?

Một bà vợ hiền thực và rất hiền tâm lý đàn-ông, có ông chồng hay đi xa về công việc thương mại. Một hôm, một bà láng giềng đến to nhỏ :

— Này chị, tôi nói thật chị nghe. Tháng trước tôi đi Nha-trang, tình cờ tôi gặp ông nhà đi trên bãi bể... với một cô gái đẹp hết sức chị ạ.

— Ủa, thật hả ! Thì có gì đâu lạ hả chị. Chẳng lẽ đến tuổi như nhà tôi lại còn xuống bãi bể... vọc cát hay bắt còng mà chơi sao ?

vấn - đề

LỮ - GIA

trong lịch - sử

VIỆT - NAM

★ NGUYỄN ĐỨC CUNG
● TRẦN VINH ANH

NÓI đến lịch - sử tức là nói đến những vấn - đề thuộc về quá - khứ, vì lịch - sử là những sự - kiện lúc người nghiên - cứu đem nó ra thì nó đã là của quá - khứ. Cho nên, người nghiên - cứu lịch - sử chẳng được phép làm gì khác, ngoài việc nhìn nhận sự thực một cách khách - quan, nghĩa là nhìn nhận một việc đã xảy ra rồi. Người nghiên - cứu có quyền tìm hiểu nguyên - nhân và hậu - quả của một sự - kiện lịch - sử, nhưng không thể kể lại sự việc đã xảy ra theo ý mình muốn. Chúng tôi muốn nói các người phê phán những sự - kiện lịch - sử phải tôn trọng sự thật, hoàn toàn khách - quan trong việc tìm tòi và minh chứng sự thật, có sao nói vậy.

Chúng tôi đã dài dòng trước khi đi vào chủ - đích của bài này,

là đề minh - định lập - trường của chúng tôi trong khi đặt lại vấn - đề: « Triệu - Đà và Lữ - Gia có thuộc vào lịch - sử Việt - nam không ? »

Cách đây chưa lâu, ngày 28-6-62 tuần - san Văn - Đàn đã mở một « Phiên họp văn - nghệ » với chủ - đích « Phúc - khảo vụ án Lữ - Gia », đề minh oan cho họ Lữ vì ông này đã bị ba sử - gia Việt - nam xưa kết tội, đồng thời đặt cho Lữ - Gia một chỗ xứng đáng trong lịch - sử Việt - nam. Chúng ta thấy Chánh án của « Tòa án văn - học » (có chỗ viết là « Tòa - án văn - nghệ ») này là ông Nghiêm - Thâm, đại - diện Công - tố - viện : ông Phạm - đình - Khiêm, luật - sư bên vực cho Lữ

VẤN ĐỀ LỮ - GIA TRONG LỊCH SỬ VIỆT - NAM

Gia có nhà cựu - học Tô - Nam Nguyễn - đình Diệm và nhà tân - học Lê - Thái - Bằng. Các chứng - tá (hay nhân - chứng) gồm các ông : Vi - Huyền - Đắc, Vũ - Hạnh, Nguyễn Ngu - Í, Thái - Bạch, Nguyễn - duy Diễn, Đào - đăng - Vỹ.

Ở đoạn này chúng tôi chưa nói gì đến ý nghĩa việc làm của tòa án ấy, cũng như chưa đã động gì đến thẩm quyền của các quan tòa, bởi lẽ chúng ta nên xem thử tòa án ấy đã làm những gì. Chúng tôi sẽ chỉ trình bày những điểm chính mà tòa án và các nhân - chứng đưa ra một cách sơ - lược, vì mục - đích chúng tôi khi viết bài này chỉ là do vấn - đề ông Vi - Huyền - Đắc, một nhân chứng của phiên tòa nêu lên : « Một vấn - đề tiên quyết : Nhà Triệu và ông Lữ - Gia có thuộc phạm - vi sử Việt hay không ? »

Chúng tôi đồng - ý với ông Vi - Huyền - Đắc đây là việc phải giải - quyết trước nhất, vì nếu giải - quyết không được thì tất cả mọi nhận - định, mọi phê - phán, mọi khen ngợi hay minh oan cho Lữ - Gia chỉ là vô ích, nếu không muốn nói rằng đây chỉ là một trò đùa. Trong ý hướng đó, chúng tôi sẽ không có ý tán - thành hoặc phản - đối việc luận công, tội của Lữ - Gia. Chúng tôi sẽ chỉ điem qua, trong đại - thể, một số ý - kiến của những

người tham - dự phiên tòa chung quanh câu hỏi của ông Vi - Huyền - Đắc, và nêu lên một số nhận xét về các ý - kiến cũng như về lập - luận của những người này.

Phiên tòa bắt đầu bằng việc thuật lại các sự - kiện lịch - sử do ông Phạm - đình - Khiêm, đại - diện công - tố - viện phụ - trách. Những điểm được trình - bày gồm :

Phần I : Các sự - kiện lịch - sử

— Khung - cảnh lịch - sử : phần này kể sơ - lược việc Triệu - Đà lập nước Nam Việt.

— Dâm - loạn trong cung cấm : Cù - Thị : nói về thân - thể Cù - Thị ; việc làm của Cù - Thị sau khi Minh - vương mất ; như tư - thông với Hán sử, dâng Nam Việt cho nhà Hán ; âm - mưu của Hán - triều.

— Máu đổ trong cung cấm : Lữ - Gia thí vua : thân thể Lữ - Gia ; những việc ông đã làm để giữ đất Nam Việt.

— Lữ - Gia chống Hán thất - bại : kể các trận đánh với quân Hán của Lữ - Gia, việc ông bị giết và nhà Triệu sụp đổ.

Phần II : Ba bản án cũ.

Công - tố - ủy - viên đưa ra ba bản án kết tội Lữ - Gia của :

- Lê - văn - Hưu ;
- Ngô - sĩ - Liên,
- Ngô - thời - Sĩ

Đại diện công-tổ-viện kết-luận đại-khải: yêu cầu tòa cho một thái-độ đối với trường-hợp Lữ-Gia.

Đến đây hai vị Luật-sư lên tiếng biện-hộ cho Lữ-Gia.

Ông Tô - Nam Nguyễn đình Diệm dùng ngay sử-liệu do ba sử gia xưa viết ra, để phân tích những mâu-thuẫn của họ và đưa ra những lý lẽ bênh vực cho thân chủ của ông. Đại-đề ông trình-bày: (1)

Đối với sử-gia Lê-văn-Hưu, ông Tô-Nam đã chia đoạn văn buộc tội làm năm điểm. Điểm thứ nhất ông đồng ý với tác-giả Đại-Việt sử-ký khen Lữ-Gia là người biết trọng quyền-lợi quốc-gia. Còn bốn điểm Lê-văn-Hưu chỉ-trích Lữ-Gia như: một mình không can nôi vua, tại sao Lữ-Gia không họp triều-thần để cùng can ngăn? Xin từ chức để lui về; bắt chức lỗi dạy vua của Chu-Công, hay phế vua như Hoắc-Quang; giết vua vì tư oán, thì luật-sư đều bác hết và cho rằng Lê-văn-Hưu đã buộc tội Lữ-Gia không đúng, mà lại còn quá đáng nữa. Cuối cùng, luật-sư này kết-luận bằng cách thu tóm quan điểm của ông:

« Thừa-tướng Lữ-Gia chẳng những không có tội như sử thần Lê-văn-Hưu đã gán ghép, mà ông còn nêu cao tấm gương bất

khuất, đặt Tò-quốc lên trên hết, và sau cùng đã hy-sinh đền nợ nước ».

Nối lời ông Tô-Nam, luật-sư Thái-Bằng, một nhà tân học bênh vực cho Lữ-Gia. Trước hết, vị luật-sư này thú nhận ông chỉ được có một thời gian hẹp để tham-khảo hồ sơ, đáng lẽ ông từ chối việc biện-hộ, nhưng vì ngay ông Chánh án cũng gặp hoàn cảnh như ông, nên luật-sư vẫn lên tiếng trước tòa.

Luật-sư thứ hai này qui tụ những lời kết tội của ba sử-gia Việt-nam trước kia vào ba điểm:

« 1) Cai-trị mà không biết dự-liệu: Lữ-Gia làm tể-tướng mà không biết tiên đoán mọi sự việc để ngăn chặn những hành-vi của Cù-lhai-Hậu và Sứ thần Trung-quốc.

2) Lữ-Gia thí vua để thỏa mãn hờn riêng.

3) Đã ngu muội về chánh-trị (điểm 1), Lữ-Gia lại còn bắt tài về quân-sự khiến cho nước Nam Việt phải mất vào tay nhà Hán ».

Để làm tài liệu tham-khảo, ông Thái-Bằng đã trích dẫn một đoạn từ: « Năm Mậu Thìn (113 trước Tây-lịch) Triệu-Minh-Vương mất,

(1) Những vấn-đề do hai ông Tô-Nam và Thái-Bằng trình bày khá nhiều chi tiết, chúng tôi không tiện nhắc lại ở đây; xin độc-giả xem lại Văn-Đàn số 40, bộ III, từ trang 8 đến trang 13.

... mẹ là người Nam Việt », của hai trang 41 và 42 trong *Việt-Nam sử lược* của Trần-trọng-Kim. Ông đưa ra các yếu-tố: Hoàn cảnh, thời gian, rồi bằng vào *Khâm định Việt sử* có chép việc Lữ-Gia thờ ba triều vua, ông nêu lên lòng trung-thành của Lữ-Gia đối với nhà Triệu, để bênh vực cho vị tể-tướng này. Ông đi đến kết-luận:

« ..., bác bỏ những lời kết-luận của ba ông đối với Lữ-Gia, và đem ánh sáng công lý soi thấu sự nghiệp và nhất là tấm lòng của ông đối với quốc gia. »

Như trên kia đã nói, Lữ-Gia có công hay có tội chúng tôi không cần bàn đến, do đó chúng tôi xin được phép không nêu nhận xét gì về những điểm mà hai vị luật-sư của « Tòa án văn-ngệ » vừa nêu ra, để biện-hộ cho vị anh hùng của họ.

Chúng tôi xin trình bày lập trường và ý kiến của các nhân-chứng đối với vấn đề mà ông Vi-Huyền-Đắc cho là « tiên quyết », sau đó chúng tôi sẽ đưa ra những nhận xét về quan điểm của các nhân chứng này.

Chúng ta thấy phiên tòa chia ra làm hai phe rõ rệt:

— Phe nhìn nhận Triệu Đà và Lữ-Gia vào lịch-sử Việt-nam gồm

có: đứng đầu là ông Vũ Hạnh, kế tiếp là ông Thái Bạch, rồi ông Nguyễn duy Diễn, ông Phạm đình Khiêm — với một thái-độ rất dè dặt — sau nữa đến ông Nghiêm Thâm — với tư cách nhân-chứng — và ông Đào đăng Vỹ, cũng tán đồng ý-kiến ông Nghiêm Thâm, sau hết là ông Thái Bằng.

Phe phủ-nhận Triệu Đà và Lữ-Gia trong lịch-sử Việt nam gồm có: một mình ông Nguyễn Ngu-Í mà thôi!

Nếu xét về đa số, bảy phiếu thuận mà chỉ có một phiếu nghịch thì ai cũng thấy ông Nguyễn Ngu-Í lép vế. Tuy nhiên lịch-sử không cần đến số đông mà chỉ cần sự thật. Ai nói đúng với sự thật thì kẻ đó thắng, và bằng chứng — sử liệu — sẽ xác-nhận điều ấy. Cho nên ở đây chúng tôi nghĩ rằng tuy đơn thương độc mã, ông Nguyễn Ngu-Í đã thắng, chỉ tiếc rằng ông không đưa ra những chứng cứ để ủng hộ lý luận của ông. Chúng tôi sẽ tiếp tay cho ông Nguyễn Ngu-Í trong việc xác định sự phủ-nhận Triệu Đà và Lữ-Gia trong lịch-sử Việt-nam.

Phe thứ nhất đã nói những gì để thừa nhận Triệu Đà và Lữ-Gia thuộc vào lịch sử Việt-nam?

Ông Vũ Hạnh là người đầu tiên và cũng là người bưng hái

nhất trong việc nhìn nhận Triệu Đà và Lữ Gia vào lịch sử Việt nam. Ý kiến của ông trước tiên là : « Tôi không chuyên môn về sử và không có dịp để được nghiên cứu kỹ về vấn đề này. Chỉ xin trình bày một số ý kiến về trường hợp Triệu Đà. » Một người không chuyên môn về sử, không dùng sử liệu, mà lại theo một số ý kiến riêng để luận về một sự kiện lịch-sử, vậy thì giá trị lập-trường của nhân-chứng này ai cũng có thể đoán biết. Ý kiến ông Vũ-Hạnh gồm những gì, chúng ta có thể thu gọn lại trong mấy điểm cốt-yếu như :

— Triệu-Đà không phải là một kẻ xâm-lăng (như Mã-Viên hay như quân Pháp). Lý-do: Triệu-Đà cướp nước Âu-lạc (1) trong tay Thục-Phán, một kẻ đã cướp đất này trước ông.

— Triệu-Đà không có mục-đích biến « nước ta » thành một thuộc-địa di dân hay khai-thác. Ông ta là một kẻ ở ngoài nhưng đã trở thành một kẻ ở trong. Cướp đất Âu-Lạc, Triệu-Đà đã làm các việc :

* — Cũng cố thêm cái ý-thức biệt lập của ta.

— Góp phần nâng cao trình-độ tổ chức chánh-trị.

— Góp phần phát triển nền

kinh-tế nông-nghiệp lúc ấy còn quá thô sơ ».

Ông lại nêu thêm một điểm : hiện tượng Triệu-Đà là một « Hiện tượng chiết ghép lịch-sử » (nguyên văn in bằng chữ xiên). Ông giải-thích thêm : « Đó là sự chiết ghép của một văn-minh sớm hơn, cao hơn vào một văn-minh đang còn chậm tiến, một sự cố gắng hòa-dồng sinh-hoạt trong những điều-kiện không là tương-dồng ».

Do những sự-kiện đó, ông Vũ-Hạnh đề-nghị nhìn nhận : «... Triệu-Đà, Lữ-Gia, thuộc vào lịch sử Việt-Nam, sự thuộc về ấy dựa theo những điều kiện hợp lý của hoàn cảnh ấy của lịch sử ấy ».

Trên đây là những ý chính ông Vũ-Hạnh nêu ra lần thứ nhất. Sau khi ông Nguyễn Ngu-Í lên tiếng, ông Vũ-Hạnh lại còn thêm :

— Triệu-Đà là một hiện-tượng giao hòa đặc-biệt ở trong lịch-sử của ta.

— Đừng đòi hỏi Triệu-Đà ý-thức quốc-gia, dân-tộc như đòi hỏi một kẻ sống vào các thời-đại về sau.

— Thừa nhận Triệu-Đà vào

(1) Xin độc-giả lưu ý, chỗ nào chúng tôi đề chữ « Âu-lạc » thì là chữ dùng của các nhân chứng, chỗ nào đề « Tây Âu-lạc » thì là chữ dùng của chúng tôi.

lịch-sử Việt-Nam là thừa nhận một sự thực khách-quan. (Chớ vì óc căm thù phong-kiến Trung-hoa mà phủ-nhận sự liên-hệ giữa ta và họ).

Chúng tôi đã cố gắng đề rút ra những ý kiến chính trong quan điểm của ông Vũ Hạnh. Và sau đây là những nhận xét của chúng tôi về quan điểm đó. Vừa lý luận theo lối của ông Vũ Hạnh, chúng tôi lại sẽ dẫn một số sử liệu để thăm-định giá-trị của các điều ông đã đưa ra.

* Về điểm đầu tiên, ông Vũ Hạnh đã phát biểu một ý-kiến khá kỳ quặc. Chúng tôi dùng một ví dụ hàm chứa câu trả lời để độc giả thấy rõ Dân Phi-Ínật-tân bị người Tây-ban-nha đô-hộ ; Người Mỹ đến hất chân người Tây-ban-nha, vậy thì dân Phi nên cho kẻ đến sau thuộc về hạng nào, ân-nhân hay là kẻ thù, có thể xem người Mỹ lúc đó như kẻ cùng giòng giống, hay như kẻ thân thuộc với họ không ?

Chúng tôi nghĩ rằng : Kẻ, cướp giết đồ của kẻ cướp, thì cũng chỉ là kẻ cướp.

Trường hợp Triệu Đà cũng thế, ông ta là một kẻ đi xâm lược hoàn toàn. Vì thế, nếu ông có làm được gì ích lợi thì chỉ là để cho dân bị trị tạm quên việc ông ta

cai trị họ, hơn nữa ông chỉ làm cho dân Nam Việt rồi dân Tây Âu lạc hưởng nhờ mà thôi, nếu chúng ta được phép nghĩ như thế.

• Có khi nào một kẻ chiếm đất người khác, đặt ách đô-hộ lên đầu dân ở nơi ấy, mà lại không muốn biến đất đó thành thuộc-địa di dân hay khai thác của mình không ? Nếu không muốn một trong hai điều đó, vậy thì Triệu Đà chiếm đất để làm gì ?

— Ông Vũ Hạnh cho rằng Triệu Đà đã củng cố thêm ý thức biệt lập « của ta » (Chúng tôi đề-nghị dùng danh-từ Tây Âu lạc), có gì chứng tỏ điều đó chẳng ? Nếu nhà Triệu đã củng cố thêm ý-thức biệt lập cho dân Tây Âu lạc, thì Triệu Đà thiết tưởng đã là một kẻ bất tài hết sức. Bởi vì muốn cai trị một thuộc-địa được lâu dài, thì kẻ cai trị trước tiên phải tìm hết cách để bẹp ý-thức biệt lập của dân tộc bị trị ; Triệu Đà dẫu khôn-khạo đến nỗi không biết đến nguyên-tắc sơ-đẳng đó.

• Triệu Đà có góp phần nâng cao trình độ tổ chức chính trị cho dân Tây Âu Lạc không ? Theo Thủy-kinh-chú quyền 37, tờ 4b, đã trích dẫn từ « Giao-châu ngoại vực ký » thì : « Giao-chỉ tích vị hữu quận huyện chi thời, thổ địa hữu Lạc điền. kỳ điền tòng triều

thủy thượng hạ. Dân khẩn thực kỳ điền, nhân các vị Lạc dân, thiết Lạc-vương, Lạc-hầu, chủ chư quận huyện. Đa vi Lạc tướng, đồng ấn thành thụ». Tạm dịch : « Đất Giao-chỉ xưa, lúc chưa có quận huyện, đất có ruộng gọi là ruộng Lạc, ruộng ấy làm tùy theo thủy-triều lên xuống. Dân làm ruộng ấy mà ăn, do đấy mọi người đều gọi là dân Lạc ; dân lập ra Lạc-vương, Lạc-hầu coi các quận huyện. Nhiều Lạc-tướng có ấn đồng lụa xanh ». Như đoạn trích dẫn vừa cho biết thì trước khi Triệu Đà đến đất cổ Việt, dân ở đây đã theo chế độ cai trị có Lạc hầu, Lạc-tướng. Và sau này, vào thời Mã Viện đánh Trung-vương, chúng ta vẫn còn thấy chế-độ đó tồn tại. Như thế chứng tỏ Triệu Đà đã chẳng góp phần nâng cao trình độ tổ chức chính trị cho dân ông đô hộ chút nào.

Triệu-Đà đã giúp dân Âu-lạc phát-triển nền kinh-tế thô sơ của họ ; nhận xét của ông Vũ-Hạnh thật là sai lạc. Có lẽ ông đã căn cứ vào việc Triệu-Đà phản đối lại sự phong tỏa nông cụ và súc vật của Cao-Hậu (187 - 180), vì bà này cấm dân bán các thứ đó cho người Nam-Việt. Sự-kiện này Đại-Việt sử-ký toàn-thư có thuật rõ ràng. Ai cũng biết rằng kẻ góp phần phát-triển kinh-tế và nông-

ngiệp cho dân Giao-chỉ là Tích-Quang (Thái thú Giao-chỉ từ 1 đến 25 sau Kỷ nguyên), rồi sau đó Nhâm-Diên (cai-trị Giao-chỉ từ 29-33) tiếp tục công việc của Tích-Quang. Hai vị quan Tàu này dạy dân Giao-chỉ dùng súc vật để kéo cày bừa và dùng nông cụ bằng kim-khí thay cho đồ đá.

• Lịch-sử không thể là một hiện tượng chiết ghép, hay như về sau ông Vũ Hạnh gọi là : hiện tượng giao hòa. Thế nào là chiết ghép, thế nào là giao hòa ? Ông Vũ Hạnh ví hiện tượng này như hiện tượng ghép cây của môn thực-vật-học. Rõ hơn chút nữa, đây là sự san sẻ hai nền văn minh giữa dân Nam Việt với dân thuộc địa của Triệu Đà. Theo ý chúng tôi thì không có chiết ghép gì hết, mà chỉ có một sự truyền bá nền văn minh ; nhưng như trên chúng tôi đã nói, Triệu Đà đã không truyền bá gì cho dân ông ta đô-hộ cả. Lại nữa, nếu có một sự chia sẻ nền văn minh giữa hai giống dân, thì việc đó cũng không làm cho mất cá tính của giống dân nào hết, và cũng không ăn thua gì về vấn đề dân tộc cả. Cho rằng Triệu Đà đã đem văn minh đến cho dân Âu-lạc, rồi bắt dân ấy coi ông ta là thuộc vào lịch sử của họ, điều đó ai dám làm ? Người Tàu rồi người Pháp cũng đã đem văn

minh đến truyền cho dân Việt-nam, vậy cả hai giống người này cùng là Việt-nam, cũng thuộc về lịch-sử Việt-nam cả sao ?

Tóm lại, những điều ông Vũ Hạnh đưa ra và chúng tôi vừa bàn đến, chỉ có thể giúp ta phê-phán về việc làm về thái độ của một người, chứ không giúp gì cho việc xác-định kẻ đó thuộc vào lịch sử của dân tộc nào, hay cho kẻ đó một quốc-tịch nào được.

Chúng ta sẽ thấy thêm rằng những lý lẽ ông Vũ Hạnh nói thêm lần sau, cũng chẳng giúp gì cho luận cứ của ông cả.

Chúng ta sẽ không đòi hỏi ở Triệu Đà một ý-thức dân-tộc, một ý thức quốc gia như các nhân-vật thuộc các triều đại sau. Triệu Đà nếu có ý thức quốc gia, dân-tộc thì chỉ ý thức về nước Nam Việt ông đã lập ra, về giòng giống Hán tộc của ông mà thôi. Cả hai ý thức đó không ăn thua gì đến dân Tây âu lạc. Triệu Đà biết lập ra một nước, rồi tách nước ấy ra khỏi ảnh hưởng của nhà Tần, nhà Hán, như thế ông có ý thức quốc-gia không ?

(còn nữa)



★ LÒNG XUÂN ...

Trong một bữa tiệc thân mật, có người hỏi một bà tuổi đã 90, ngồi bên cạnh :

— Thưa bà, theo ý bà thì bà cho rằng một người đàn-bà đến tuổi nào mới hết nghĩ đến ái-tình ?

Bà già 90 cười duyên dáng, trả lời một cách thật tình :

— Có lẽ một ngày kia tôi sẽ biết ông ạ, chứ hiện bây giờ đây, nhờ ơn Trời, tôi cũng chưa biết rõ ạ !

★ DANH NGÔN

Danh dự là sự tự trọng mình và tôn trọng sự đẹp đẽ của cuộc đời. Danh dự là thi vị của nghĩa vụ.

(L'onneur est le respect de soi-même et de la beauté de la vie — L onneur, c'est la poésie du devoir).

ALFRED DE VIGNY



một giấc mơ hoa

★ DUYÊN-HỒNG

(Tiếp theo P.T. 92)

★ Thứ bảy 23-4 — 8 giờ đêm

Bài thơ « Buồn cô đơn » chỉ vồn-vồn 9 câu, làm chơi trong lúc nhớ Hải, là thơ con Cóc, mà lại được đăng trên báo, thật là chuyện không ngờ ! Tại con quý Sứu báo hại. Mình chép « Thơ » trên miếng giấy bỏ quên trong quyển tập, Sứu trông thấy mượn xem

MỘT GIẤC MƠ HOA

rồi khen : « Hay quá ta ! » Rồi nó xúi mình gửi đăng trong tạp-chí « Ngôi Sao ». Nhưng Hồng biết thơ Hồng mới tập làm còn non-nớt, gửi « Ngôi Sao » chắc không bao giờ được đăng đâu .. Sứu lại chép trên mảnh giấy gửi thử đến tòa soạn báo « Phụ Nữ Ngày Nay ». Nơi đây đăng toàn thơ tình-tứ mơ-mộng, chắc hẳn thơ của Hồng không đến nỗi kém thơ ai. Quả thật, mới gửi đi hôm nọ, nay bài *Buồn cô đơn* đã được đăng ngay. Lần đầu tiên Hồng có thơ đăng trên báo. Nhưng mình giấu tờ báo báo đời, không dám để Thầy Mẹ và chị Mai chị Vân trông thấy. Thầy Mẹ đã cầm đọc « *Phụ Nữ Ngày Nay* », nhớ đề ông Cụ bà Cụ trông thấy tên của Duyên-Hồng viết vớ vẩn vào đây, thì... có mà ăn đòn !

Lại một chuyện báo đời nữa, là con Sứu vô tình ghi cả đường phố và số nhà của Hồng dưới tên « tác giả ». Cái cô nào làm thư ký tòa soạn lại nhảu trong mục « Hộp thơ » mấy câu vô-duyên : « *Bạn Duyên-Hồng, 136 Hồ-văn-Ngà, Saigon — « Buồn cô đơn » duyên-dáng lắm, đã cho đăng kỳ này. Mong gửi tiếp — Thân-ái* ».

Khổ thân tôi ! Ông Bố mà trông thấy bài thơ và mấy câu trên đây, thì mặt sứt... bố Hồng ! Các cụ lại tưởng đầu Hồng chả lo học-hành gì cả, chỉ thơ-thần nhảm-nhí, và học đòi theo *đợt sống mới*. Thế mới chết chứ !

★ Thứ ba, 26-4

Thế này thì nguy thật ! Sáng nay tự-nhiên nhận được thư của một học-sinh xa lạ ở tận Huế. Anh chàng bảo là đọc bài thơ « *Buồn cô đơn* » trong « *Phụ Nữ Ngày Nay* » hay quá, làm chàng ta « rung động phím lòng », và muốn « *kết bạn văn chương* ». Bức thư thế này, đọc qua cũng đủ biết tư-cách của « chàng » :

« Duyên-Hồng thân mến,

Bạn đừng ngạc-nhiên khi nhận được cánh thư này, vì một hồn thơ, vâng, chính nơi đây mới là hồn thơ cao đẹp, tôi thành thật bị rung-động phím lòng do bài « *Buồn cô đơn* » của bạn. đăng trong *Phụ Nữ Ngày Nay* số vừa rồi. Hai tâm hồn đơn côi, gặp nhau làm sao không rung-cảm được, bạn nhỉ ? Tôi thành-thật

muốn được cùng Duyên-Hồng kết bạn văn-chương... Chúng ta sẽ chia nỗi buồn cô-quạnh cho nhau qua nét bút, những đau thương của bạn khi đêm sâu nức-nở, từ nay sẽ có tiếng hòa nhịp của con tim thồn thức sâu mơ
v. v.

Thư dài 6 trang. Chàng đề bút hiệu là «*Hồn-Điệp*», Thi-văn-Đoàn Hoa Phượng, học sinh đệ Ngũ trường Quốc-học, Huế, nhưng dặn đừng gởi thư đến trường sẽ bị kiểm-duyet. Địa-chỉ riêng ở... đường Phan-Bội-Châu, Huế.

Hồng không giả nhời, nhưng sẽ đưa cho Sửu xem thư. Sửu ơi, mày báo hại tao! Tại mày biên địa-chỉ của tao cho nhà báo đấy.

✱ **Thứ tư, 27-4 — 7 giờ tối**

Sửu ơi, chết tao rồi, mày à! Hôm nay lại có chú chàng nào gửi thư đến tao nữa đây! Này, xem «*bài Thơ*» của hân:

Tình đơn côi

Tặng Duyên-Hồng.

*Em ngồi nơi vườn hoa
Hoàng-hôn sâu bao la,
Gặp nhau cùng đau khổ
Tình về bên sắc hoa
Đau thương tình đơn-côi
Nhưng nhớ trên bờ môi
Đón-dau về năm tháng
Cho hồn ta chung đôi.
v. v.*

Xừ này lấy bút hiệu là TYH (?) học-sinh đệ-tứ trường Phan-châu-Trinh, Đà-Nẵng.

Thư này Hồng cũng nhất định không giả-nhời. May phúc, lúc người phát thư mang thư đến tận nhà thì Thấy Me đi vắng, chị Vân đi chợ, bà Mai ngồi xem tiều thuyết ở sân sau nhà bếp!

✱ **Thứ Năm, 28-4 — 10 giờ tối**

Sửu! Sửu! Sửu giết Hồng nhé! Hôm nay người phát thư lại

trao cho Hồng một đồng thư !!! Thật! Sửu đến mà xem! Hồng đếm 15 cái thư tất cả! Giời ơi! Thế này thì nguy cho Hồng lắm, biết làm thế nào đừng có thư nữa ?? Loạn mất rồi!

Hôm nay có linh tính báo cho biết trước là thế nào cũng có thư nữa. Hồng cứ đứng cửa ngóng ông phát-thư, nếu có thì phải mau mau lấy thư giấu ngay, nhờ đề Me thấy, Me hỏi thư của ai mà lắm thế thì giả nhời cách nào ?? Quả thật là có thư, nhưng Hồng có ngờ đâu là nhiều quá thế này.

Sửu thật là ác! Tự-nhiên biên rõ cả tên, số nhà, đường phố, đưa nhà báo làm chi cơ chứ? Hồng cũng chả hiểu nhà báo nhần Hồng làm gì mà đề rõ cả chỗ ở người ta?

Bây giờ Hồng nhận một đồng thư đây, Hồng muốn xiu người, Nguy thật chứ. Nếu ngày mai ngày kia còn thư nữa thế nào trong gia-đình cũng biết. Nhờ gặp Me, Me xé thư ra xem một cái, — vâng, một cái thôi, — cũng đủ chết Hồng rồi! Mấy người đàn-ông con giai này trơ hết chỗ nói! Biết người ta thế nào mà dám viết thư đến tận nhà người ta đề tán thối? Hồng nhanh tay giấu xấp thư dưới áo dài, chạy phăng vào phòng, đóng kín cửa, cài kín then, rồi vút đồng thư phải-gió trên bàn, không muốn rờ đến chúng nữa. Của nợ! Hồng giận quá. Hồng đâu có quen biết, mà hàng tá cậu con giai từ đâu đâu bu đến đồng nghịt thế này?

Tất cả 15 cái, mở ra xem thử cho biết.

- 5 cái ở Sài-gòn, học-sinh
- 2 ở K. B. C...
- 1 công chức ở Tuy-Hòa
- 1 học-sinh ở Định-Tường
- 2 học-sinh ở Châu-Đốc
- 2 (?) An-Giang
- 1 Sinh viên đại-học Dược-khoa
- 1 Thư ký hãng buôn

Đây thư Sài-gòn

«... Vâng, Long cũng làm thơ, từ 11 tuổi lận, đốt đã nhiều, và nay chỉ còn 300 bài thơ 59-60. Long đọc bài «*Buồn Cô-dơn*» của Duyên Hồng, thấy nao nao cơn buồn như cơn mưa rơi thấm

tận đáy tim... Năm nay Long thi Trung-học, nhưng Long yêu thơ, mong được cùng Duyên-Hồng làm bạn văn-ngệ, và đây bài thơ đầu tiên trao về Hồng để gọi là giao-duyên :

Kiếp thi-sĩ
 Tôi làm bài thơ thương em,
 Tôi làm bài thơ tím-tím,
 Bởi tôi là kiếp thi-sĩ,
 Vương vấn Duyên-Hồng vấn-vương...
 Tôi làm bài thơ sáu chữ,
 Trao về người em đơn-côi
 Nhưng-nhớ ôi là nhưng-nhớ,
 Duyên ai thắt chặt tương-tư !
 v. v.

Một bài thơ khác của « người chiến-sĩ tự-do » :

Trao về Duyên-Hồng

Anh vẫn sống quen trong ngầy-ngất hiện-sinh,
 như đồng rơm
 Con quạ kêu
 Ngoài biển
 Anh buồn nôn
 Ha ! Ha !
 Jean Paul Sartre
 Sagan
 Trời tự-do vô số đầu tinh
 Con đom đóm
 Thức hay ngủ
 Hình em đơn cô như thần tượng trần trường
 Cái xì-líp mùa thu

Ôi ! Thơ với thần !!!

Và đây nữa, một bài « Thơ cõi mở » của Hoài-bảo-Nhân :

Lòng ta giam hãm giữa mộng-mê
 Bao giờ cõi mở thỏa tình riêng ?
 Thương xót đốn-đau Duyên-Hồng diễm,
 Đơn-côi thể-hệ tấm băng-trinh.

 Sắc nước hương trời ai quạnh-quẽ
 Cả hồn lẫn xác ta một mình.
 Câu thơ tao-ngộ mong hòa nhạc
 Tiếng gọi bên thềm ngát hương xanh.

Không có can-dảm coi hết 15 cái thư. Đợi ngày mai Sứu đến cho nó xem, và phải giải-quyết gấp rút vấn-đề. Kéo nay mai đồ vỡ, Thầy Me, hay chị Vân, chị Mai biết được vụ này thì có nước tự-tử.

Hải mà biết được nữa thì Hồng vào nhà Tu Kín đi thôi !
 (12 giờ khuya)



★ DANH NGÔN

● Phải có nhiều tư lực về tinh thần và tâm trí mới có thể thường thức được sự chân thành (của người khác) xúc phạm đến mình hay là đề tổ sự chân thành (của mình) mà không làm thương tổn người khác.

● (Il faut des grandes ressources dans l'esprit et dans le coeur pour goûter la sincérité lorsqu'elle blesse ou pour la pratiquer sans qu'elle offense.

VAUVENARGUES

Tự xấu hổ với mình hơn là xấu hổ trước người khác.
 (Plus que devant tout autre, rougis devant toi)

PYTHAGORE



Tem thư

Quốc-tê



« Cá Hóa Long »

★ ĐÌNH-ĐIỀN

Tem-thư hình dung một con cá đang nhảy qua cửa tam cấp tượng-trưng bằng ba đợt sóng, gọi là « Vũ-Môn » để biến thành rồng.

★

Tỉnh Hồ-Nam (Quảng-Tây bây giờ) ngày xưa ở bên Tàu là một tỉnh rộng lớn giáp giới các tỉnh Hậu-Thực phía Bắc, Nam-Chiếu phía Nam, Nam-Đương phía Đông và Tây-Tạng phía Tây, có nhiều dãy núi trùng trùng điệp điệp như Nam-Lĩnh và Ngũ-Lĩnh, có hồ rộng như hồ Động-Đình.

Sử sách đời xưa cho biết ở dãy Ngũ-Lĩnh, Vua Đế-Minh, cháu thứ ba đời Vua Thần-

TEM-thư « Cá hóa long » phát-hành ngày 3-9-1952 chỉ có một giá tiền (3đ70).

Đặc-tính của tem-thư như sau : Khô 25x40 ly, in một màu theo lối chạm-nổi tại Nhà Thomas de la Rue ở Londres. Mỗi tờ có 100 tem.

TEM THƯ « CÁ HÓA LONG »

Nông, một hôm đi tuần thú Phương-Nam gặp một nàng tiên rồi lấy nhau, sinh ra Kinh Dương Vương đặt là Vua Phương Nam.

Còn hồ Động-Đình, biển hồ lai-láng mặc tình cá đua, thì theo truyền thuyết, hằng năm cá thi đua vượt qua cửa tam cấp gọi là « Vũ-Môn », con nào tốt số vượt qua khỏi cửa thì hóa thành rồng.

Câu chuyện cá thi đua hóa thành rồng ở Việt-Nam cũng có, vì theo các cụ, tỉnh Hà-Tĩnh có một ngọn núi cao là Khai-Tương và một hồ rộng gọi là « Vũ-Môn » hằng năm cá tụ tập đến đó thi đua, nên đã có câu ca dao :

« Mừng tám cá đi ăn thề,
Mừng chín cá về, cá vượt Vũ-Môn ».

Cũng như các sĩ-ử mỗi khi có khoa thi mang lều chông đến trường ốc, trong mấy ngày liên tiếp lo trò tài văn hay chữ đẹp để giành nhau đồ Trạng-Nguyên, Bảng-nhân, rập nổi biển cờ mũ áo, các con cá cũng vậy, quyết cùng nhau ganh đua để vượt khỏi cửa tam cấp, mong hóa thành rồng mặc sức tung bay ở trên trời xanh.

Câu chuyện này có vẻ hoang đường, nhưng ngày xưa nước nào lại không có những câu chuyện như vậy.

Chúng ta không tin cá hóa rồng, nhưng các cụ ngày xưa thường nói là cá chép nếu sống được trăm tuổi sẽ hóa thành rồng, nên kiêng không ăn cá chép, cho đó là cá thần. Những người tu hành cũng vậy, không những không ăn cá chép, lại gặp những ngày lễ Phật, thường mua cá chép thả sông. Sự tin tưởng cá hóa rồng của các cụ được ghi lại trong các hình vẽ hay trong các câu ca-da như :

« Cây trên rừng hóa kiền,
Cá dưới biển hóa long »
hay :
« Bao giờ cá chép hóa long,
Đền ơn cha mẹ âm hồng
ngày xưa »

Các đèn giấy hình cá hóa long mà các em thường mua chơi trong lễ rằm tháng Tám, các vôi nước hình cá hóa long đặt ở các hoa-viên do sự tưởng tượng của thời xưa để lại, chớ thật trong các sách khoa-học không thấy nói đến sự biến-hóa hay biến-hình tương-tợ.

Bảng kê tem-thư Việt-Nam theo thứ tự ngày tháng phát-hành từ 1-1-1957 đến cuối ngày 31-7-1962

NGÀY PHÁT HÀNH	TÊN TEM - THƯ	GIÁ TIỀN
Năm 1957		
7-7	Cao-Nguyên	0đ20 - 0đ30 - 0đ90 - 2đ00 và 3đ00
21-10	Hội-nghị Kế Hoạch Colombo	0đ20 - 0đ40 - 0đ50 - 2đ00 và 3đ00
26-10	Quốc-Hội Việt-Nam	0đ50 - 0đ80 - 1đ00 - 4đ00 5đ00 và 10đ00
Năm 1958		
7-7	Cải tiến dân sinh	0đ50 - 1đ00 - 2đ00 và và 10đ00
27-9	Tết Nhi-đồng	0đ30 - 0đ50 - 2đ00 - 3đ00 và 4đ00
26-10	Đề cao Nhân-vị	1đ00 - 2đ00 - 4đ00 và 5đ00
3-11	U. N. E. S. C. O.	0đ50 - 2đ00 - 3đ00 và 6đ00
10-12	Tuyên ngôn quốc-tế Nhân-Quyền	0đ50 - 1đ00 - 2đ00 và 6đ00
25-12	Nhà Thờ Phú Cam (Huế)	0đ10 và 6đ00
Năm 1959		
16-2	Viện Bảo-Tàng Quốc-gia Saigon	0đ40 và 5đ00
14-3	Kỷ-niệm Hai Bà Trưng	0đ50 - 2đ00 - 3đ00 và 6đ00
15-5	Chùa Thiên-Mụ (Huế)	0đ30 và 4đ00
7-7	Cải cách Điền-Địa	0đ70 - 2đ00 - 3đ00 và 6đ00
7-8	Đường xe lửa xuyên Việt	1đ00 - 2đ00 - 3đ00 và 4đ00
7-9	Dinh Độc Lập (Saigon)	0đ50 và 2đ00
26-10	Phát-triển Cộng-Đồng	1đ00 - 2đ00 - 4đ00 và 5đ00
25-12	Hướng-Đạo Việt-Nam	3đ00 - 4đ00 - 8đ00 và 20đ00

Năm 1960		
2-1	Kỷ-niệm đệ nhất chu-niên Luật Gia-Đình	0đ20 - 0đ30 - 2đ00 và 6đ00
7-4	Tỵ nạn trên thế-giới	0đ50 - 3đ00 - 4đ00 và 5đ00
8-5	Hồng Thập Tự	1đ00 - 3đ00 - 4đ00 và 6đ00
7-7	Khu trừ mật	0đ50 - 1đ00 - 3đ00 và 7đ00
1-8	Bài Lao (tem này có phụ thu 0đ50)	3đ50 (3đ00 + 0đ50)
26-10	Kỷ niệm đệ ngũ chu-niên Cộng-Hòa Việt-Nam	0đ50 - 1đ00 - 3đ00 và 7đ00
21-11	Hội-nghị Lương Nông	2đ00 và 4đ00
20-12	Hàng Không Bưu-Chính	1đ00 - 4đ00 - 5đ00 - 10đ00
Năm 1961		
3-1	Hoạt-động Dinh-Điền	0đ50 - 0đ70 - 0đ80 - 10đ00
22-3	Bảo-vệ Nhi-Đồng	0đ70 - 0đ80 - 4đ00 và 7đ00
29-4	Nhiệm kỳ thứ hai Tổng-Thống NGÔ-ĐÌNH-DIỆM	0đ50 - 1đ00 - 2đ00 và 4đ00
7-7	Thanh-niên	0đ50 - 0đ70 - 0đ80 và 8đ00
28-7	Xa lộ Biên-Hòa	0đ50 - 1đ00 - 2đ00 và 5đ00
5-9	Alexandre de Rhodes (Giáo-sĩ Đắc-Lộ)	0đ50 - 1đ00 - 3đ00 và 6đ00
26-10	Chấn hưng Đạo-đức Thanh-niên	0đ50 - 1đ00 - 3đ00 và 8đ00
4-11	Kỷ-niệm năm thứ 15 thành lập UNESCO.	1đ00 - 2đ00 và 5đ00
11-12	Cải-tiến Nông-Thôn	0đ50 - 1đ00 - 2đ00 - 10đ00
Năm 1962		
7-4	Diệt trừ sốt rét	0đ50 - 1đ00 - 2đ00 và 6đ00
15-5	Khánh - thành Trung Khu Bưu Chi-Phiếu	0đ70 - 0đ80 - 4đ00 và 7đ00
7-7	Đức Mẹ La-Vang	0đ50 - 1đ00 - 2đ00 và 8đ00

NGUỒN GỐC VÀ PHONG TỤC LỄ

h o a t á n g

K
I
R
A
P
★



của người

C H À M

THEO ĐẠO BÀLAMÔN

★
● NGUỒN GỐC LỄ
HỎA TÁNG

6.000 năm trước kỷ nguyên tây-lịch, thánh Bàrahim là một vị cán bộ của thượng-đế Pôloa Hú sai xuống trần gian đề tồ-chức cuộc sinh-sống cho nhân-loại. Một hôm, nơn biết mình sắp mãn phần, tức là sau 45 năm công cán ở hạ giới, hồn thánh sẽ được quy hồi về trời với điều kiện là quy tục hỏa táng do Pôloa Hú đặt ra phải được 4 vị thánh áp dụng đúng mức. Bốn vị thánh này sinh ra do bốn linh phù như sau :

1.— Linh phù thứ nhất là thánh Dôn nưh



2.— Linh phù thứ 2 là thánh Dépatathor.



3.— Linh phù thứ 3 là thánh Dôn nưh.



4.— Linh phù thứ 4 là thánh Adam.



Thánh Bàrahim bèn thỉnh mời 4 vị thánh đến và trình bày nguyện vọng đề được 4 vị triệt đề giúp đỡ, nếu không thì sẽ bị các vị thượng thánh khác trở

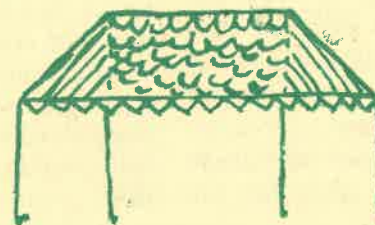
NGUỒN GỐC VÀ PHONG TỤC LỄ HỎA TÁNG

ngại trên đường thăng thiên. Và đề đền đáp lại công ơn đó, thánh Bàrahim hứa sẽ phò hộ các vị thánh khi về trời ; ngày mãn phần đến, bốn vị thánh thiết hành nghi chế hỏa táng lấy tranh sắn và hoa điệp thắt thành những thẻ phách Bàrahim tượng trưng cho thân thể, còn nguyên hình thì thăng thiên thượng giới. Tuy nhiên, lộ đồ vẫn chưa được hành thông, vì nghi lễ còn khiếm khuyết nên thánh Bàrahim phải hồi trần. Trên thiên đình, thượng đế Pôloa Hú đợi mãi không thấy Bàrahim về, biết có chuyện lỗi

thôi nên sai thánh Mahamát xuống trực tiếp với 4 vị thánh chu toàn lễ nghi. Song lần này trên đường thiên lộ, thánh Bàrahim còn ngộ phải một trở ngại nữa là ở cửa ải thứ 6, thánh Ê-xa (môsel) thủ môn không cho qua và bảo rằng phải có 5 con Hăn (ngũ trảo) và thang Thor (cái minh khí) thì mới vào được. Bàrahim bất mãn trở về trần gian, trình bày những thắc mắc đó cho 4 vị thánh tường. Các vị này liền họa hình đúng như lời thánh Ê-xa chỉ bảo. Hình thẻ con Hăn (trảo) như thế này :



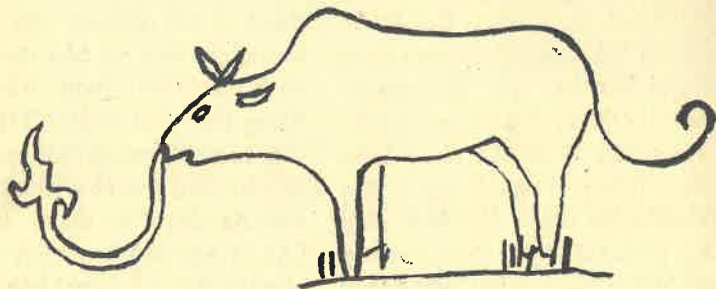
và dưới đây là thang thor (tức là cái minh-khí)



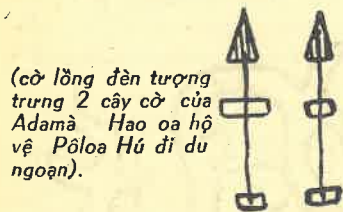
Trong năm con Trảo, 4 con thì cắt bằng giấy dán vào 4 góc Minh Khí, còn một thì treo lơ lửng giữa cái minh khí. Tất cả đều nằm trên một cây gỗ đòn khiên để trên giàn củi rồi

đốt.

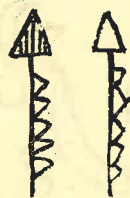
Nhưng chưa hết vì thánh Baramim còn phải gặp thánh Dibaramh ở cửa ải thứ 7 nữa. Thánh này buộc Baramim phải trang phục tận thù lao con bò này :



và 4 cây cờ Paraxá hiệu này :



(cờ lồng đèn tượng trưng 2 cây cờ của Adamà Hao oa hộ vệ Pôloa Hú đi du ngoạn).



(cờ là bùm cắm trước mũi thuyền của Pôloa Hú đi du thủy)

Đề ủng hộ thánh quả khỏi con sông Khạo Phanh rồi mới vào cõi mây xanh cùng giới được.

Thánh Baramim lần này bốn ba trở về quyết khắc phục cho được các trở ngại đó, và lần này thánh mới quy an tọa ngự trên miền cực lạc.

Sau lời tau trình của thánh Baramim về sự phức tạp của

quy chế hỏa táng, thượng đế Pôloa Hú liền truyền lệnh cho Mahamát hạ trần trực tiếp với 4 vị Thánh đề cai tiến chu toàn lại nghi thức hầu tránh việc phiền muộn về sau.

Vì vậy mà dân-tộc nào theo đạo Balamôn, rất thận trọng trong việc thi hành quy thức lễ nghi, nhất là các thầy sư hành đạo.

● PHONG TỤC LỄ HỎA TÁNG

1.— LÚC TẮT THỞ :

Khi người chết, đầu nằm quay về hướng Bắc. Xác người được gia tang phủ lên trên một cái chăn trắng. Ông thầy xế hành lễ, sẽ trang phục theo thủ-tục, mang một cái ấm trong đó có trầu cau, trên tay cầm cây mọc trượng rồi trực chỉ xuống sông ở đó ông xoay mặt về chiều ngược, đưa miếng trầu lên niệm khấn rồi nhét trầu xuống dưới cát, ông cầm lấy cái ấm múc nước theo chiều ngược một lần, rồi xoay qua chiều xuôi 2 lần, đoạn mang về để kê bên đầu người chết.

và vỗ tay ba lần ; thầy cầm bó bông điệp nhúng vào trong cái chén đựng nước hương rồi rảy lên ; chần phủ xác. Xong ông lấy cái chăn lên, ông cầm cây mác có gắn đèn sáp đem nhúng cái vùa nước rồi thi lễ.

Trước họa thần phù trên cửu khiêu, 2 bên vai, con mắt, mũi, mồm, rún, đầu gối, trong lúc miệng ông đọc thần chú triệu hồn. Xong cuộc lễ, con cháu sẽ tự xoay đầu thầy ma về hướng Nam và phủ chăn lên lại trên người chết, và thêm 1 cái khăn đi nữa. Ông châm đèn sáp sáng lên và cắm vào cái đuôn trầu cau ; nếu người có quyền tước thì chong 2 cây đèn và một bình nước.

2.— LỄ CHO NƯỚC

Trong cuộc lễ, có 1 cái mác, đèn sáp lớn nhỏ 3 cây, 1 cái cà rá mọt (cà rá mọt) 1 cái lư đốt hương tất cả đều để trên một cái bàn thờ. Thầy xế lấy 3 cọng tranh sắn thắc hình ngũ trảo, thầy ngồi bên hướng tây của thầy ma, gắn cây đèn sáp và chiếc cà rá mọt vào cây mác, rót nước trong ấm vào cái vùa, đốt trầm hương trong lư, hơ tay

3.— DỰNG RÁP VÀ LỰA NGÀY XUẤT THI

Thầy ma được đem ra ngoài cái rạp dựng cách nhà 100 hay 200m. Có 2 cái rạp, một chánh thì lớn mặt tiền hướng Bắc, một phụ nhỏ hơn xoay về hướng Tây. Rạp chánh chia làm 3 gian, một gian cho thầy ma nằm, gian giữa đọc hành văn chúc, gian ngoài dành cho nhạc lễ phụng tế. Ngày giờ di thầy ra ngoài

cũng phải lựa chọn ngày lành. Những ngày không được tốt, như thứ 3, thứ 5, chúa nhật và ngày 30 mạt nhật. Lúc dựng rào ngoài rạp cho thầy ma cũng tùy theo ngày hướng đề di thầy ra cái lỗ. Có 3 sắc cây rào chỗ ấy, và giây buộc rào cũng phải 3 loại giây khác nhau.

4.— LỄ DỤC TÂY

Con cháu người chết cho thầy ma ngồi trên một cái băng dài, chơn thì đạp trên 7 hoặc 9 miếng tre (Nam 7, nữ 9) đề trên cái lỗ. Kề bên thầy ma có cái khươn chín vòng. (Xuôi 3 lần ngược 6 lần). Đoạn trao cái vùa cho con cháu múc nước trong khươn tắm rửa. Thầy ma lại đi vào rạp đầu nằm theo hướng Nam như trước, ông thầy xẽ vào

ngồi hướng Đông xem con cháu khâm liệm.

5.— LỄ KHÂM LIỆM

Phú gia: vận chín cái chăn, 9 cái áo. Liệm 11 cái khăn, 11 cái khăn dĩa và 11 giây lưng.

Trung phú gia: vận 5 cái chăn, 5 cái áo, liệm 9 cái khăn, 9 khăn dĩa (nam nữ giống nhau).

Bần gia: vận 3 cái chăn, 3 cái áo. Liệm 5 cái khăn 5 đường khăn dĩa.

Riêng về Hoàng phái: thì khi dục tây xong phải có nước dứa rửa chân thay vì nước lạnh. Cái rạp phụ thì cây đòn băng tre xoay về hướng Nam, để cho các họa-sĩ, họa những loài thượng cầm và hạ thú hầu tiễn đưa hương hồn về thượng giới.

(còn nữa)

Thuốc

MỒ-HÔI-TRỘM

Hiệu Kim-Điền, trị con nit đồ mồ hôi nhiều **lúc - ngũ**.

PHI-NHI BÁ-BỒ K. Đ.

Thuốc bổ trẻ em, lên cân, trừ sán lã. Bán khắp nơi và 361, Phan-đình-Phùng, Saigon

K.N. số 97 ngày 24-7-62

XÃ - GIAO

★ nói chuyện

NÓI chuyện là một môn xã-giao rất quan-trọng, vì thường-thường do nơi câu chuyện mà người ta nhận xét về tư-cách, học-thức, tài-đức của mình.

Nó quan trọng bởi vì trong tất cả mọi cuộc tiếp xúc giữa mình với những người chung quanh, hoặc lớn hơn, hoặc ngang hàng, hoặc nhỏ hơn, đều cần phải nói chuyện, nghĩa là cần phải phô bày cái bản ngã của mình ra, qua lời nói, qua cách nói, qua chuyện nói.

● Lời nói và cách nói

Người biết phép lịch-sự luôn luôn lựa những lời nói dịu-dàng, thanh-nhã, trong bắt cứ trường hợp nào. Nói chuyện với người lớn hơn, thì điều đó là dĩ-nhiên rồi. Nhưng nói chuyện với

bạn bè ngang lứa, ngang địa-vị, cũng như với người thấp kém hơn, nhỏ hơn mình, cũng phải dùng những lời nói êm đẹp. Tránh những lời quá hèn-hạ dù mình thấp kém hơn, những lời hách-dịch, dù mình cao lớn hơn, những lời thô-cộc, hỗn-láo, dù mình đang tức giận.

Xã-giao, chính là giữ tư-cách của mình trong lúc giao thiệp với người xã-hội, vậy nên trước một « ông bự » mình nói những câu quá *nịnh-bợ* người, quá *tự-hạ* mình, tức là không còn giữ nhân-cách, danh-dự, phẩm-giá của mình nữa, tức là kém xã-giao vậy.

Ở thời-đại phong-kiến còn hủ-lậu, con người đã tự thoái vị nhân-cách, không còn biết tự trọng nữa. Chứ ngày nay,

THEO ĐỜI SỐNG MỚI

chúng ta đang theo đời sống mới, chúng ta nên nhớ luôn luôn rằng trong bất cứ hoàn-cảnh nào chúng ta cũng phải *tự-trọng*, giữ gìn *nhân-phẩm*, đừng tự hạ mình xuống mức quá thấp kém, quá nô-lệ, quá hèn. Trước một người tuổi-tác hoặc địa vị cao lớn hơn mình, tất nhiên mình phải dùng những lời nói lễ phép, kính trọng. Nhưng lễ phép, kính trọng, không có nghĩa là tự đặt mình trong tình thế quá thấp hèn, ty tiện.

Trong khi chào, chúng ta đã không cúi khom lưng xuống, thiếu điều sụp lạy người ta, thì trong khi nói chuyện chúng ta cũng không cần phải uốn ba tấc lưỡi quá mềm, nói những câu quá hèn, dùng những lời quá thấp. Xã giao là phép lịch sự chung cho mọi tầng lớp xã-hội, thì một người phu quét đường, một anh tùy phái, một người thợ nề, một chị ở mướn, một người công-chức, tư-chức, đối đáp với người địa-vị cao lớn hơn mình, cũng đều phải có những lời lễ-phép vừa đúng mức thôi, không được hỗn láo mà cũng không nên ty-tiện.

Trái lại, đối với kẻ thấp kém hơn mình, người có địa-vị cao sang hơn cũng phải nói lễ phép, tao-nhã, chứ không nên ý thể quyền cao chức cả, ý mình là chủ, hay là bề trên cấp trên, mà dùng những tiếng trịch-thượng, những câu kiêu-hãnh, nghĩa là bất lịch-sự. Một vài thí-dụ nho nhỏ :

Ông chủ sai người ở đi mua một gói thuốc, thay vì bảo : « Hai, đi mua cho tao một gói thuốc », nên nói nhẹ hơn : « Hai, đi mua giùm một gói thuốc ». Khi nó đem gói thuốc về đưa cho mình, mình cũng phải nói : « cảm ơn ».

Một công chức đến sờ làm việc quá trễ, ông chủ có thể lớn tiếng rầy la, đập bàn, đập ghế tỏ vẻ tức giận, vì đó là cái quyền của ông, nhưng ông không được phép « chửi thề » chẳng hạn, hay là nói những câu đầy nghiến nhục - mạ người ta.

Người chủ nhà rầy la đứa ở, mà mắng nó là « đồ chó », « đồ trâu », hoặc chửi « đ... cha », « đ... mẹ », là người chủ nhà thô-lỗ, cộc-cằn, tàn bạo, nghĩa là người chủ nhà bất

lịch-sự. Một người bất lịch-sự là người vô giáo-dục.

Trong khi giao-thiệp thường ngày, với bất cứ ai, chúng ta nên giữ gìn lời nói có lễ-độ, tao nhã.

Người lịch-sự nên thận trọng về những điều sau đây :

1. — KHÔNG NÊN NÓI NHIỀU.

Có những người nói chuyện với khách, hoặc với bạn bè thân-thuộc, cứ nói bô-bô một mình, nói hoài nói mãi, nói nhiều quá.

Theo phép xã-giao, chúng ta nên nói vừa phải thôi, không nên dành nói hết một mình, bắt buộc người kia phải bực mình ngồi nghe. Trừ phi mình phải tường thuật lại một chuyện gì, cần phải nói cho hết chuyện ấy. Ngoài ra, trong các câu chuyện thường, luôn luôn mình nên nói ít, hoặc nói vừa, nhường cho người bạn, hoặc người khách nói nhiều hơn. Trong nhiều trường-hợp, một số phụ-nữ hay nói nhiều quá, và ưa khoe-khoan những chuyện riêng của mình, hoặc những chuyện nói hành nói tỏi, nhục mạ người đàn-bà khác. Lắm lúc người ta không muốn nghe, mà mình cứ nói mãi, buộc lòng người phải nghe miễn-cưỡng.

2. — KHÔNG NÊN NGẮT LỜI.

Trong lúc ông A đang nói, ông B ngồi nghe, không nên ngắt lời. Nên đợi người ta nói hết câu, mình mới nói.

Dù mình muốn cãi lại, cũng phải thừa dịp nào người ta vừa hết lời thì mình mới cãi. Người ta đang nói nửa chừng chưa hết câu mình đã ngắt lời, là mình kém lịch-sự vậy. Trừ bạn bè quá thân nhau rồi thì không kể, còn ngoài ra, nhất là khi mình đang tiếp-chuyện với người lớn tuổi hơn nhiều, hoặc địa vị cao hơn, dù họ nói sai lầm, hoặc lời lẽ trái tai, mình cũng mỉm cười nhẫn nại ngồi nghe, đợi họ nói vừa hết câu là mình mới lên tiếng đối đáp lại.

Nhiều khi, người bạn mình đang nói, mà mình muốn gọi đứa ở bảo nó đi mua hai chai nước cam để đãi bạn chẳng hạn, thì một là mình đợi bạn nói xong, hai là nếu câu chuyện còn dài, mà mình muốn bảo đứa ở đi mua ngay, thì mình phải ngắt lời bạn bằng một tiếng : « Xin lỗi ». Thí dụ :

— Xin lỗi anh một chút xíu nhé, hay là : — xin lỗi chị một tý nhé, Xong mình hỏi tiếp người khách :

« Anh, hay chị, muốn giải quyết bằng nước gì? »

Nếu người bạn đang nói chuyện, bỗng dừng có một người nhà đi ngang qua, mình không nghe người bạn nữa mà quay lại bảo người nhà, thí dụ : « à em, em nhớ bảo thằng Tư chạy sang cô Tám đòi món tiền ấy gấp nhé. » như thế là mình rất khiêm-nhã đối với người bạn đang nói bị ngắt lời.

Trường hợp trên đây thường xảy ra trong những cuộc tiếp-xúc ở các gia đình Việt-Nam.

Có nhưng trường hợp có thể tha-thứ được, thí dụ bạn

đang nói, mà chuông điện thoại reo, thì mình bảo ngay : « Xin lỗi anh nhé » để nghe điện thoại, nhưng không nên nghe lâu. Chứ người bạn hay người khách đang nói dở-dang câu chuyện, bỗng dừng mình gọi người nhà, hoặc cô thư-ký : « Cô đánh máy gấp cái thư gửi sang Pháp rồi ra nhà băng, nghe? », để cho người bạn hoặc người khách đang nói phải làm thình ngồi tiu-nghịu, cử-chỉ ấy của mình thật là khiêm-nhã, hoàn toàn kém xã giao, không thể tha thứ được.

TÂN-PHONG
(kỳ sau tiếp)

THUỐC ĐAU LƯNG HỒNG-NGUYỄN

TRỊ Đau Suy Yếu, nhức mỏi tay chân, phong thấp, gân Xiết đan nhức.

Nhà nước HỒNG-NGUYỄN
Bà Dương-xuân-Lang chế
245, Đại lộ HS. HOÀNG CHÁNH

KIỂM-NHẬN SỐ 238-BYT/QCĐP. NGÀY 7.8.62.

TRIỂN - LÂM MỸ - THUẬT

QUỐC - TẾ K Y I

★ **CHÂU GIANG**

W.J. ROZENDALL : Tự họa 1953
Mộc bản màu — 51 x 36cm

KHÔNG còn là chuyện dự định nữa. Không còn là bàn tán gì nữa. Nó đã chính thức mở cửa từ chiều ngày 26 tháng 10.1962 tại vườn hoa Tao - Đàn. Với cái tên kinh khủng : *Triển Lâm Quốc Tế Mỹ thuật lần thứ nhất.*

21 quốc-gia tham dự cuộc triển lãm này. Gần 500 bức tranh lớn nhỏ, các loại và một số lượng được trưng bày tại đây.

Theo như cuốn Điều lệ thì

cuộc Triển lãm lần thứ nhất này «... sẽ khiêm tốn và sẽ chỉ được coi như một nơi tảo ngộ của các nghệ sĩ ngoại quốc và Việt-nam, để họ đem các nghệ phẩm và tư tưởng khảo luận, học hỏi kinh nghiệm »... và ban tổ chức đã cần thận « rào » trước về những « thiếu sót có thể xảy ra trong công cuộc tổ chức đầu tiên và mới mẻ này ». Ban tổ chức đã khôn và dĩ nhiên những lời khiêm nhượng đó là bắt buộc.

Với thời gian chuẩn bị trong vòng trên dưới có 6 tháng (lẽ ra cũng phải đòi hỏi thời gian lâu hơn). Hiện tại nó đã mở cửa. Hiện tại người vào xem rất đông. Ít ra ở đêm nay cũng là điều đáng khen sự cố gắng của ban tổ chức. Dù sao cũng là một dịp hiếm có vậy.

● SỰ HƯỞNG ỨNG CỦA QUẦN CHÚNG THƯỜNG NGOẠI

Khác với các cuộc triển lãm mà chúng ta thường thấy tại phòng Thông tin đường Tự-do, số người đến thưởng ngoạn không lấy gì làm nhiều cho lắm, hoặc chỉ gần như giới hạn cho một lớp người nào thôi (?). Cuộc triển lãm Mỹ thuật quốc tế 1962 đã thu hút một số lớn người đủ mọi tầng lớp. Từ già tới trẻ, lũ lượt như đi xem chợ phiên, mặc dầu có bán vé 5 đồng người lớn và 3 đồng trẻ em. Thêm một thành công nữa nếu đứng về phía tổ chức. Tôi tự hỏi thăm : Đó là hiệu kỳ hay sự cần thiết của quần chúng thưởng ngoạn ?

Dưới đây là danh sách các

nước tham dự : Hòa Lan, Đức, Hoa Kỳ, Thụy-sĩ, Anh cát Lợi, Pháp, Ý-dại-Lợi, Á căn Đình, Thôn-nhi-Kỳ, - Ấn - độ, Thái Lan, Túy-ni-di, Ma-rốc, Đại-Hàn, Mã-Lai, Trung-hoa quốc gia, Úc-dại-Lợi, Nhật-Bản, Phi-luật-Tân, Hồng-Kông và Việt-Nam.

Và 3 danh sách các nghệ-sĩ được mời như sau :

1) Các nghệ sĩ Việt-nam và ngoại quốc được ban tổ chức mời (Section mixte-spéciale)

2) Các nghệ sĩ Độc Lập (Section des Invités indépendants)

3) Các nghệ sĩ danh dự (Section des invités d'honneur).

I. — LỰC LƯỢNG TƯỢNG TRƯNG

Đặc biệt của phòng tranh là gian danh dự (vì nó phải là phần tượng trưng sự to tát của cuộc Triển lãm). Chúng ta không khó khăn gì mà không nhận ngay thấy một số lớn các nhân vật nổi tiếng (kể cả trong hội họa) mà ít nhiều trong chúng ta đã biết và nghe thấy tên như các ông: Lê văn-Đệ, Giám đốc trường Cao đẳng Mỹ-thuật Saigon ; Ngô viết Thụ, kiến-trúc-sư, khô

giải La-Mã ; Võ-Lăng, Lê Phồ (hiện ở Pháp) Tạ Tỵ ; Nguyễn văn Thế, điêu khắc sư, đệ nhị giải La-mã ; Đào sĩ Chu ; Nguyễn trí Minh, trong số này còn thêm Họa sĩ Thanh Lẽ (hiện là chủ hiệu sơn mài lớn nhất đường tự-do) v.v...

Đó là sơ qua về khuôn mặt cuộc Triển lãm, nghĩa là phần hình thức của tổ chức.

Cần nói thêm rằng : những tranh bày tại gian danh dự phần nhiều là những sáng tác mới nhất mấy năm gần đây, trừ một bức của Họa-sĩ Lê văn Đệ (số 412 — Nắng hè — Lụa) là vẽ từ năm 1952 đã từng in trên cuốn lịch của phòng thông tin Hoa-Kỳ năm 1960. (Bức này được rất nhiều các bà các cô ưa thích hơn cả. Hình như họ thấy được chút gì có họ trong đó chăng ? Tôi lại nghĩ : Bao giờ quần chúng thưởng ngoạn mới được xem thêm những sáng tác mới của họa-sĩ một cách thích thú như thế nữa ?)

Kiến-trúc-sư Ngô viết-Thụ và Điêu-khắc-sư Nguyễn-văn-Thế, cũng xuất - hiện cho chúng ta được dịp thưởng-thức tài nghệ. Họa-sĩ Tạ-Tỵ vẽ trừu tượng (abstrait), ông Thanh-Lẽ vẽ trời mưa, vân vân...

Kể về sự nổi tiếng thì gian



GYOKUHO ONODERA :
Thiếu nữ Nhật — Điêu-khắc đồng

phòng này có đầy đủ, nhưng tiếc là tranh bày lại không có gì đáng nói cả.

Ánh sáng chưa đủ, nhất là cách bày tham quá (thiếu chỗ trống cho tranh thở). Có thể vì thế mà tranh chưa lên hết, bị giảm đi

rất nhiều? Một tác-phẩm của Mme H. Philipp bằng bột màu (gouache) vẽ «cảnh nhà quê» đẹp lắm.

2.— CẢM-GIÁC ĐẦU TIÊN

Trở vào không khí chung của Triển lãm quốc tế. Một cảm-giác đầu tiên là sự thân-nhiên, rời rạc. Cái rời rạc không ăn khớp ngay ở riêng mỗi gian hàng. Nghĩa là những tiếng nói «đúng» chưa bật lên được từ mỗi quốc gia. Người thường ngoạn vẫn có thể lẫn lộn không khí nếu không nhìn vào các tấm biển treo trước mỗi gian. Có 2 quốc gia dễ nhận nhất là Pháp và Á-căn-Đinh.

Nhận xét này chỉ có nghĩa là toàn thể đều có phảng phất một bút pháp, cái «chất» từng người và tương đối không khí trưng bày đồng đều hơn hết. Người xem không cảm giác bị hẫng xuống từ một thoải mái đến một bức dọc, khó chịu, (khó chịu như đang nhai miếng cơm trắng, thơm lại gặp phải cục sạn cứng đến ghê răng). Sự thoải mái và đều đặn của các gian phòng này còn chứng tỏ: «họ có nghề».

Thêm một quốc gia tôi dễ thấy nữa là: Hoa-kỳ (vì tranh không có khung và được bọc bằng giấy bóng kính).

Khung là nét vẽ cuối cùng. Tranh không khung vẫn xem được, vẫn có giá trị của nó. Tôi không chối cãi. Nhưng không nên đề có những thiếu sót nhỏ mà cần-thiết ở một cuộc triển lãm có tính cách quốc-tế như thế. Có thể nào mặc maillot và quần đùi đi ra phố được không?

3.— NHỮNG «TIẾNG NÓI» TIÊU-BIỂU

Đại-diện Á-căn-Đinh có Victor Chab 2 bức trừu-tượng (186 và 186 bis). Ấn có Bhagwan Kapoor (275) JAYANT PARIKH (277) Hồng - Kông có C. K. WONG (209) Thụy-sĩ với JEAN BAIER (76). JEANNE BIERUMA COSTING, đại diện Hòa-Lan (Đêm tháng năm — số 5). Hoa-kỳ có Leonard Edmondson (41). Pháp có Cavailles (Hoa xanh (247); Legueult — gian buồng dọi nắng (250) v.v... Legueult và Cavailles là hai họa-sĩ mà ít nhiều người chúng ta đã có dịp xem những bản sao (reproductions) của họ ở Prisme des arts, l'œil... có lưu hành ở nước ta mấy năm trước đây).

Tuy không là những tốt đỉnh, (tất nhiên) những công trình sáng tác ghê gớm, thì họ cũng đã có những chiến thắng có «dáng». Những cái có thể chấp nhận được ở họ:



EMIL SCHUMACHER :
Wagadu 1958 — Đức-quốc

Tôi nghĩ rằng, có tên không chưa đủ cho quyết định tối hậu chỗ đứng ở nghệ-thuật. Chính tác phẩm đã dựng nên những cái tên đó. Nghệ-thuật còn từ-chối cả những lời nói suông. Sự chân thành, thiết yếu phải có song song với ý-thức sáng-tạo. Nói nhiều quá chỉ là cách muốn lẫn tránh muốn dấu diếm chỗ yếu kém của mình. Đôi khi giải thưởng (nếu có) chỉ là giá trị một thứ trang sức chẳng hạn,

một giá-trị giới hạn nào đó nếu chưa được chứng minh cụ thể: tác-phẩm.

Phần đông chúng ta còn sùng bái, còn sợ sệt, còn hoang mang đến cái độ coi những thứ trang sức chung quanh ấy như một cơ chính yếu, vĩ đại. Chính vì thế (mà nghệ thuật) bị sự phán xét, sự thưởng ngoạn, lệch lạc, méo mó. Thật là điều đáng buồn vậy.

4.— MỘT THẮC MẮC

Phải công nhận rằng riêng sự cố gắng của Ban tổ chức để thực hiện một phòng tranh quốc tế Mỹ-thuật không phải là nhỏ bé. Dĩ nhiên một vài thiếu sót đáng tiếc. Không thể tránh được (Ánh sáng, cách bày chen chúc, cách xếp đặt lộn lộn trong cuốn Catalogue) v.v... Đó là những kinh nghiệm cần ghi nhớ.

Một thắc mắc cuối cùng: Một số các họa sĩ Độc-lập được mời và có in tên trong Catalogue hẳn hoi mà tại sao không thấy tranh những họa

sĩ đó ? Các họa sĩ này không gửi tranh ? Ban tổ chức không thu xếp kịp chỗ bày ? hay vì lý do lực dục trong.

5.— MỘT Ý KIẾN

Ước mong ở những cuộc Triển lãm Quốc tế sau (trong hay ngoài nước) nên có những khuôn mặt nghệ thuật đại diện vạm vỡ hơn nữa.

Đừng ngại Việt-Nam không có, chỉ ngại sự *chăm sóc vô tư* không được coi là cần thiết mà thôi.

Xem Triển lãm về, một anh bạn tôi (tất nhiên là họa sĩ) nói : «— Mình cụt cả hứng vẽ !» Tôi thì nghĩ khác : Chúng ta được dịp đề so sánh *Người* với *Mình* (dù đây không hẳn là tiếng nói tiêu biểu xác thực của mỗi quốc gia), đã có dịp cho tôi Tin. Tin vào phần lực lưỡng phát triển của nghệ thuật ta (bộ môn hội họa nói riêng) nhiều lắm, nếu những người có trách nhiệm muốn khai thác, vun xới một cách vô tư và thật lòng.

Điều bắt buộc là phải nhìn vào họ, nhìn thẳng bằng tác phẩm họ.

Bài này không chỉ nói riêng

về phần, tranh bày ở triển lãm. Triển lãm Quốc tế mỹ-thuật kỳ I này còn là một thời sự Văn nghệ bắt buộc. Và đề nhìn thẳng vào mình.

Tranh Việt-nam không mấy sút kém, cũng không hẳn nổi bật so với không khí chung. Nhưng những người thường ngoạn muốn đòi hỏi « *một cái gì* » phải lớn hơn thế nữa, khách quan hơn vì Nghệ-thuật chính xác không thể dùng vào khía cạnh nào ngoài nó cả.

Riêng tôi rất buồn là không được hút thuốc lá trong khi xem tranh. Và phòng triển lãm thiếu nhạc.

Tôi xin mượn một câu của Họa-sĩ Ngọc-Dũng trả lời cuộc phỏng vấn về Hội Họa trong báo Bách-Khoa số 140 đề kết luận :

— « *Hãy xem, những hành động, không nên nghe những lời nói « phét ».* »

Tôi thêm : — Một cốc nước trong vắt không có lý cho sự tồn tại của một hạt bụi.

CHÂU-ANG

SÁCH BÁO MỚI

★ Qua trận cuồng phong

Tiểu-thuyết gián-diệp trinh-thám khoa-học, của Tiêu-Kim. Thủy nhà X.B. Thê-kỳ. Giá 46\$.

★ Tiếng Thơ

Thi tập của Hồng Hoa, Từ-lý-Hà, Phụng-Hà, Công-Tâm, Dạ-lý-Hương, Phụng-Hồng, Nguyễn-Lang, Phụng-Hải. Nhà xuất bản Chim Phụng 1962. Giá 18\$.

★ Thoát vòng tục-lụy

Nguyên-văn của Tin-Vân, do Quảng-Độ dịch. Một cuốn tiểu-thuyết mang nhiều tính-chất Phật-giáo — Dịch-giả xuất-bản. Giá 45\$

★ Triết-học và Pháp-văn độ-nhất

Những bài mẫu Luận triết-học cho các bạn ABCD. Cuốn I. Của ô. Huy-Kinh, giáo-sư triết-học. Tác-giả xuất bản. 34 trang. Giá 9\$

★ Tình xứ Mỹ

Tơ của Ngũ-Yên Sông-ngân xuất bản. 50 trang. Giá 26\$

★ Văn-Hóa nguyệt san

Tập XI Quyển 7-8, và quyển 9. Nhiều bài có giá-trị. Giá 12\$ mỗi số.

★ Nội san Nước

Nguyệt-san của Saigon Thủy-Cục cơ-quan tự-trị sản xuất và cung cấp nước Đô-thành Saigon. Số 2, tháng 10.1962 do Phân-đoàn C.C.C.M.Q.G. ấn hành.

★ Kỹ-nghệ-họa

Soạn theo chương-trình giáo khoa kỹ-thuật, dành cho học sinh và sinh-viên các trường kỹ-thuật.

Do Ô. Ngô-đình-Hay, kỹ sư Công-chánh. Quyển I. Nhà xuất-bản Dân-Trí.

★ Quyền chuyện của bạn tôi

Bản dịch cuốn Le Livre de mon Ami của Anatole France. Dịch-giả : Vô-thị-Hay và Lê-ngọc-Trụ.

Bộ Quốc-gia Giáo-dục xuất bản 1962. 245 trang. Giá 55\$

★ **Nhận chờ mỗi ai**

Tiểu-thuyết của Bình-Nguyên-Lộc. Nhà xuất bản Nam-Cường. Giá mỗi quyển 35\$.

★ **Luận ngữ. Tập I.**

Tủ sách Triết-học, Dịch giả: Lê-Phục-Thiện. Bộ Quốc-gia giáo-dục xuất bản — 1962 — 230 trang, giá 95\$

★ **Nuôi con như non tình**

Truyện ngắn của Thế-Nguyên. 35 Trang. Giá 8\$

★ **Pháp-Việt thành ngữ**

Của Nguyễn Chí Hiền. Dùng cho học-sinh Trung-học để nói và viết thông-thạo Việt-ngữ. 82 trang — 20\$

★ **Đường lên Thiên-Thai**

Thi tập của Vương-đức-Lệ. Giải thưởng Văn-chương Toàn-quốc 1960 61.

Mai Trung Tỉnh xuất bản — Giá 50\$

★ **Sự có mặt kiếp người**

Thơ của Duy-Nghiệp — Giá 30\$

★ **Thử đặt một hướng đi**

Của Giác-Lượng, Đà-nẵng. Tác-giả, một vị Tu-sĩ, trình bày một vài quan điểm về nhân-sinh, và hướng dẫn về Thiện. Giá 40\$

★ **Kỷ-niệm Văn Thi-sĩ hiện-đại**

Của Bàng-Bá-Lân

Tiểu-sử và nhận-xét chủ-quan về số ít văn-thi-sĩ quen biết tác-giả. 232 trang — Giá 100\$.

★ **Thư sinh và Trương Chi, 2**

Kịch thơ của Minh-Đức. Paris. Quay Ronéo để tặng riêng.



GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ
KEO SINH TỐ
CHỐNG MỆT-MỎI THẺ XÁC và TRÍ-ÓC
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ẤU-ĐƯỢC

ĐỘU-LOI LỢI-NGỌC

Truyện dài trào-phúng xã-hội ★ NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P.T. 92)

TÔI thương Bích-Ngọc lắm. Tôi muốn nói: tôi mến Bích - Ngọc lắm. Thầy Bích-Ngọc đau khổ như thê, tôi muốn thương, chứ đừng mền, nhưng không thể được. Tôi muốn đừng thương cũng không thể được. Thưa các bạn, tôi không dám nói là tôi «yêu», mặc dầu tôi đã cảm thấy cô thiếu-nữ có sắc đẹp rất dịu-dàng thủy-mị đang sắp bị bơ-vơ trên đường đời, đã khiến tâm-hồn tôi rung-động quá nhiều. Lòng tôi hôm nay bỗng dưng rạo-rực xôn-xao lạ quá. Trái tim tôi giống như chiếc đồng-hồ từ

lâu bị kẹt máy không chỉ giờ, bỗng dưng hôm nay sao tôi nghe nó kêu tíc-tắc... tíc-tắc, nhịp với thời-gian, không gian, hòa với hơi thở thiêng-liêng của vũ-trụ. Hay là có bàn tay huyền-diệu của Bích-Ngọc lên giây cho nó chạy? Tiếng lao-xao trong cõi lòng tôi hôm nay có phải là tiếng nói của Tình-Yêu? Tuy hỏi đó tôi đã quá tuổi trưởng thành nhưng tôi còn khờ-dại lắm, các bạn à. Tôi chưa hiểu Tình-Yêu là gì. Tôi chưa biết yêu ra sao cả. Tôi chỉ chắc chắn có một điều, là nếu sô-

kiếp của tôi phải chấp nối với một người đàn-bà nào, thì trên trái đất này không còn người đàn-bà nào đáng cho tôi triu-mến hơn Bích-Ngọc ! Tôi tưởng-tượng trước mặt tôi, tâm thân yêu kiều mảnh-khảnh của một thiếu-nữ vô-cùng diễm-lệ, thông-minh, khôn-khéo, học giỏi, nghiêm-trang, nhu-mỉ, hiền-hậu ! Tôi không bao giờ quên được cái nhìn buồn-bã đau đớn của Bích-Ngọc trước bao nhiêu tàn-nhân mĩa-mai của cuộc đời ! Tôi không bao giờ quên tiếng nói nhỏ-nhẹ, êm-dịu, trong trẻo, diễm-đạm, ngây thơ của nàng, biểu diễn một tâm-hồn thanh-cao, một trái tim dịu-dàng êm-ái. Bích-Ngọc là tượng trưng người thiếu-nữ hoàn-toàn, hình-ảnh thiêng-liêng của sắc đẹp tận thiện, tận mỹ, có thể tặng cho ta hạnh-phúc chân-thật nhất, thiết-tha nhất, tinh-khiết nhất, người đàn-bà mà ta không nỡ nghi-ngờ một điều gì, và ta không nỡ phản-bội, bởi vì ta biết nàng không bao giờ phản-bội hay nghi-ngờ ta.

Tuy-nhiên, Bích-Ngọc đang lâm vào một hoàn-cảnh rất

thương tâm. Chính vì thế mà tôi thấy tôi không có quyền được yêu nàng. Tôi sợ rằng yêu một người đàn-bà trong lúc họ hoạn-nạn đau-khổ, tức là lợi-dụng sự đau-khổ của họ. Tôi chỉ có bổn-phận giúp đỡ nàng thôi. Nhưng sự giúp đỡ ấy phải thành-thật, đừng vị kỷ, đừng vụ lợi thì mới là cao-quý chứ !

Tôi gặp Bích-Ngọc trong trường-hợp éo le này lúc tôi hãy còn nguyên-vẹn là đứa con trai « trinh-tiết ». Tôi không muốn tình yêu trong-trắng đầu-tiên của tôi là một tình yêu lợi-dụng, một tình yêu tầm-thường ích-ký.

Tôi không muốn bắt chước những đứa trẻ ngây-thơ bắt một con chim bị thương đem về nung-niu trong chiếc lồng-vàng. Tôi muốn quả tim của tôi là một bàn thờ tinh-khiết đầy hương-hoa, chứ không phải là một ngục-tù sơn son thếp vàng để nhốt một nụ cười đau-đớn.

Nhưng tôi biết làm sao bây giờ đây ? Bích-Ngọc hiện ở nhà tôi. Cô trốn đến đây để tránh một cái nhục, nếu tôi không khéo sắp đặt thì có lẽ

cô sẽ phải lâm vào một cái nhục khác, và danh-dự chưa chắc được vẹn toàn.

Đồng-hồ đã điểm 11 giờ, tôi chưa biết giải quyết cách nào. Tôi đã hút gần hết nửa gói thuốc. Tôi đánh diêm châm một điếu nữa. Thằng Ngọng cũng vẫn chưa về. Tôi vội-vàng xuống bếp. Than củi tắt cầm. Tôi đi vo gạo để nấu cơm. Đợi thằng Ngọng về, biết bao giờ ? Để trưa quá, sợ Bích-Ngọc đói. Công việc bếp núc tôi đã làm quen, vì thỉnh-thoảng hễ trong thành-phố có xảy ra một vụ gì là thằng Ngọng đi biên mật như hôm nay, bỏ tôi ở nhà tro-troi một mình. Tôi phải tự làm bếp lầy. Có khi hai ba giờ chiều nó mới về, lật-đật dọn ra cho tôi ăn một gói cơm nó mua sẵn ở ngoài chợ, và một miếng cá-chiên với một gói cà muối. Nó chưa về thì tôi giận nó lắm, chỉ chờ nó về là đập nó một trận cho nó chừa. Nhưng khi nó về, nó vui-cười, niềm-nở hỏi tôi :

— Con sợ cậu đói bụng, thế nà thế nào ?

Tôi phì cười, bẹo vào tai nó nhẹ-nhẹ một chút thôi. Vì tôi thương nó, và không nỡ đánh nó đau.

Hôm nay tôi nấu nồi cơm đã chín, đầy vung để đây. Không có đồ ăn. Các sở đã tan việc. Trông bãi trường đã dục một hồi dài. Các thầy thợ và học trò ra về rộn-rịp. Tiếng chuông xe đạp và tiếng guốc kéo lóc-cóc trên vỉa hè ồn-ào náo-nhiệt trước nhà tôi.

Tôi đợi mãi. Một giờ chiều, thằng Ngọng vẫn chưa về. Tôi bực lắm. Tôi đành dọn cơm lên bàn với một chén nước mắm và hai trái ớt. Tôi lấy lên hai cái chén, hai đôi đũa và cái thìa.

Xong, tôi gõ cửa phòng cô Bích-Ngọc. Cửa không khóa, chỉ khép sớ. Nhưng tôi giữ lễ phép, không đẩy vào.

Bích-Ngọc mở. Tôi bảo :

— Cô ra xơi cơm.

— Dạ.

Bích-Ngọc bước ra, tay cầm một phong thư đã dán và đã để chữ.

Tôi hỏi :

— Thư cô gửi vô Sài Gòn phải không ?

— Dạ, nhưng em không có tem.

— Cô đưa tôi.

Tôi bỏ thư trong túi áo, rồi cười bảo :

— Cô xem, thằng Ngọng đi chợ từ lúc 9 giờ đến bây giờ chưa về !

Bích-Ngọc ngạc nhiên. Tôi nói tiếp :

— Nhưng chốc nữa thề nào nó cũng đem về các thức ăn mua sẵn ngoài chợ ! Cô đi xơi cơm với tôi, đỡ đói bụng. Nó về ăn sau.

Bích-Ngọc bỡ ngỡ ngồi vào bàn, đối diện với tôi. Chính tôi cũng ngỡ-ngờ, nhưng là đàn ông tôi bạo-dạn và tự-nhiên, để cho Bích-Ngọc hơn bớt e-lệ. Nhưng cô vẫn mắc cỡ, ngồi ăn dụi dụi và làm thinh không nói. Thấy cô ăn cơm không, tôi bảo :

— Cô rưới tí nước mắm, vì cơm hơi khô.

Tôi nói lộn, tại tôi bồi-rồi, chứ sự thật cơm tôi nấu hơi nhão. Bích-Ngọc khẽ đáp :

— Vâng.

Rồi cô lấy thìa múc một tí nước mắm chan vào cơm. Tôi hiểu Bích-Ngọc không nói một

câu nào là bởi tính con gái e-lệ, chứ cô cũng phải tự hỏi trong lúc thằng Ngọng đi vắng, ai nấu cơm này, và ai dọn lên đây. Chắc cô biết là tôi, cho nên ngồi trước mặt tôi với đĩa cơm đơn sơ, cô rung rung nước mắt. Có lẽ Bích - Ngọc cảm - động và thương tôi. Bích Ngọc ăn được hai chén cơm Xong cô vô buồn ngủ. Tôi ra phòng ngoài. Thằng Ngọng vừa về. Bước vào cửa, trông thấy tôi, nó hơi sợ sệt, về mặt lo lắng. Nó khẽ bảo tôi :

— Cậu ơi !... cậu và cô Ngọc chắc đói bụng rồi, thề nào thề nào ?

— Hôm nay con về trễ quá.

— Con xin lỗi cậu. Con đi nghe người ta nói chuyện nhiều năm, thề nào thề nào ?

— Chuyện gì ?

— Con nghe người ta nói ông Thừa bà Thừa đang đi tìm bắt cô Ngọc. Chuyện cô Ngọc bỏ nhà trốn đi, cả tỉnh ai cũng biết hết, thề nào thề nào ?

— Con nghe dư-luận ngoài phố có bình-phẩm cô Bích-Ngọc như thề nào không ?

— Thừa cậu, người ta bảo nhà... ông Thừa với bà Thừa

bắt ép cô Ngọc phải nên Tòa ông Nón để ở với ông Nón trong Núc bà Nón đi Sài Gòn, thề nào thề nào ? Ông Nón có hứa với ông Thừa là ông Nón sẽ cho ông Thừa thăng quan tiền chức, và ông sẽ đề nghị bỏ ông Thừa làm Quận trưởng, thề nào thề nào ? Miễn là ông Thừa dụ dỗ được cô Ngọc làm vợ nể ông Nón thì cô Ngọc muốn gì được nấy. Người ta nói hôm nọ ông Nón đi khám trường thầy cô Ngọc nhan sắc đẹp quá và tài-ba nổi-nạc nhất trong nớp, ông hỏi cô con ai, cô Ngọc bảo là cháu ông Thừa Ba. Thề rồi ông Nón gọi ông Thừa nên Tòa bảo như thề... như thề... thề nào thề nào ? Tại như thề nên mới có chuyện ông Thừa bà Thừa dụ dỗ mãi cô Ngọc như thề, thề nào thề nào ? Cô Ngọc không chịu, bà Thừa nài xui ông Thừa đánh đập cô từ hai ba hôm nay, cậu ơi, không phải mới hôm qua, thề nào thề nào ? Hôm qua vợ chồng ông Thừa lại đánh cô Ngọc quá xá, cô mới bỏ nhà trốn đi mất dạng. Sáng nay ông Thừa nên Tòa trình ông Nón, ông Nón nổi giận tam-bành nục-tặc, ông rầy-na ông Thừa

sao nài đánh đập cô Ngọc nằm chi để cho cô bỏ nhà đi như thề, thề nào thề nào ? Ông Nón bảo với ông Phán Mít, với các thầy trong tòa, là ông chỉ muốn mời cô Ngọc nên bi-rô của ông để ông hỏi thăm chuyện học-hành của cô, thề nào thề nào ? Chứ ông đâu có bảo ông Thừa về đánh đập cô, thề nào thề nào ?

— Dư-luận ngoài phố có phê-bình cô Ngọc thề nào không ?

— Người ta ai cũng thương hại cô Ngọc hết, cậu ơi. Người ta ai cũng khen cô ấy, thề nào thề nào ?

— Có ai biết cô Ngọc trốn ở nhà mình không ?

— Dạ không, làm sao ai biết được ? Cậu đã dặn con không nói cho ai biết thì ai mà biết được, thề nào thề nào ?

— Chiều nay con ở nhà nấu cơm, đừng đi đâu nữa nhé !

— Vâng. À, cậu ơi, sáng nay cậu có đưa áo quần của cậu cho cô Ngọc mặc không ?

Tôi lắc đầu, cười :

— Không.

Nó ngạc-nhiên ngó tôi :

— Thề nào thề nào ?

(còn nữa)

★ **Còn tờ Mainichi Sinbun... ?**

(Của ông Phan-thành-Thọ, Hiệu-trưởng trường Thập-Châm)
... Cũng như phần đông độc-giả tạp-chí Phồ-thông, tôi rất vui mừng khi nhận được tờ Phồ-thông số 91 kỷ-niệm Đệ-Tứ chu-niên. Nội-dung tạp-chí thật là đặc-sắc, tuy-nhiên tôi không khỏi hối-tiếc vì một sự sơ-xuất của Quý báo về một chi-tiết trong bài : « Minh ơi ! Tờ báo đầu tiên... »

Việc đó là chỗ liệt kê những tờ báo bị nhất, kết xù nhất trên thế-giới, lại thiếu tên hai tờ báo vĩ-đại nhất hoàn-cầu ấy là tờ MAI NICHU SINBUN và tờ ASAHI ở Đông-kinh, mỗi tờ được phát hành không dưới 4 triệu số mỗi ngày, thật là những số khổng lồ, và là một sự hãnh-diện cho nền văn-hóa Á-Đông nói chung và Nhật-bản nói riêng.

Tạp-chí Phồ-Thông đã được khen là thông-suốt kim cồ, Đông Tây mà lại có điều sơ-xuất ấy, thật đáng tiếc.

Vậy mong Ông cho bổ-chính vào một số sau...

● L. T. S. — Cảm ơn ông đã bỏ chính giùm cho rồi.

★ **Thời-Giang, Không-Giang**

(Của Ông Cao-Trung, giáo-sư — Sài-gòn)

Đọc thơ « Hoang-Vu », chúng tôi được rất nhiều cảm-xúc sâu-dậm, đặc-biệt... Chúng tôi chỉ riêng có một thắc mắc nho-nhỏ, là hai chữ « Thời-giang, không-giang » ở trang 120, lại in có g. (Thơ Hoang-Vu, bài Đêm Từ nghe mưa). Thưa, có phải lỗi tại nhà in không ? »

● **Đáp :** Thưa không phải. Trời mưa tầm tã, nước ngập khắp cả, ngoài không gian nước chảy lại lắng thành như Không-giang, trong hiện tại, trong dĩ-vãng, mưa cũng lênh-láng tràn trề liên tiếp bao nhiêu tháng ngày, biến thời gian thành như Thời-giang, cho nên chàng nằm trong tù nghe mưa, tưởng-tượng như :

Thời - giang
Không - giang,
Sóng cuộn miên-man,
Không bến, không bờ,

.....
Ngày xuân hân-hoan,
Ánh sáng vinh-quang,
Không đến, không chờ...

★ **Xe Tây, xe Mỹ, xe Bè...**

(Của ô. Hà Phi Vân, Bình-Định)

... Trong tạp chí Phồ-Thông số 89 ra ngày 1 tháng 10 năm 62. Ở mục « Thơ lên Ruột » câu 11 có chữ « Xe Tây, xe Mỹ, xe Bè ». Vậy xin cô vui lòng cho biết xe bè là xe gì, ở vùng chúng tôi chưa nghe danh từ này.

Đáp : Ở Sài-gòn có loại xe Peugeot 202, hầu hết là xe taxi, ghi bản hiệu NBE... Tiếng bình-dân thông dụng gọi là xe Bè... (nói chung, loại xe taxi).

★ **Cu-li quân hề...**

(Của Ông Nguyễn tấn Minh, khu phố B. — Tam Kỳ)

... Xin ông chỉ bảo thêm cho tôi và bạn đọc ở đây được biết, bài thơ dưới đây của ai làm ? và làm ra bài thơ ở trong hoàn-cảnh nào ? và tác giả định nói lên cái nỗi gì ?

Đây nguyên-văn bài thơ, mà tôi còn nhớ mảy :

Cu-Li quân hề, cu-li thần,
Cu-Li quan hề, cu-li dân,
Cu-li tú-tài hề, cu-li cử-nhân,
Cu-li trường quan hề, cu-li văn,
Cu-li hề cu-li,
Phi-lu hề phi-lu.

Đáp. — Chúng tôi cũng có được nghe bài ấy, và có người cho biết tác-giả là cụ Phan-Chu-Trinh. Nhưng không rõ có đúng không ?

★ **Thơ Lên Ruột**

(Của các cô Hồng-Tuyết, Thanh, Liên Châu, Hồng Yến, Minh, Thanh-nữ Cộng-Hòa Đô-thành)

... Chúng em chỉ mong mỗi kỳ Phồ-thông đều có 1 bài Thơ Lên Ruột của chị cũng như 1 bài Minh ơi, 1 bài Giấc mơ Hoa, v.v... Thiếu 1 bài Thơ Lên Ruột, chúng em cảm thấy thiếu 1 nụ cười độc-đáo ở nơi chị, chỉ ở nơi chị thôi. Chị ráng chịu mấy đứa em tinh-ngịch rất quý-mến chị nhé. Hoan-hô chị D. H của tụi em !

Đáp. — Xin cảm ơn các bạn. Cười lên ruột thét rồi đôi khi lộn ruột, hết muốn cười. Nhưng càng lộn ruột, lại càng cười Lên Ruột. Chuyện đời còn lên ruột, Thơ Lên Ruột vẫn còn.

★ **Đầu lòng hai ả tố-nga**

(Của Ông Mộng-Điệp, Quảng-Ngãi)

... Sau đây chị giảng giải giùm em 2 câu thơ này :

Đầu lòng hai ả tố nga,
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.

Đầu lòng nghĩa là sao ? Có phải Thúy Kiều và Thúy Vân là hai chị em sinh đôi không ?

Đáp.— Vâng, hẳn là hai chị em cô ấy sinh đôi. Và lại ở trên còn có hai câu :

*Một trai, con thứ rất lòng,
Vương Quan là chữ nối giòng nho-gia.*

* **Giấc mơ Hoa**

(Của cô Duyên-thị-Mỹ, Nguyễn-Du — Đà-nẵng)

... Em không nói, chắc chị cũng dư biết. Đa số nữ Độc-giã hiện giờ mẩn mịch : « Một giấc mơ hoa » là chừng nào ! vì « Giấc mơ hoa » phân tích tâm lý của thiếu nữ qua đủ các khía cạnh của tuổi dậy thì cũng như trưởng-thành, nó lại còn hợp-thời cho thể hệ bạn trẻ hiện tại. Theo em nghĩ, thiết-tưởng, chưa có một quyển sách nào phân tích tâm-lý của thiếu nữ hay hơn « Giấc mơ hoa », vì « giấc mơ hoa » rất sống động và quá thực tế, nó lại còn, trở nên một chuyện phim về : tâm-lý, ái-tình, xã-hội rất thích thú. Vậy, em xin đề nghị với Chị, sau khi đăng hết « Giấc mơ hoa », Chị cho đóng ngay thành sách, để riêng em và các nữ độc-giã được có một quyển sách « gối đầu-giường » hoặc một kim chỉ nam cho thiếu nữ. Em chắc rằng, Chị sẽ tán thành đề nghị của em.

Em thành-thật chúc Chị rất mến của em sống trăm tuổi đề cho « Phở-Thông » thêm phong-phú.

* **Bài Thơ chia ly**

(của cô Hương Trinh, Nữ sinh P.T.G. — Cần Thơ)

... Em hiện là một nữ sinh Phan thanh Giản. Xin thú thật với chị, suốt mấy năm theo học em không sao tránh khỏi chữ « yêu ». Vì thế, sau hai ba kỳ thi Trung học em đều trượt cả. Dù em vẫn còn yêu anh chàng, nhưng em định dứt khoát đề yê chí học tập.

Tuy nhiên, trong lúc buồn em lại nhớ anh chàng và em tin « Người ấy » cũng nhớ em nên em mới đặt bài « Bài thơ chia ly » cho đỡ buồn.

Cũng như thi cử rớt mãi, má em cũng buồn nên em không về thăm nhà... Lâu lắm ! em đã « LỖI HẸN » cùng ba má em. Em đã dứt khoát người ấy đề lo học cho ba, má em vui lòng.

Em thích thơ lắm, tuy thơ văn em còn kém, nhưng em cũng cố gắng trau dồi mãi.

Em viết thư này cho chị đề nhờ chị giúp đỡ em trên phương diện thơ, văn... Được thế là em mãn nguyện rồi.

Quên nói với chị, xưa nay em vẫn là độc giả trung thành nhất của Phở Thông nhé !..

Thân ái chào chị

• **Đáp :**

Đã dứt khoát đề lo học, lo thi cho Ba má vui lòng, ấy là việc rất đáng khen.

Vậy xin thành thật khuyên bạn nên dứt khoát luôn với Văn Thơ. Đã phí nhiều thì giờ rồi, từ nay nên dồn hết ý-chí và tâm nã vào việc học, học ráo-riết đề đi thi.

Khi nào bạn thi đỗ rồi sẽ làm thơ cũng không muộn, và chừng đó tôi sẽ vui lòng đăng Thơ của bạn.

* **« Lão-Tử là một kẻ ngu ? »**

(của Ô, Thanh-Giang, Đại-học Sư Phạm)

... Có lần một giáo-sư Mỹ nói với tôi rằng có người đã phê-bình « Lão-Tử là ngu ».

Rất tiếc tôi không nhớ ông giáo-sư Mỹ nói người phê-bình đó tên là gì ? Nếu cô biết, nhờ cô cho biết ? Vạ-tạ.

Đáp.— Lâm-ngữ-Đường, nhà học-giả Trung-Hoa, có viết trong quyển « *Importance de la Vie* » của ông : « *Lao Tseu est un sacré idiot* ». (Lão-Tử là một kẻ chí ngu), vì ông cho rằng Lão-Tử không biết thụ hưởng cuộc đời.

HÁN VĂN TỰ HỌC

Sách tự học chữ Nho. Tác giả NGUYỄN-VĂN-BA. In kỳ III. Sách dày 332 trang, giấy tốt bìa cứng. Gồm 110 bài có hình vẽ. Học trong 6 tháng, biết được 3.000 chữ và cả một bộ Văn phạm. Có thể đọc các sách đề nghiên cứu Văn-chương, Triết-học và Y-lý Đông-phương, v.v...

Hỏi các nhà sách.

Giá : 150\$

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ ĐIỀU-HUYỀN

★ **Bạn Trần.Thanh, KBC 4601**

«Theo luật-lệ hiện nay cấm lấy hai vợ. Vậy trên 10 năm không có con, có thể lấy thêm vợ lẽ được không? Mong Chị vui lòng trả lời trong Phở Thông...»

Đáp : Theo «Luật gia-đình» thì dù 100 năm không có con cũng không được phép lấy vợ lẽ. Nhưng riêng trong gia-đình, nếu bạn khéo-léo điều-đinh với vợ chính-thức, và nếu bà này thông-cảm nỗi khổ tâm của bạn, thì tôi thiết tưởng bạn muốn lấy mấy cô vợ lẽ cũng không khó! Tôi thấy đời nay chồng lớn chồng nhỏ, vợ lớn vợ nhỏ thiếu chi!

★ **Cô Phan-thị-Châu, Đề-thám Saigon**

AID = Agence Internationale de Développement.

★ **Bạn Vân-Tường, Đại-lộc — Quảng-Nam**

Sữa bò tươi dĩ-nhiên là tốt hơn sữa hộp, vì chất tốt tự-nhiên.

★ **Bạn Lê-Hoàng-Anh, Saigon.**

Muốn có hộp thư riêng ở nhà Bưu-diện, phải đến đây hỏi.

★ **Ô Huỳnh-X.Tôn Giáo-sư Trung-học, Saigon**

OTAN = Organisation du Traité de l'Atlantique Nord (Tổ-chức Hiệp-định Bắc Đại tây-dương)

★ **Bạn Nguyễn-th.Huyền, Chùa Ông, Huế**

Chúng tôi không biết địa-chỉ của cô Thanh-Nhung.

★ **Bà Thanh-Hải, Philippines**

— Về vấn-đề bà hỏi, bà nên viết thư thẳng Tòa Đại-sứ Việt-Nam ở Manille.

— Tập thơ H.V. đã gửi sang bà hôm 15-11 bằng phi-cơ.

— Cụ Trần-trọng-Kim mất tại Dalat, vì bệnh « đứt gân máu ».

★ **Ô. T.T.S đường Huỳnh-quang-Tiên Saigon**

Sách Yoga hình như có bán tại một vài tiệm sách lớn ở Saigòn, có 4 quyển nên đọc: *Yoga pour soi, Yoga pour tous, Yoga pour Elle, ABC du Yoga*, toàn bằng Pháp-ngữ. Với 4 quyển ấy có thể một mình tự luyện Yoga được. Chưa có sách Yoga bằng Việt-ngữ

Chúng tôi rất tiếc không thể mở mục thường-xuyên về Yoga, vì không đủ chỗ.

★ **Cô Lê thị Quỳnh-Mai, Saigon**

Không có hội tìm bạn quốc-tế. Nhưng cô có thể gửi nhờ đăng

mấy giòng tìm bạn ngoại-quốc đề traу-dòi sinh-ngữ, bằng Anh-ngữ trong báo Time of V.N., hoặc Pháp-ngữ trong J.E.O. nơi mục *Petites annonces*.

★ **Bạn Hoàng-Oanh, Đường Trần-nguyên-Hãn, Nha-trang**

Xin cảm ơn bài thơ tặng D.H.

★ **Cụ Ung-Trinh, Phan-đình-Phùng — Huế**

Xin kính gửi lời trân-trọng cảm ơn Cụ. Riêng về việc xuất bản hai tập sách của vị ấy, chúng tôi rất tiếc không thể đảm-nhận được. Kính chúc Cụ khương an.

★ **Ông Long Soukchaleun, Boîte Postale 22 Paksé — Laos**

Thơ *Hoang-Vu*, quyền đặc biệt, có chữ ký của tác-giả, theo lời ông yêu cầu, đã gửi đến ông, bằng bưu-diện, hôm 14-11 vừa rồi.

★ **Ô. Võ-văn-Thân, Fimnum**

Phở-Thông từng thư sẽ tiếp-tục xuất-bản tất cả những sáng-tác của chúng tôi đã đăng trong P.T tạp-chí.

★ **Em Như Nguyên Quảng-Ngãi**

10-10 Bích-Tuất = 3-11-1946

★ **Ô. V. Điều KBC 4920**

10-11-1934 = Ngày thứ Bảy, 4-10 Giáp-Tuất.

★ **Em Đỗ thị Lệ-Chi Sàigòn**

20-4 Tân-Tỵ = 15-5-1941

★ **Ô. Hoàng trọng Gi, Mỹ-Tho**

« *Mein Kampf* », tên quyền sách Đức của Hitler viết lúc còn ở trong ngục, có nghĩa là « Cuộc tranh đấu của tôi »

★ **Ô. Thanh Quới, Ba-Xuyên**

Chúng tôi cũng không được rõ sự-tích « *Ông Huyện Ba Phải* », vì không thấy kinh sách nào nói đến. Nhưng chuyện ông *Hai Phải*, thì thấy trong *Lã thị Xuân Thu* có nói đến.

Đặng-Tích, ở thời Xuân-Thu, bên Tàu, là một quan đại phu, rất giỏi về Luật-pháp thời bấy giờ. Một hôm tại tỉnh Hà-Nam nước Sông Vĩ bị lụt lênh cao. Một ông nhà giàu đi qua đó bị nước cuốn trôi. Có người vớt được xác. Người nhà giàu xin chuộc, kẻ vớt được xác lợi-dụng cơ-hội, đòi thật nhiều tiền. Người nhà giàu đến thưa với Đặng Tích. Đặng-Tích bảo : « Người chớ lo! Nó còn mong bán cái xác ấy cho ai được nữa! »

Chờ mãi không thấy người nhà giàu đến xin chuộc xác, kẻ vớt xác đến hỏi ý-kiến Đặng-Tích. Ông quân-sư này lại bảo : « Người chớ lo! Nó còn mong mua cái xác ấy của ai được nữa! » Lối nguy-biện « hai phải » của Đặng-Tích là điển-hình cho

những kẻ muốn nói xuôi cũng được, nói ngược cũng xong.

★ **Cô M. T. B., Hai Bà Trưng, Sài Gòn.**

— Thành thật cảm ơn mỹ-ý của cô. Rất tiếc, chưa có thể mở *Club Yoya* được, vì hiện nay chúng tôi có rất ít thì giờ, Vị-trí của tòa báo và nhà in chúng tôi cũng không được thuận tiện cho việc nhóm họp các bạn Yogi và Yogini.

— Bạn đọc có thể gặp tôi tại Tòa soạn, vào buổi sáng. Thân mến.

★ **Trả lời chung những bạn muốn chúng tôi trả lời bằng thư riêng**

Xin các bạn đừng gửi tem yêu cầu trả lời thư riêng. Mong các bạn thông cảm vì chúng tôi có rất ít thì giờ.

★ **Trả lời chung các bạn hỏi mua những số Phổ-Thông cũ**

— Hiện ở tòa-soạn còn từ số 36 đến nay, (rất ít).

— Nếu bạn mua nhiều, chúng tôi sẽ trừ 40%

— Bạn có thể gửi trả tiền bằng tem Bưu-điện, theo giá tiền những số báo bạn hỏi.

— Xin cho tên thật và địa chỉ thật rõ ràng.

★ **Ô. Trần-Ký Lê văn Duyệt, Sài Gòn.**

Có 2 nước nhỏ nhất trên Thế-giới: 1) **Monaco**: dài = 8km rộng 1km. Dân số: **1.578** người. Dân nói tiếng Pháp.

2) **San Marino** (tiếng Pháp gọi là *Saint Marin*), một nước Cộng-hòa ở trong kẹt bờ biển nước Italia (Ý) về phía đông thành phố Florence. Rộng **61km²**. Dân-số **13.500** người. Thủ-đô = San Marino. Dân nói tiếng Ý.

KIM - TINH

KHÁCH SẠN

Phòng lịch-sự, rộng-rãi, mát-mẻ,
đầy đủ tiện nghi, có nhà để xe

Giả phải chăng — Chủ nhân kính mời

Góc đường Tự-Do và Lê-văn-Duyệt — LONG-XUYỀN (An-Giang)

thơ Hoang-Vu

đã có bán gần khắp các đại-lý các tỉnh

TÔNG - PHÁT - HÀNH
DUY - NHẤT Ở VIỆT - NAM :

PHỔ-THÔNG TÙNG-THƯ

531, Đại-lộ Trần-Hưng-Đạo

★★★★ SAIGON ★★★★★

Các vị Đại-lý nào chưa liên-lạc với chúng tôi, xin viết thư cho chúng tôi, chúng tôi sẽ gửi sách đến ngay.

XIN TRẢ LỜI CHUNG

**Các bạn mua Thơ HOANG-VU
muôn có chữ ký của tác-giả**

- Ở Sài-gòn — Chợ-lớn, xin mời đến Tòa-soạn tạp-chi Phổ-Thông, buổi sáng từ 9 đến 11 giờ 30.
- Ở tỉnh, xin gửi sách (nếu mua rồi), hoặc tem bưu-điện (30\$, hoặc 85\$ theo giá sách) về tòa-soạn. Sách sẽ gửi đến bạn với chữ ký của tác-giả. Xin biên tên họ và địa chỉ rõ-ràng để gửi sách khỏi thất lạc

★ Giá bán nhất định : thường = 30\$
Đặc-biệt = 85\$

★
TÔNG - PHÁT - HÀNH
Ở NGOẠI - QUỐC
LONG - HIỆP

13, rue de la Montagne Ste Genèvière
PARIS — V

XỔ-SỐ KIẾN-THIỆT QUỐC-GIA

**GIÚP NƯỚC THÊM NHÀ
TA THÊM CỦA**

3 LÔ ĐỘC ĐẮC

mỗi lô :

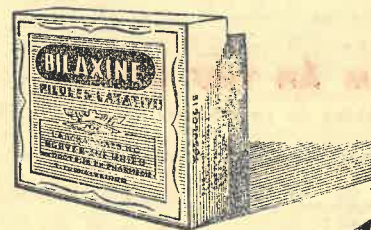
1.000.000\$

**Xổ Thứ Ba Hàng Tuần
mỗi vé 10\$**

*Thần-Tài chẳng vị riêng ai
cứ mua vé số
thì Thần-Tài sẽ đến thăm*

POLYVIT C_a
TÉVÉTÉ

ĐÀN BÀ ĐƯỠNG-THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒM-YẾU, ÈO-OT, CHẬM MỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY VÀ TIỆM TRỪ AU-ĐƯỢC



BILAXINE
*Thuốc
nhuận trường*

CÓ BÁN KHÁP NHÀ THUỐC AU MỸ

K.N. số 93 của Bộ Y-Tế ngày 5-8-62

THƯ LÂM ÁN THƯ QUẢN

231-233, Phạm Ngũ Lão — Sài Gòn

Điện-thoại : 25.861

Số thương-mại Sài Gòn số 640 A

Số Quốc Gia Danh Bộ 25 129 54 001

- In sách báo, các loại sổ sách, giấy tờ văn-phòng bằng Việt, Pháp, Anh, Hán-tự.
- In lịch treo — Lịch bỏ túi — Nhân hiệu, bao hộp — Đóng sách đẹp
- Cung cấp dài hạn ấn-phẩm, dụng-cụ văn-phòng cho công sở, tư sở, tại Sài Gòn và các Tỉnh.
- Có xưởng máy cung cấp các thứ phù hiệu, cờ cho các hiệu đoàn, nhân cò áo (étiquettes) lớn, nhỏ đủ loại, đủ cỡ. Màu đẹp, bền không phai.
- ✱ Gửi bưu phiếu thanh toán xin dùng Thiếp phiếu mẫu CH. 1418 (do Bưu-điện phát không) chuyển tiền vào Trương mục :

Sài Gòn T/M số 2701

THƯ LÂM ÁN THƯ QUẢN

- ✱ Gửi tiền bằng cách này không tốn cước mandat và cò thơ chỉ cả, lại được nhanh chóng và không sợ bị thất lạc.

Công-Ty Bảo-Hiêm

« LE SECOURS »

Công-Ty Bảo-Hiêm và Liên-Hiệp Bảo-Hiêm những tai-nạn, hỏa-hoạn, trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30-32, đường Laffitte — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông :

16, đại-lộ Nguyễn-Huệ (Charner cũ) Saigon

Điện - Thoại : 20.461

- Bồi thường mau lẹ
- Nghị thức giản tiện

☉ Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiêm.

AI ĐAU GAN NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

Ai đau gan?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÀN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC ÂU MỸ

HEPATIC

Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu

Kiểm nhận số 38/Q.C.D.P.BY.T. ngày 22-7-60

Asphélyne



Đặc biệt trị:
SUYỄN

**PHARMACIE
KIM-QUAN
SỐ 1 CHỢ BẾN THÀNH
SAIGON**

K.N. số 56 Bộ Y-TS/QCDP ngày 20-6-61

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản nhiệm: **NGUYỄN-VỸ**

In tại **THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN**
231-233, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn

AI ĐAU GAN NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

Ai đau gan?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC CÁI MỸ

HEPATIC

Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu

Kiểm nhận số 38/Q.C.D.P.BY.T. ngày 22-7-60